

MOMENT IN PEKING

BẮC KINH MỘT THỜI

"Chinese to the bone. Lin Yutang has written the great novel of modern China."

"Mang đậm chất Trung Hoa. Lâm Ngữ Đường đã viết nên cuốn tiểu thuyết vĩ đại của Trung Hoa hiện đại."

Pearl S Buck



Lin Yutang
Lâm Ngữ Đường

Người dịch: MINH ĐIỂN Tập 5 Hiệu đính: ĐẮC THỊNH

Moment in Peking **Bắc Kinh một thời**

tập 5

(chương 41 đến chương 45)

Lâm Ngữ Đường

Người dịch: Minh Điền

Hiệu đính: Đắc Thịnh



Paris * 02-2026

Nguồn : *Internet*
Ebook : *Thư viện Tiểu Lùn*

Moment in Peking
Bắc Kinh một thời

LÂM NGỮ ĐƯỜNG

THE JOHN DAY COMPANY NEW YORK
1939

Mục lục

Tập 5

41. Chương 41	9
42. Chương 42	73
43. Chương 43	144
44. Chương 44	232
45. Chương 45	288

CHƯƠNG 41

第四

十一章疯狂掠夺日本走私
病榻缠绵木兰探父

Chương Bốn Mười Một:
Cuộc cướp bóc điên cuồng hàng lậu
của Nhật Bản; Mộc Lan đến thăm
cha khi ông đang nằm liệt giường

uốn sách của Lập Phu được
xuất bản vào mùa thu năm
1932, ngay sau cuộc chiến tranh

Trung-Nhật ở Thượng Hải; và, như đã dự đoán, công chúng ít chú ý đến nó. Công việc thực tế mất hơn hai năm, và việc sửa chữa và chuẩn bị in mất khoảng một năm. Trần Tam từ bỏ nghĩa vụ quân sự và trở về sao chép tài liệu. Anh mất một tháng để chuyển từ việc cầm súng sang cầm bút lông để có thể viết với nét chữ sạch sẽ như thường lệ.

Sau khi hoàn thành công trình lớn, Lập Phu và Mộc Hoa đến Hàng Châu để nghỉ ngơi xứng đáng và có một buổi ăn mừng lớn. A Phi và Hương Quý cũng đến thăm người cha già và mời ông lên ở với họ. Hương Quý kể với họ về cái chết đau buồn của cô dâu của A Tuyên (con nuôi của Mận Nhi), người đã qua đời sau khi sinh một bé trai,

và Mận Nhi vì thế lại có một đứa trẻ để nuôi dưỡng, như bà đã từng nuôi dưỡng chính A Tuyên. Hương Quý cũng kể về tình bạn đã nảy sinh giữa hai người đàn bà góa phụ, Mận Nhi và San Hô, cả hai giờ đều đã cao tuổi và mỗi người có một thanh niên làm con mình. Người mà San Hô phụ trách, Bảo Nhã (con trai của Tích Nhân và Ngân Bình), vừa tốt nghiệp đại học và đang phát triển tình bạn với A Tuyên. Mận Nhi đang tính chuyện cho A Tuyên rời khỏi Ngành Hải quan, vì bà kinh hãi trước những câu chuyện anh kể về những cuộc chạm trán với bọn gangster buôn lậu thuốc phiện. Nếu có chuyện gì xảy ra với A Tuyên, bà sẽ phải một mình nuôi đứa cháu nội nhỏ, và bà đã quá già cho việc này rồi. Bà

hy vọng A Tuyên sẽ tái hôn, để bà cũng có một cô con dâu để nương tựa. Hương Quý không sinh được con trai, và Mộc Hoa không có con gái, và họ đã nói sẽ đổi đứa con út của Mỹ người lấy đứa con của người kia, nhưng cho đến nay vẫn chưa làm gì về việc này.

Trần Tam và vợ cũng đến Hàng Châu. Khi nghe về công việc của A Tuyên, anh nghĩ mình cũng có thể gia nhập Lực lượng Phòng chống Hải quan, để thoát khỏi chính trường. Anh ta rất giỏi sử dụng súng và là một tay thiện xạ cừ khôi. Bản thân A Phi cũng có liên hệ với đường dây buôn bán thuốc phiện.

A Phi là một xạ thủ cừ khôi, tay nghề điêu luyện. Bản thân A Phi có

liên hệ với Cục Cẩm Thuốc Phiện và nói rằng có thể giúp xếp chỗ cho Trần Tam, và có lẽ Mận Nhi cũng vui lòng nếu anh ta làm việc gần A Tuyên. Vì vậy, khi A Phi và Hương Quý trở về Bắc Kinh cùng ông Diêu, Trần Tam và Hoàn Nhi cũng đi theo, và Trần Tam gia nhập ngành Hải Quan cùng với A Tuyên.

Trong những năm tiếp theo, cuộc sống của Mộc Lan tương đối bình lặng. Cô và chồng đã ổn định với một cuộc sống gia đình yên bình và mãn nguyện. Sự việc với Lệ Hoa đã dạy cho cả hai một bài học. Tôn Á nói với vợ rằng có lẽ anh đã hành động ngu xuẩn, nhưng lúc đó anh đang ở trong trạng thái tâm lý biết rằng một chuyện gì đó chắc chắn sẽ xảy ra. Anh nói mình

không phải thánh nhân và đã khao khát một sự thay đổi. Trên thực tế, anh nói, điều anh cần chỉ đơn giản là sự mới mẻ, như anh cần sự mới mẻ trong thức ăn vậy.

Mộc Lan hoàn toàn hiểu điều đó. Xa rời việc để cuộc sống hôn nhân trôi theo lối mòn, coi mọi thứ là đương nhiên với tất cả mọi việc xảy ra đúng lịch trình, cô đã tạo ra những điều mới mẻ trong thức ăn, ngôi nhà và những thú vui của cuộc sống, với một sự tinh tế chín chắn khiến chồng cô không ngừng ngạc nhiên. Có những cách pha chế mới với táo tàu ướp rượu, những kết hợp mới giữa mứt táo mật với giảm bông, những cách làm mới với lươn xay sốt đậm đà, với “cơm tám bảo”, với gà “ủ” hấp

cùng măng và trái vả Tứ Xuyên, các món canh ba ba sánh đặc nấu với chân ngỗng có màng, lát bào ngư luộc chín lạnh ăn chơi, cá hun khói đường và cua ngâm rượu và nghêu mềm vỏ ướp rượu. Cô phát minh ra những cách trình bày và thưởng thức thức ăn mới và thử nghiệm với các đồ đựng thủ công địa phương và với những chiếc giỏ cơm treo Hàng Châu xinh xắn. Nhớ lại cách nướng thịt cừu của người Mông Cổ tại một nhà hàng nổi tiếng ở Bắc Kinh, cô cho đốt một lò than trên một cái chậu thô, với một tấm lưới kim loại lồng vừa khít phía trên; sau khi chuẩn bị những lát thịt bò và cá rất mỏng nhúng vào nước tương, họ sẽ chuyển lò than vào giữa sân và nướng thịt trên tấm

lưới, mỗi người tự nướng miếng của mình bằng một đôi đũa gỗ thô, và đứng ăn, như cô nhất quyết yêu cầu. Bắt chước tục lệ miền Nam làm “gà ăn mày”, cô sẽ mang ra cho một buổi dã ngoại nguyên một con gà, với lòng ruột đã lấy ra, nhưng lông chưa vặt. Cô sẽ lấy một cục đất sét và phết lên toàn bộ con gà một lớp bùn rồi nướng nó trong lửa trần, như nướng khoai tây. Sau hai mươi đến ba mươi phút, tùy vào lửa và kích cỡ con gà, cô sẽ lấy nó ra, và lông sẽ bong ra cùng với lớp bùn đã đóng cứng, và bên trong sẽ là một con gà nóng hổi bốc hơi, thịt mềm mại tinh tế, không mất đi chút nước ngọt nào. Xé cánh, đùi và ức gà bằng tay và chấm với nước tương ăn, họ thấy

món khoái khẩu của kẻ ăn mày này là con gà ngon nhất họ từng được ăn trong đời.

Cô tuyên bố rằng, rốt cuộc, cách nấu nướng đơn giản nhất là tốt nhất, phụ thuộc vào tự nhiên nhiều hơn là vào tài nấu nướng phô trương. Một đầu bếp giỏi cũng như một nhà giáo dục giỏi; nhiệm vụ của ông ta chỉ đơn thuần là làm bộc lộ tài năng của con gà và trình bày nó một cách ưu việt nhất, như một giáo viên giỏi khơi dậy tài năng tiềm ẩn trong một chàng trai trẻ. Nếu cho rằng tài năng nguyên bản đã có sẵn trong con gà, thì việc dụ dỗ, nhồi nhét, áp đặt và gia vị quá nhiều sẽ chỉ làm phân tán khỏi vẻ đẹp và phẩm chất đơn giản của nó. Điều chính yếu, cô nhận xét đúng

đần, là ăn đồ nóng, ngay sau khi chúng vừa chín tới, bởi nếu không quá trình nấu sẽ tiếp tục sau khi thức ăn được lấy ra khỏi nồi niêu, do nhiệt lượng còn sót lại trong nó, và kết cấu của thịt, cá hay măng sẽ bị thay đổi, khiến một món được nấu hoàn hảo trở thành bị nấu quá chín.

Tất cả những điều nhỏ nhặt này đều rất thuyết phục Tôn Á, mặc dù chúng có thể không đủ để mua chuộc Lập Phu. Sự tương phản giữa hai chị em khá rõ rệt. Mộc Hoa kỳ vọng ít hơn vào cuộc sống và cô kết hôn với một người chồng mà cô tôn thờ; và, trong việc tôn thờ và chăm sóc chồng cùng các con, cô tìm thấy hạnh phúc trọn vẹn.

Mộc Lan vốn khao khát một cuộc sống lý tưởng, nhưng cô cảm thấy hài lòng, bởi vì cô đã đủ chín chắn, với những gì cô có thể tìm thấy và với việc cố gắng tạo ra từ đó một cuộc sống cho bản thân đẹp đẽ nhất có thể. Có nhiều tính nghệ thuật và sự tinh tế có ý thức hơn trong điều này. Những thú vui ẩm thực đối với cô chỉ là một trong những khía cạnh, dù là rõ ràng nhất và chắc chắn nhất, trong hành trình tìm kiếm hạnh phúc của cô. Trong cuộc tìm kiếm này, cô quay trở lại với cuộc sống của các giác quan và bám lấy nó, dường như, vì tuyệt vọng, hoặc ít nhất là vì sự tỉnh ngộ khôn ngoan. Lùi lại phần nào khỏi công việc nhà thông thường sau sự việc Lý Hoa, giờ đây cô có ý thức đưa nhiều phong

cách hơn vào trang phục của mình. Cô vẫn thay đổi kiểu tóc như cô thường làm trong những năm đầu hôn nhân, và sẽ mặc quần dài hoặc váy ngắn hay áo dài tùy theo tâm trạng và mùa. Chẳng hạn, vào mùa hè, cô gác bỏ áo dài và chuyển sang mặc thứ tương đương với đồ ngủ. Xuân, hạ, thu, đông đối với cô không bao giờ giống nhau, không chỉ là những thay đổi về nhiệt độ. Ngay cả những chậu hoa của cô cũng thay đổi theo mùa (một sở thích mới được chồng cô cùng chia sẻ) vậy nên tâm trạng, việc đọc sách, các hoạt động và thú vui của cô cũng thay đổi theo chúng.

*

Cuốn sách của Lập Phu được công nhận là tác phẩm tốt nhất và toàn diện nhất về chủ đề này. Trong khi các chuyên gia chưa sẵn sàng chấp nhận cách diễn giải của anh về mọi điểm, họ đồng ý về tính triệt để và học vấn uyên bác của anh. Ngữ văn học luôn là một môn học được coi trọng vì liên quan đến học thuật kinh điển, và tên tuổi của anh dần dần được các giáo sư Trung văn biết đến. Anh bị lôi kéo vào nghề dạy học trong một thời gian ngắn tại một trường đại học nhỏ gần nhà, và anh rất quan tâm đến cải cách giáo dục đại học. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau, anh phát hiện ra rằng về bản chất mình là một loài động vật ăn cỏ, như anh tự gọi, chỉ quan tâm đến việc chăn thả cá nhân, trong khi có rất nhiều

loài động vật ăn thịt, ngay cả trong số các đồng nghiệp của anh trong ngành giáo dục, những người quan tâm nhiều hơn đến việc ngăn cản người khác chần thả thoải mái hơn là chần thả trên cánh đồng cá nhân của chính họ. Anh thấy rằng đúng là trường đại học càng nhỏ, càng có nhiều chính trị gia và chính trị nội bộ càng hỗn loạn. Sự nhỏ nhen của họ khiến tâm hồn Lập Phu phải đau đớn. Anh nổi bật hơn những người khác trong trường đại học thị trấn nhỏ, cả với tư cách là cựu giáo sư của một trường đại học Bắc Kinh và là một tác giả đã cho ra đời một công trình quan trọng. Một tin đồn được lan truyền bởi những đồng nghiệp nhỏ nhen của anh rằng sự nghiêm túc mà anh dành cho cải cách trường đại học cho thấy

anh có tham vọng trở thành hiệu trưởng. Đó là một ý tưởng kỳ lạ và buồn cười đối với anh đến nỗi anh rời khỏi trường đại học sau kỳ nghỉ, khiến một số đồng nghiệp của anh hả hê.

Tuy nhiên, một ngày ở Nam Kinh, anh tình cờ gặp Ngụy Vũ, vị Ngự sử triều đình cũ đã từng hặc tả ông lão Tân, và giờ là một thành viên quan trọng của cơ quan Giám sát của chính Phó. Ông Ngụy giờ đã gần bảy mươi tuổi, và được trao chức vụ này nhờ danh tiếng cao của mình. Ông đã theo dõi vận mệnh của gia đình họ Tân, và đã đọc về vai trò của Lập Phu trong vụ vạch trần Hoài Ngọc. Sau một lúc, họ bắt đầu nói về những mối

quan tâm chung, và ông lão nhất quyết mời Lập Phu đến giúp ông. Ở Nam Kinh, ông đã tự làm nổi danh bằng việc hặc tả vài quan chức nổi bật. Nhiệm vụ của ông đòi hỏi rất nhiều công việc điều tra thực địa, sàng lọc bằng chứng và chuẩn bị tài liệu; và ông không có người trợ lý trẻ đặc biệt có năng lực.

Vào thời điểm này, cơ quan Giám sát là một trong năm Viện của chính Phó Nam Kinh, địa vị của nó ngang hàng với Hành chính, Lập pháp, Tư pháp và Khảo Tuyển Viện. Nó độc lập với các Viện khác và có các cục tỉnh trên khắp cả nước. Người dân được tự do gửi đơn hặc tả các quan chức không trung thực, và cục sẽ cử các quan

chức của mình, đi công khai hoặc cải trang, đến điều tra các vụ việc tại chỗ.

“Anh thích công việc này,” Lập Phu nói với vợ. “Nếu phải làm việc liên quan đến chính Phó, thì đó là loại công việc anh sẽ thích.”

“Em biết, em biết,” Mộc Hoa nói. «Máu của Dương Kế Thắng. Em không biết nên nghĩ gì. Anh tốt hơn nên hỏi mẹ anh. Dòng máu họ Dương là từ bà ấy mà ra.”

Lập Phu đi hỏi ý kiến mẹ. Bà khác xa với tổ tiên của mình, Ngự sử Dương. Bà đã nghe về sự tuần tiết của ông Dương từ ba trăm năm trước. Nhưng bà bị thuyết phục bởi con trai rằng giờ đây là nước cộng hòa, và có sự bảo vệ hiến pháp cho

các Ngự sử. Lập Phu cam đoan với bà và vợ rằng các Ngự sử hoàn toàn độc lập với các quan chức khác và được bảo vệ bởi các thủ tục chính thức khi thực hiện nhiệm vụ — đây là một trong những dấu hiệu tốt nhất của sự cải thiện chính Phó. Nó sẽ khác với việc viết bài chỉ trích quan chức với tư cách thường dân. Người mẹ nghĩ đó là một vinh dự cho con trai được làm quan; và, vì anh không thích dạy học, anh phải có một công việc hoặc nghề nghiệp. Mộc Hoa cũng nghĩ Lập Phu giờ đã lớn tuổi hơn và bớt nông nổi. Vì vậy, vợ và mẹ cho phép anh nhận chức vụ Tham nghị trong cơ quan Giám sát, với mức lương ba trăm đồng một tháng.

Anh đến Nam Kinh nhậm chức và tỏ ra là một trợ thủ đắc lực cho ông lão Ngụy, người ngày càng phụ thuộc vào anh. Các Ngụy sử đương nhiên biết về mặt xấu nhất của giới quan chức và thường tự giải trí bằng cách nói về các quan chức khác nhau sắp bị hặc tả và quyết định thời điểm hành động. Trước khi một vụ hặc tả được quyết định, có một sự phấn khích lớn trong văn phòng, đặc biệt nếu quan chức đó có một chút nổi bật. Lập Phu thích công việc thám tử, gắn mũi tên vào cây cung, nhắm bắn chính xác trước khi bắn, quan sát nạn nhân khi bị trúng đạn, và cũng là cảm giác công lý được thực thi cho dân chúng. Tuy nhiên, tất cả các vụ hặc tả đều được thực hiện dưới

tên Ngụy Vũ, và Lập Phu bằng lòng với việc làm công tác nền tảng.

Anh thường xuyên đi lại giữa nhà và Nam Kinh, đôi khi ghé thăm gia đình trong các chuyến đi điều tra. Công việc của anh tiến triển thành công; và Mộc Hoa, được nghe những câu chuyện bên trong về tham nhũng và áp bức, bắt đầu tin rằng công việc của anh là quan trọng và có lợi cho đất nước.

Hơn nữa, có những dấu hiệu rõ ràng rằng dân tộc Trung Hoa cuối cùng đã trên con đường tiến bộ. Các cuộc nội chiến đã chấm dứt, tái thiết nội bộ đang diễn ra với tốc độ cao, tình hình tài chính của chính Phủ không ngừng được cải thiện nhờ sự thống nhất đất nước

và sự ổn định của chính Phó, và, tốt nhất là, có một tinh thần yêu nước mới và sự tự tin dân tộc cả trong nhân dân và trong hàng ngũ quan liêu chính Phó.

*

Nhưng nếu tình hình ở miền Trung và nói chung đang tiến bộ nhanh chóng, thì tình hình ở Bắc Kinh, giờ được gọi là Bắc Bình, lại hết sức kỳ quặc. Một cơn bão đang ập xuống vùng Đông Bắc, được báo trước bằng những dấu hiệu và điềm báo mà không lời nào có thể diễn tả. Bầu không khí đầy điện tích, và dây thần kinh căng như dây đàn đến mức căng thẳng không chịu nổi, như chúng ta cảm thấy trước

khi bùng nổ một cơn giông bão lớn. Bắc Kinh nằm dưới quyền của Hội đồng bán tự trị, được chính Phó Nam Kinh thành lập như một vùng đệm để ngăn chặn sự xâm nhập của người Nhật từ phía ngoài Vạn Lý Trường Thành. Cái gọi là chế độ “Đông Hà Bắc bài Cộng” được người Nhật truyền cảm hứng và hỗ trợ trong “vùng phi quân sự”, đã mở rộng quyền tài phán của mình đến Đông Châu cách Bắc Kinh vài dặm về phía đông. Một cảm giác bất an và thảm họa sắp xảy ra đang tràn ngập trong lòng người dân. Hoa Bắc không phải là của Trung Quốc cũng không phải của Nhật Bản, không độc lập với chính Phó quốc gia cũng không hoàn toàn phụ thuộc vào nó. Và chính Phó bù nhìn Đông Hà Bắc là thiên đường cho

những kẻ buôn lậu và buôn bán ma túy và lưu vong Nhật Bản và Triều Tiên. Một trận lũ đã tràn qua Vạn Lý Trường Thành, với những dòng chảy nhỏ của chất độc và hàng lậu chảy đến tận Bắc Kinh và về phía nam đến Sơn Đông và phía tây đến đông nam Sơn Tây, báo trước đầu tiên cho cái mà Nhật Bản gọi là «trật tự mới ở Á châu.»

Bởi vì một cuộc chiến đang đến, một cuộc chiến đến chết giữa Trung Quốc và Nhật Bản. Sức mạnh và tầm nhìn của con người không thể ngăn chặn nó cũng như không thể ngăn chặn sự nổi lên của một cơn bão trên biển. Đôi khi người ta tự hỏi tại sao phải có chiến tranh; chỉ

có việc nghiên cứu bầu không khí trước chúng, chẳng hạn như vào đêm trước Cách mạng Pháp, mới có thể giúp hiểu được những biến động như vậy. Chúng ta có thể cố gắng phân tích nguyên nhân của Chiến tranh Trung-Nhật; nhưng chúng ta cũng chỉ là những nhà khí tượng học đọc những dao động mãnh liệt thú vị của phong vũ biểu trước một cơn bão, hoặc các nhà địa chấn học phân tích biểu đồ dao động sau một trận động đất.

Trước khi chiến tranh nổ ra, đã có “cuộc chiến thần kinh”. “Chiến tranh”, thực tế, chưa bao giờ bị gián đoạn kể từ khi Nhật xâm lược Mãn Châu năm 1932. Và “trật tự mới ở châu Á” đã được thiết lập ở Mãn Châu và khu vực Đông Hà Bắc

trong những năm giữa 1932 và khi bùng nổ năm 1937. Hiểu được “trật tự mới” đó và cuộc chiến thần kinh là hiểu được tại sao chiến tranh lại xảy ra như vậy.

Sau khi trở về Bắc Kinh, ông Diêu không muốn quay lại miền nam nữa. Ông đã bảy mươi chín tuổi và đang ở với con trai là A Phi và con dâu trong Vườn. Vào tháng Năm năm 1936, Mộc Lan và Mộc Hoa nhận được điện tín từ người em trai nói rằng cha già của họ đang ốm nặng và họ nên đến. Họ đã lên cùng một số đứa trẻ, nhưng Lập Phu không thể đi ngay được mà phải đợi sau, vì công việc quan trọng.

Đến ngôi nhà vườn xưa của họ,

họ thấy cha mình đang nằm trên giường, rất gầy yếu, nhưng tinh thần vẫn hoàn toàn minh mẫn. Dường như thân thể ông đã hao mòn như một cỗ máy, và chỉ còn tinh thần là ở lại. Bệnh của ông bắt đầu từ một cơn cảm lạnh, do ông cứ khẳng khẳng ngủ mở cửa sổ. A Phi đã nghĩ rằng có thể nó sẽ gây tử vong. Tuy nhiên, lão Diêu dường như đã vượt qua, mặc dù ông không bao giờ rời giường nữa. Khi ông khá hơn, ông vẫn khẳng khẳng đòi có không khí tốt và ánh sáng tốt trong phòng. Giọng nói của ông nhỏ và yếu; ông cứ mất dần khẩu vị, và cùng với đó ruột ông không hoạt động được. Nằm đó trên giường, ông hạnh phúc khi lại được gặp các con gái và Tôn Á cùng các cháu.

Cuộc đoàn tụ của nhà họ Diêu này vừa vui vừa buồn. Không gì cảm động bằng cuộc đoàn tụ của thân nhân khi có nhiều thay đổi trong cuộc đời họ. San Hô đã mất năm trước; Bảo Nhã đã kết hôn với một cô gái hiện đại học đại học từ Thượng Hải, người từng là vô địch bóng rổ và đã học ở Bắc Kinh. Mận Nhi giờ là một phụ nữ năm mươi tuổi, tóc đã hoa râm nửa mái, và đang đảm nhận đặc quyền của một bà nội. Con trai bà – A Tuyên theo sự khẳng khẳng của bà đã tái hôn. Vì anh chỉ về nhà vào cuối tuần do công việc ở Sở Thuế Quan tại Thiên Tân, bà giờ sống với vợ anh và cháu nội trai của bà, một đứa trẻ bốn tuổi từ cuộc hôn nhân đầu của A Tuyên.

Sau khi gặp cha, Mộc Lan sang sân nhà Mận Nhi để nói chuyện thật lâu với bà.

“Lan muội,” Mận Nhi nói, «chị đã nghĩ là không còn được gặp em nữa. Em may mắn khi sống ở miền nam. Sống ở đây không phải là một cuộc sống tốt. Chị hàng ngày sợ hãi. A Tuyên tham gia công việc nguy hiểm đó ở sở thuế quan. Mỗi tuần trước khi nó về nhà, chị lại tưởng tượng rằng có thể đã xảy ra chuyện gì đó, và chị mừng khi thấy cho đến giờ vẫn chưa có gì. Và Hoàn Nhi cũng lo lắng, vì Trần Tam đóng quân ở Xương Lê, vì đó là quê hương của anh ta, cố gắng bắt những kẻ buôn lậu. Như em thấy đấy, cả nhà chúng ta dường như đều dính líu. A Phi ở trong Cục

Cấm Thuốc Phiện và hàng ngày thực hiện các cuộc đột kích, trong đó những kẻ buôn bán bị bắt giam hoặc phạt tiền. Con dâu chị cũng lo lắng cho A Tuyên như chị vậy, và bọn chị muốn nó từ bỏ công việc, nhưng nó không nghe. Em phải giúp chị nói chuyện với nó, khi nó về vào thứ Bảy tới.”

“Tại sao lại nguy hiểm như vậy?” Mộc Lan hỏi. “Em tưởng Trần Tam sẽ làm việc cùng anh ấy chứ.”

“Không, họ phải thực thi nhiệm vụ và tịch thu hàng lậu mà không có vũ khí, trong khi người Nhật và người Triều Tiên hàng ngày tấn công họ bằng đá và gậy, và một số thậm chí mang súng lục. Ngay cả

nếu Trần Tam có ở cùng nó, thì có ích gì, vì anh ta cũng không được mang súng lục?”

“Tại sao lại như vậy?” Mộc Lan hỏi.

“Em nói chuyện với A Tuyên đi. Nó sẽ kể cho em nghe toàn bộ chuyện. Người Nhật không cho phép nhân viên hải quan của chúng ta trang bị vũ khí.”

Hoàn Nhi bước vào lúc này, và, tham gia vào câu chuyện, cô nói, “Trần Tam nên về nhà trong một tuần nữa. Em đã viết thư cho anh ấy, nói rằng anh trai em sắp lên và anh ấy nên xin phép về để gặp tất cả mọi người. Khi nào Lập Phu đến?”

“Anh ấy nói là một tuần kể từ lúc bọn chị rời đi. Chắc vài ngày nữa anh ấy sẽ đến đây.”

“Mẹ em có đi cùng anh ấy không?”

“Chị không nghĩ vậy. Bà có lẽ sẽ ở lại trông nhà; bà đã già rồi,” Mộc Lan nói.

Mận Nhi dịch lại gần Mộc Lan và thì thầm, “Chuyện này là trong gia đình và em đừng lan truyền ra ngoài. Bảo Nhã nghiện bạch phiến và đang cố gắng chữa trị. Sẽ thế nào nếu mọi người biết rằng một thành viên trong gia đình ở trong Ủy ban Cấm Thuốc Phiện và một người khác lại là con nghiện?”

“Không phải có án tử hình cho

người hút thuốc phiện sao?” Mộc Lan hỏi. “Thật nguy hiểm. Ở miền nam năm nay nhiều người hút thuốc bị bắn vì dùng ‘viên đỏ’ của Nhật.”

“Đó là điều chị sợ cho nó,” Hoàn Nhi nói. “Các biện pháp chống thuốc phiện ngày càng được đẩy mạnh. Chỉ riêng A Phi mỗi tuần đã thực hiện hai hoặc ba vụ bắt giữ. Anh ấy nói rằng đã có thông báo bắt đầu từ ngày 1 tháng Giêng năm sau, những người nghiện ở đây sẽ bị xử bắn. Quy định mới là những kẻ buôn bán và sản xuất sẽ bị xử bắn — tức là, nếu họ là công dân Trung Quốc, vì chúng ta không thể động đến đối tượng người Nhật. Đối với người hút, đã có một kế hoạch sáu năm kể từ hai năm trước. Tất cả

người nghiện phải đăng ký và vào bệnh viện để chữa trị hoặc điều trị tại nhà. Nhưng sau năm nay, tất cả người nghiện nào tái nghiện sau khi đã chữa khỏi đều có thể bị xử bắn.”

“Tại sao chúng ta không bắt Bảo Nhã chữa trị tại nhà?” Mộc Lan hỏi.

“Nó đang làm vậy, nhưng rất phiền phức,” Mận Nhi trả lời. “Đó là heroin chứ không phải thuốc phiện. Nó nói nó mắc thói quen từ việc hút thuốc lá Gold Bat của Nhật. Nó chết người hơn thuốc phiện nhiều vì trước khi nó biết, nó đã phải dùng ngày càng nhiều, nếu không mất nó sẽ chảy nước và nó sẽ cảm thấy như tất cả các khớp

xương của mình đang gãy ra và nó sắp chết.”

Hoàn Nhi lại ngắt lời. “Và em có biết ai đã khiến nó quyết định chữa trị không? Một thủy thủ Nhật! Một hôm nó đang đi với vợ ở chợ Đông An — em biết đấy, nơi đó thường đông đúc. Một thủy thủ Nhật mặc đồng phục đi phía sau và bắt đầu sờ vào hông cô ta. Cô ta quay lại, và người Nhật tiếp tục. Cô ta sợ hãi và thì thầm với chồng. Lần thứ ba người Nhật trêu chọc cô ta, cô ta hét lên và Bảo Nhã quay lại trong cơn thịnh nộ. Sau đó, thủy thủ Nhật tát vào mặt nó và cười. Rồi lòng căm thù Nhật Bản của nó thấm vào tận xương tủy, và nó nhận ra chính người Nhật đã khiến nó hút heroin và nó quyết tâm chữa trị.”

“Nó đã làm gì khi bị tát?” Mộc Lan hỏi.

“Nó có thể làm gì? Cảnh sát Trung Quốc không thể động đến người Nhật. Đó là quyền ngoại giao!”

Mộc Lan bị sốc.

“Em nói cho chị biết,” Hoàn Nhi tiếp tục, “đây là trật tự mới ở châu Á. Ở Mãn Châu cũng vậy. Nó đã đến Bắc Kinh rồi. Ở đây đã là vùng đất của quái vật, không phải của con người. Phụ nữ và trẻ em chúng ta phải rất cẩn thận khi ra đường. ... Có hàng ngàn người Nhật và người Triều Tiên ở đây, và bốn trong năm là con buôn ma túy. Một số nơi được gọi là ‘bệnh viện’, nơi những lang băm cho bạn một

mũi tiêm cocaine với một khoản tiền nhỏ. Khi Trần Tam đến, anh ấy sẽ kể cho chị nghe một số câu chuyện từ khu vực Đông Hà Bắc.”

“Em có nghĩ Trần Tam sẽ đồng ý từ chức không?” Mộc Lan hỏi Hoàn Nhi.

“Không, tình hình càng tồi tệ với họ, thì tinh thần của những người đàn ông càng tốt. Anh ấy gọi đó là *tinh thần đồng đội* của họ. ... Em nói cho chị biết, tình trạng này không thể kéo dài được. Chẳng phải tốt hơn là Trung Quốc và Nhật Bản nên chiến đấu bây giờ và quyết định một lần và mãi mãi liệu chúng ta có trở thành một quốc gia tự do, hay phụ nữ chúng ta phải chịu đựng những sự sỉ nhục

như vậy trên lãnh thổ của chính mình trong khi Trung Quốc đang hòa bình với một ‘cường quốc thân thiện’?”

*

Lập Phu và Trần Tam đều đến vào thứ Sáu. Lão Diêu dường như có sức sống nội tâm mãnh liệt, và khi thấy Lập Phu, ông có thể nói chuyện với anh một lúc. Mộc Lan và Mộc Hoa ở trong phòng. Sau khi hỏi thăm công việc của anh, lão Diêu nói với Lập Phu, “Ta nhớ con đã viết một bài luận, *Khoa học và Đạo giáo*. Con nên tiếp tục nó và viết thành sách. Đó sẽ là di sản của ta cho thế giới thông qua con. Con cũng nên viết *Chú giải Khoa học về Trang Tử*, để hỗ trợ cho luận

đề. Hãy viết chú thích, dựa vào sinh học và tất cả các ngành khoa học hiện đại để làm cho các câu của Trang Tử rõ ràng với người hiện đại. Ông đã tiên đoán về cái vô cùng lớn, và cái vô cùng nhỏ, mà không có sự trợ giúp của kính viễn vọng hay kính hiển vi. Hãy nghĩ về những điều ông nói về tính không thể hủy diệt của nước, sự di chuyển của ánh sáng, âm thanh của tự nhiên, và tính có thể đo lường và không thể đo lường của vạn vật, và tính chủ quan của tri thức. Hãy nghĩ về những cuộc đối thoại giữa Khoáng và Vô cực, giữa Quang và Vô, giữa Vân và Tinh vân, giữa Hà Bá và Bắc Hải. Sự sống là một dòng chảy vĩnh hằng, và vũ trụ là kết quả của sự tương tác giữa các lực *dương* và *âm*, giữa thể thống

trị và thế lặn, dương tính và âm tính. Sẽ thật kinh ngạc. Trang Tử không diễn đạt ý tưởng của mình bằng ngôn ngữ khoa học, nhưng quan điểm của ông là khoa học và hiện đại.”

Lão Diêu vẫn nói với sức mạnh tinh thần lớn, mặc dù da và xương của ông giờ như một cái xác ăn mày.

Lập Phu bị ấn tượng sâu sắc, và trả lời, “Tất nhiên con sẽ làm việc đó. Tác phẩm nổi tiếng *Tề Vật Luận* không gì khác ngoài một bài luận về thuyết tương đối. Trang Tử nói, ‘Rắn thêm muốn gió, và gió thêm muốn mắt,’ và tất cả những gì con phải làm là thêm một

chú thích, đưa ra tốc độ ánh sáng mỗi giây và tốc độ tối đa của gió. Lý thuyết của ông về sự tiến hóa của các loài — sự tiến hóa của con người từ ngựa — thì buồn cười, tuy nhiên. Nhưng giờ con đã vứt bỏ khoa học qua một bên rồi. Con đang nghiên cứu về côn trùng người. Mỗi lần con thấy một con, con nghiền nát nó. Đây mới là cuộc sống thực.”

“Anh nghiền côn trùng và em gái tôi nghiền đom đóm,” Mộc Lan nói với một nụ cười. “Giữa hai người, thế giới côn trùng sẽ tuyệt chủng.”

“Có nhiều côn trùng trên thế giới này hơn những gì hai con có thể nghiền nát,” lão Diêu nói. “Ta

cảnh báo các con. Khi ta đi rồi, sẽ có chiến tranh, cuộc chiến tồi tệ nhất trong lịch sử Trung Quốc.”

“Chúng con nên làm gì?” Mộc Lan hỏi.

“Sẽ thật khủng khiếp với các con. Chuyện gì sẽ xảy ra với tất cả các con, chỉ có Trời biết. Nhưng ta không sợ cho các con, và các con cũng không được sợ.”

“Cha, cha có nghĩ Trung Quốc có thể chiến đấu không?” Mộc Lan hỏi.

“Con đang hỏi một câu hỏi sai,” người cha già trả lời. “Nhật Bản sẽ bắt Trung Quốc chiến đấu, dù nước ấy có thể hay không.” Ông dừng lại

một lúc rồi tiếp tục chậm rãi. “Con hãy hỏi Mạn Nhi. Nếu Mạn Nhi nói Trung Quốc phải chiến đấu, Trung Quốc sẽ thắng. Và nếu Mạn Nhi nói Trung Quốc không được chiến đấu, Trung Quốc sẽ thua.»

Những người trẻ ngạc nhiên, nhưng Mộc Lan biết Mạn Nhi cực kỳ chống Nhật và cô hiểu ý cha mình. Lập Phu mỉm cười và nói, “Tại sao cha lại coi trọng Mạn Nhi đến vậy? Còn chúng con và Bảo Nhã và A Tuyên và các cháu khác thì sao?»

“Đừng chất vấn lời ta,” lão Diêu nghiêm trang nói. “Chỉ cần hỏi xem Mạn Nhi nghĩ gì. Những người khác các con không tính.”

“Tại sao chúng con không tính?”

“Hãy chờ mà xem.”

Lão Diêu rõ ràng đang đắm mình trong những lời sấm truyền và câu đố mà các thiền sư Phật giáo Trung Quốc rất ưa thích.

Giờ ông đã mệt, và Lập Phu cùng Mộc Hoa đi ra, để Mộc Lan lại bên giường cha. Khi chỉ còn lại một mình với ông, ông hỏi cô, “Tào Lệ Hoa thế nào rồi?”

“Cô ấy đã kết hôn và có một đứa bé rồi.”

Lão Diêu mỉm cười. “Ta đã làm việc tốt, phải không? Khi ta đi rồi, con sẽ phải tự làm thám tử của chính mình,” ông nói.

“Cha, anh ấy thực sự ổn rồi,” Mộc Lan nói.

Lão Diêu mỉm cười nhẹ qua bộ râu.

“Cha, cha có tin vào việc trở thành bất tử không?” Mộc Lan hỏi. “Các đạo sĩ luôn tin vào điều đó.”

“Hoàn toàn vô lý!” cha cô nói. “Đó là Đạo giáo bình dân. Họ không hiểu Trang Tử. Sống và chết là chính quy luật của sự tồn tại. Một đạo sĩ chân chính chỉ đơn thuần chiến thắng cái chết. Ông ta chết một cách vui vẻ hơn người khác. Ông ta không sợ nó, bởi vì ông ta đang ‘trở về với Đạo’, như chúng ta nói. Còn nhớ lúc sắp chết, Trang Tử đã nói gì khi ông không muốn các đệ tử chôn cất mình không? Các đệ tử của ông sợ rằng thi thể phơi bày của ông sẽ bị kên kên ăn

thịt, và ông nói, ‘Trên mặt đất ta sẽ bị kên kên ăn, dưới mặt đất ta sẽ bị kiến ăn. Sao lại cướp của bên này để cho bên kia?’ Ít nhất, ta không muốn có các nhà sư tụng kinh tại đám tang của ta.”

Mộc Lan cảm động và ngạc nhiên khi nghe thấy tiếng cười mỏng manh của cha mình khi ông nhắc đến Trang Tử.

“Vậy là cha không tin vào sự bất tử,” Mộc Lan nói.

«Cha có tin, con gái của cha. Cha bất tử thông qua con và chị con cùng A Phi và tất cả những đứa trẻ được sinh ra từ những đứa con của cha. Cha đang sống lại toàn bộ trong con, như con đang sống lại toàn bộ trong A Đồng và A Mỹ vậy.

Không có cái chết. Con không thể đánh bại tự nhiên. Sự sống cứ tiếp diễn mãi mãi.»

*

Khi Mộc Hoa và Lập Phu rời khỏi phòng, Mộc Hoa nói với chồng, «Em tưởng anh sẽ đến sớm hơn.»

«Anh đã dừng ở Thiên Tân một ngày,» Lập Phu trả lời. «Để làm thám tử.»

«Công việc thám tử gì vậy?»

«Thực ra anh không được nghỉ phép, nhưng anh lên đây với một nhiệm vụ bí mật. Có một vụ án liên quan đến một người mà anh phải giữ bí mật tên tuổi. Nó liên

quan đến một cuộc vây bắt những kẻ buôn bán ma túy ở Thượng Hải, trong đó có một nhân vật nổi tiếng dính líu. Em biết đấy, có một đường dây buôn lậu ma túy nhộn nhịp giữa Thiên Tân và Thượng Hải. Anh dừng lại đó để xem xét và điều tra. Khi anh xin nghỉ phép, họ yêu cầu anh xem xét vụ này và cũng để viết một báo cáo toàn diện về tình hình buôn lậu nói chung. Không một lời nào về việc buôn lậu hàng triệu này được phép đăng trên các tờ báo Trung Quốc, vì sợ sẽ khơi dậy lòng căm thù Nhật Bản đến mức không thể kiểm soát được. Nhưng các báo ở Luân Đôn và New York thì đã đăng những bài dài về chuyện này rồi, bởi vì kinh doanh của Anh và Mỹ đang bị phá hủy bởi sự cạnh tranh không công bằng.»

«VẬY là anh đang làm nhiệm vụ! Anh sẽ mất bao lâu?»

«Anh không biết. Bao lâu tùy cần, có lẽ một tháng. Vì lý do này anh sẽ không ra ngoài gặp gỡ mọi người. Anh muốn càng ít người biết anh ở phương bắc càng tốt.»

«Anh chỉ cần ở nhà thôi,» Mộc Hoa nói. «A Phi và Trần Tam cùng A Tuyên có thể cung cấp cho anh mọi thông tin.»

«Anh sẽ xem xét,» Lập Phu nói.

Vì Lập Phu muốn có thông tin toàn diện về tình hình ma túy, anh đi gặp Bảo Nhã, người đang được điều trị tại nhà và đang có tiến triển quyết tâm. Bảo Nhã trông thật đáng thương. Biểu hiện trên khuôn mặt

anh ta là sự pha trộn của sợ hãi, thèm khát, hận thù, và một kiểu tra tấn tinh thần khô khan. Đằng sau đôi gò má gầy guộc, hõm sâu và xương gò má cao cùng hốc mắt sâu thẳm, đôi mắt to linh hoạt của anh ta cho thấy trí thông minh cao. Miệng anh ta rộng và được che phủ bởi một bộ ria lởm chởm, tạo dáng đẹp, gợi nhớ đến miệng của mẹ anh ta, Ngân Bình. Trên bàn bên cạnh anh ta có nhiều chai lọ và đĩa đựng đồ ngọt. Anh ta kể lại mình đã hình thành thói quen này thế nào khi ở một khách sạn tại Thiên Tân sau khi dì San Hô qua đời. Một người phục vụ khách sạn đã dụ anh ta thử một miếng thuốc Nhật với bột trắng giấu trong đầu diều. Anh ta lấy nó vì tò mò, anh ta nói, và chẳng mấy chốc mắc thói quen và đòi hỏi ngày

càng nhiều. Anh ta nói với Lập Phu rằng anh ta đã thấy người ta mua thuốc lá Gold Bat chỉ để tách đầu điếu ra và hút nó trên giấy bạc.

«Hãy nhớ đến mẹ con, và con chắc chắn sẽ vượt qua được,» Lập Phu nói khi từ biệt. Nhưng biểu hiện của Bảo Nhã không cho thấy anh ta đã nghe thấy.

Tối hôm sau A Tuyên trở về nghỉ cuối tuần, và sau bữa tối Lập Phu chuẩn bị nói chuyện kỹ với anh ta và Trần Tam. Mận Nhi và một số phụ nữ cũng có mặt. Giờ đây, mặc dù Lập Phu không thuộc gia đình họ Tăng, A Tuyên vẫn luôn bí mật ngưỡng mộ anh, trong khi A Phi thì luôn thân với Tôn Á hơn.

Được hỏi về tình hình chung, A Tuyên giải thích:

«À, nó là thế này. Những người hải quan chúng tôi, không vũ trang, được cho là phải thi hành luật pháp Trung Quốc chống lại những kẻ buôn lậu người Nhật và Triều Tiên có vũ trang, những kẻ không chịu sự chi phối của luật pháp Trung Quốc. Chúng tôi tịch thu hàng hóa của chúng xa nhất có thể. Mỗi tuần trong tháng Tư và tháng Năm này đều có một sự việc. Các nhà chức trách đường sắt đang gặp khó khăn. Mỗi sáng ‘Chuyến Đặc Biệt của Bọn Buôn Lậu’ rời biên giới đi Thiên Tân, và hàng hóa được đổ xuống nhà ga, chờ phân phối tại địa phương hoặc chuyển tiếp đến Sơn Đông. Thường thì

một vài người Triều Tiên và Nhật Bản ở lại canh giữ hàng hóa. Có tới mười toa hàng một ngày đang đến bên cạnh hàng hóa đi bằng xe tải. Trước đây người Nhật lịch sự hơn, và các toa chở hàng đặc biệt được yêu cầu bởi chính quyền quân sự của họ để vận chuyển hàng buôn lậu. Nếu nhà chức trách đường sắt của chúng ta không tuân thủ, họ sẽ bị buộc tội ‘không thành thật hợp tác’ và là chống Nhật.»

Nhưng giờ họ không thêm bận tâm thông báo cho chúng tôi và yêu cầu thêm toa. Người Nhật và Triều Tiên có vũ trang chỉ cần ném các kiện hàng vào toa hạng hai và hạng ba và đuổi hành khách ra, phá hỏng cửa sổ và ghế ngồi và đánh đập những người khuôn vác cản

đường họ. Đôi khi các toa chở hàng phải được gắn thêm hoặc tách ra vào phút cuối, và các chuyến tàu không thể chạy đúng lịch trình.»

«Vậy những người bảo vệ đường sắt làm gì?» Lập Phu hỏi.

«Họ có thể làm gì chứ?» A Tuyên trả lời. «Bọn buôn lậu được bảo vệ bởi quyền ngoại giao, và những người bảo vệ đường sắt không thể động vào chúng. Họ chỉ đứng nhìn một cách phần nộ. Chỉ trong tuần này, hơn một trăm người Nhật và Triều Tiên đã cưỡng bức lên tàu và đá, đánh nhân viên đường sắt và các viên chức hải quan vì họ không có chỗ. Một số đồng nghiệp của tôi bị đánh vào đầu. Hầu hết họ chỉ thoát bị thương nhờ sự can thiệp của những người bảo vệ.»

«Sao các anh lại không có vũ khí?» Lập Phu lại hỏi.

«Nghe có vẻ như một trò đùa, nhưng nó hoàn toàn đơn giản. Năm ngoái có rất nhiều bạc bị buôn lậu ra ngoài, chủ yếu qua Vạn Lý Trường Thành, nơi các đội tuần tra hải quan của chúng tôi đóng quân - tất nhiên là có vũ trang. Hai tên buôn lậu bị thương do nhảy từ Trường Thành xuống, đầu tiên là một người Triều Tiên, sau đó là một người Nhật. Sau đó, phái đoàn quân sự Nhật Bản yêu cầu năm nghìn đô la bồi thường cho những người bị thương, và ngừng các cuộc tuần tra hải quan dọc toàn bộ Vạn Lý Trường Thành. Họ đe dọa dùng vũ lực nếu những yêu cầu này không được đáp ứng.

Chúng tôi có thể làm gì khác ngoài tuân thủ, để tránh một cuộc xung đột vũ trang? Do đó chúng tôi mất các vị trí chiến lược trên Trường Thành và phải làm việc thận trọng ở phía dưới và để tránh các sự việc xa hơn. Anh thấy đấy, Chính quyền Đông Hà Bắc thực sự là của Nhật, nhưng Tổng Cục Hải quan Hàng Hải lại nằm dưới sự kiểm soát của Trung-Ngoại. Vì vậy chúng tôi vẫn tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình, nhưng nó thực sự là một mớ hỗn độn điên rồ.

«Tháng Chín năm ngoái, chỉ huy Nhật Bản thông báo cho ủy viên hải quan rằng do điều kiện chính trị, việc mang súng lục của các đội tuần tra hải quan nên chấm dứt. Sau đó, một chỉ huy Nhật Bản

khác yêu cầu các tàu ngăn chặn của hải quan phải bị tước vũ khí và súng máy của chúng phải bị lấy đi. Vài ngày sau lại có yêu cầu xa hơn rằng tất cả các tàu ngăn chặn của hải quan, bất kể có vũ trang hay không, phải được rút khỏi giới hạn ba dặm ngoài khơi bờ biển ‘khu phi quân sự’ suốt từ biên giới Mãn Châu đến Lô Đài, gần Thiên Tân. Như thế thế vẫn chưa đủ, giới chức hải quân Nhật Bản từ chối công nhận quyền của hải quan Trung Quốc được hoạt động trong giới hạn mười hai dặm và được ra tín hiệu cho các thuyền bị nghi ngờ dừng lại, và cảnh báo rằng bất kỳ sự can thiệp nào vào một thuyền Nhật Bản, dù nó có treo quốc kỳ hay không, sẽ bị coi là một hành

động cướp biển trên vùng biển quốc tế!

«Vì vậy toàn bộ bờ biển từ Sơn Hải Quan đến Thiên Tân không chỉ là một cảng tự do; nó là một bờ biển tự do. Những đội tàu đánh cá và tàu hơi nước từ năm trăm đến một nghìn tấn, nằm ngoài khơi, và thuyền máy thậm chí đến trực tiếp từ Đại Liên.»

A Tuyên kết thúc bài phát biểu dài của mình, mà mọi người đều chăm chú lắng nghe.

«Anh không thể gọi đó là buôn lậu,» Trần Tam nói. «Đó là cướp giữa ban ngày nguồn thu của chính Phó Trung Quốc bởi một cường quốc thân thiện. Chính tôi đã thấy nó ở bờ biển. Một ngày tôi đếm được ba

mười tám tàu buôn lậu nằm ngoài khơi cảng gần Sơn Hải Quan. Lều trại được dựng trên bờ biển, gần như một thị trấn nhỏ. Những đồng rayon, đường, giấy cuốn thuốc lá, phụ tùng xe đạp, dầu hỏa, lốp xe máy, rượu, lưới thép, nằm đó giữa ban ngày, mỗi lô được đánh dấu bằng một lá cờ trắng mang tên công ty vận tải Nhật Bản. Từ đó hàng hóa đi về phía nam bằng xe tải, súc vật thồ và người khuân vác, thường được một số người Triều Tiên hoặc Nhật Bản hộ tống. Chúng tôi cố gắng chặn chúng. Các tài xế Trung Quốc nói chung bỏ chạy khi chúng tôi đến gần, nhưng người Triều Tiên hoặc Nhật Bản thì kháng cự bằng đá, mà chúng mang theo trong xe.»

«Em đã nghe nói về các quốc gia đi đến chiến tranh vì mậu dịch,» Hoàn Nhi nói, «nhưng em chưa bao giờ nghe nói về một quốc gia dùng đến buôn lậu để cạnh tranh thương mại. Liệu Đế quốc Nhật Bản có diệt vong nếu họ không bán thêm những gallon dầu hỏa và những cuộn lưới thép đó không?»

«Đây không phải chuyện nhỏ,» A Phi nói. «Hàng hóa buôn lậu thậm chí đang lên tận thung lũng Dương Tử và đang đánh bật người Anh và người Mỹ ra khỏi việc kinh doanh. Người ta ước tính thiệt hại về thuế hải quan là hơn một triệu đô la một tuần - gần hai triệu đô la trong những tuần tồi tệ nhất của tháng Tư và tháng Năm.»

«Chẳng lẽ các anh không bắt người Nhật cũng như người Trung Quốc sao?» Lập Phu hỏi.

«Chúng tôi có bắt khi cần thiết,» Trần Tam trả lời. «Chúng tôi cũng có thể bắt nhầm họ. Đôi khi người Nhật cải trang thành người Trung Quốc và thậm chí lấy tên Trung Quốc. Nhưng chúng tôi thường có thể nhận ra họ bởi tầm vóc thấp bé và bộ ria rậm, đen, chân vòng kiềng, và dáng đi vụng về.»

«Những kẻ này hẳn là hạng bần cùng của dân chúng Nhật Bản và Triều Tiên,» Lập Phu nói.

«Đúng vậy,» Trần Tam nói. «Đây là điều xảy ra khi một quốc gia gửi tầng lớp thấp kém nhất của mình vào một nước ngoài và đặt

họ trên luật pháp của nước đó và cho họ sự bảo vệ chính thức.»

«Các anh làm gì khi tịch thu hàng hóa hoặc bắt giữ người Nhật?»

«Ở ngoài vùng nông thôn, thì khác,» Trần Tam trả lời. «Chúng tôi giao họ cho cảnh sát lãnh sự Nhật. Sau đó người Nhật đến và đòi trả lại hàng hóa, và thường có rắc rối. Nhưng chúng tôi rất cẩn thận. Khi một lô hàng được đánh dấu ‘hàng tiếp tế quân sự’ hoặc gửi đến trụ sở quân sự Nhật Bản, chúng tôi biết đó là morphin, heroin, hoặc thuốc phiện và chúng tôi không thể làm gì. Đã có hàng trăm vụ tịch thu trong năm rưỡi vừa qua.»

«Chẳng lẽ Ủy viên Hải quan

không phản kháng với chính quyền Nhật Bản sao?» Lập Phu hỏi.

«À, đó là nét chấm phá cuối cùng,» A Tuyên nói. «Ủy viên đã phản kháng, và chính quyền quân sự chuyển ông ấy đến Cảnh sát Lãnh sự Nhật Bản. Khi chúng tôi phản kháng với cảnh sát lãnh sự, anh biết họ nói gì không? Họ nói rằng, trước hết, buôn lậu vào Trung Quốc không phải là một hành vi phạm tội theo con mắt của luật pháp Nhật Bản, và họ bất lực trong việc ngăn chặn nó, điều đó có nghĩa là tất cả người Nhật bị bắt phải được thả ra một lần nữa, theo luật Nhật Bản. Và thứ hai, họ nói, buôn lậu được hiểu là chỉ có thể xảy ra ở biên giới quốc gia, và do đó nên bị chặn ở Vạn Lý Trường

Thành chứ không phải ở phía dưới!
Điều này, sau khi họ cấm chúng tôi
tuần tra Trường Thành!»

«Lập Phu,» Mận Nhi nói, «anh không nghĩ là A Tuyên nên thoát khỏi việc này, hoặc có lẽ được chuyển đến Thượng Hải hoặc nơi khác sao? Nó là đứa con trai duy nhất của ta để nương tựa lúc tuổi già, và nó có vợ trẻ và con nhỏ.»

Lập Phu nhìn Mận Nhi, và trước khi anh kịp lên tiếng, A Tuyên trả lời, «Mẹ, mẹ không biết đâu. Ở đâu cũng vậy thôi, ở Thượng Hải, Hạ Môn, hay Sán Đầu. Ở đâu có người Nhật, ở đó có buôn lậu. Hơn nữa, con sẽ bị các đồng nghiệp chê cười là hèn nhát. Họ có tinh thần tốt, và con không thể rời bỏ họ. Chính Phó

cuối cùng cũng đang hành động nghiêm khắc, và có lẽ tình hình sẽ cải thiện. Sẽ ra sao với ngành hải quan nếu mọi người đều rời bỏ nó?»

«Có lẽ cháu nên suy nghĩ về điều đó,» Lập Phu nói. «Cháu phải nghĩ đến mẹ già và vợ con trẻ của cháu. Và cháu là cháu đích tôn của gia đình họ Tăng.» Lập Phu ngạc nhiên khi nghe chính mình khuyên bảo một chàng trai trẻ khác nên thận trọng bằng một giọng điệu khách quan như vậy. Mận Nhi nhìn anh đầy biết ơn khi buổi họp mặt gia đình kết thúc.

CHAPTER 42

第四 十二章
制毒牟利 牛素云被捕
伤时忧国 姚思安遗言

Chương 42:

Kiểm lời từ việc sản xuất ma túy;
Tân Tổ Vân bị bắt; Những lời trần
trối cuối cùng của Diêu Huệ Tài,
than thở về thời cuộc và lo lắng
cho đất nước.

 iờ thì điều kỳ lạ là ông Diêu
già không chịu chết. Một
nguồn sinh lực dự trữ tự nhiên kéo

dài sự sống của ông, và khẩu vị của ông thậm chí còn cải thiện hơn một chút. Mộc Lan và Mộc Hoa quyết định ở lại, và Mộc Lan điện báo cho A Đồng lên sau khi tốt nghiệp.

Việc buôn lậu đã trở thành quốc nạn. Chính Phó Trung Quốc phản đối Nhật Bản rằng khoản thất thu thuế hải quan chỉ riêng trong tháng Tư đã lên tới không dưới tám triệu đô la. Không có hồi đáp thỏa đáng nào từ Tokyo. Các doanh nghiệp nước ngoài ở Trung Quốc đang chịu thiệt hại, và người phát ngôn của bộ ngoại giao Nhật Bản tại một cuộc họp báo đã bị chất vấn dồn dập về vụ bê bối buôn lậu. Người phát ngôn đã có một thái độ rất thú vị rằng mức thuế quan cao của Trung Quốc chính là nguyên nhân

trực tiếp cho quy mô của nạn buôn lậu, và hơn nữa, lỗi là ở «sự thiếu nhiệt tình» của nhân viên hải quan Trung Quốc. Trong một nỗ lực tuyệt vọng để ngăn chặn tình hình, vào ngày 20 tháng Năm, Hội đồng Chính trị Trung ương Trung Quốc đã quyết định án tử hình đối với bất kỳ công dân Trung Quốc nào hỗ trợ bọn buôn lậu nước ngoài.

Giờ đây, A Phi đã thực hiện nhiều vụ bắt giữ và đột kích vào nhiều tay buôn ma túy và sòng bạc thuốc phiện ở Bắc Kinh. Được tiếp thêm can đảm bởi chính sách mới của chính Phó, anh đã đẩy mạnh công việc của mình. Anh đã viết thư cho nhà chức trách yêu cầu điều động Trần Tam đến Cục Cấm Thuốc Phiện ở Bắc Kinh, và giờ đây

Trần Tam đang hỗ trợ anh trong các cuộc đột kích.

Một ngày nọ, có báo cáo rằng một cơ sở sản xuất heroin được tìm thấy ở một con phố chủ yếu có người Mỹ và người Âu sinh sống.

«Anh có muốn đi chiều nay không?» A Phi nói với Lập Phu. «Chúng ta sẽ đột kích một cơ sở sản xuất heroin.»

Vào lúc năm giờ, A Phi và Lập Phu, cùng với Trần Tam và cảnh sát vũ trang, đi đến ngôi nhà nằm giữa hai tòa nhà cao tầng của người nước ngoài. Vì đây là khu dân cư ngoại quốc, nơi chỉ có những người mắt xanh ra vào, nên không ai nghi ngờ có một cơ sở sản xuất ma túy. Trần Tam được yêu cầu đi

vào con phố phía sau và bố trí lính gác ở cửa sau. Việc lại được trang bị một khẩu súng lục khiến anh có một cảm giác vui sướng và anh liên tục giữ tay trên báng súng bằng gỗ trơn láng.

A Phi và Lập Phu đi đến cửa trước với một số cảnh vệ. Một cảnh vệ cải trang gỗ cửa, và một khi cửa mở, những cảnh vệ ẩn nấp ở hai bên xông vào và không cho đóng lại. Người đẩy tó mở cửa bị một trong những cảnh vệ giữ lại và ngăn không cho chạy vào báo động. Những cơ sở như vậy thường không có người bảo vệ, phụ thuộc nhiều hơn vào tính bí mật và sự bảo vệ của người Nhật.

Trong sân, Lập Phu nhìn thấy trên sàn những hàng vật trông y hệt như những bánh xà phòng thơm. A Phi chỉ ra rằng đây là những bánh heroin, sẽ được đóng gói và dán nhãn «xà phòng vệ sinh», «Xà phòng thơm Coty», «Colgate», và với những tên hiệu ngoại quốc khác.

Một khuôn mặt nhìn ra họ từ sau một trong những ô cửa kính nhỏ không dán giấy, rồi biến mất. Nhóm người tiến thẳng về phía trước. Đó là một ngôi nhà một tầng với một dãy nhà phía tây dẫn vào trong, hình chữ L và cỡ khoảng bảy gian phòng. Họ đẩy cửa mở và A Phi ra lệnh bắt giữ tất cả những người có mặt ở đó. Vài cô gái và bốn người đàn ông với miệng bịt khăn

tay trắng, đang làm việc tại hai tấm ván dài, dùng làm bàn. Trên sàn có hai cái bếp. Căn nhà tràn ngập một mùi say và buồn nôn. Trên một trong những cái bàn là những cái lọ, chai, thìa lớn nhỏ, và bột trắng trên những tờ giấy trắng giòn lớn. Ở đây các cô gái đang làm việc. Đàn ông làm việc ở bàn kia, được trang bị những chiếc máy nhỏ có bánh xe với các đầu vào và đầu ra hình phễu để trộn và phun bột. Dựa vào tường là một chiếc máy đặc biệt có mặt trên tráng men để ép và cắt thuốc thành từng bánh.

Họ đi vào các phòng phía sau và thấy những đồng nhãn mác và một bộ sưu tập những hộp, lon và đồ đựng bằng tre kỳ lạ nhất, với các nhãn khác nhau như «Bánh Trung

Thu Dục Quang Đường», «Thịt Dê Muối Nguyệt Sinh Trai», «Nước Hoa Hồng Paris» và những chiếc vò được bọc tre như loại dùng để đóng gói chao đậu phụ và dưa muối. Ở một góc tối của căn phòng trong cùng phía sau, một số vò đất lớn được niêm phong đang đứng trên sàn, mà A Phi nói là chứa bột thô để sản xuất ra các sản phẩm heroin.

Ngay lúc này, Trần Tam bước vào và báo cáo rằng một người phụ nữ đã bị bắt khi cố gắng trốn vào chiếc xe của bà ta, đang đậu ở cửa sau. Tài xế cũng bị bắt.

«Dẫn họ vào và đặt cùng những người khác ở phòng trước.»

Người phụ nữ bị dẫn vào, cánh tay bị nắm chặt bởi bàn tay cơ bắp của Trần Tam.

«Đừng giữ tôi chặt thế,» bà phản đối. «Anh sẽ phải trả lời với Công sứ quán Nhật Bản về điều này.»

A Phi và Lập Phu đang đứng trong phòng sau và thấy người phụ nữ ăn mặc đẹp bị dẫn đi ngang qua sân thẳng về phía phòng trước.

«Sao, là Tố Vân kia mà!» Lập Phu thốt lên. Trần Tam chưa bao giờ thấy Tố Vân, và A Phi cũng không thường thấy bà vì anh còn nhỏ khi bà sống với nhà họ Tăng và bà hầu như vắng nhà suốt.

Họ quay trở lại phòng trước,

nơi những kẻ phạm tội đang túm tụm với nhau, các cô gái khóc vì sợ hãi.

Lập Phu khẳng định với A Phi rằng người phụ nữ đó quả thực là Tố Vân. Bà mặc một chiếc áo choàng mùa hè màu kem và trông xanh xao, gầy gò trong căn phòng tối đó. Trần Tam vẫn còn giữ cánh tay bà. Lập Phu giữ im lặng ở phía sau trong khi A Phi tiến đến gần bà và hỏi, «Bà là ai?» Nền giáo dục Cambridge đã cho anh sự bình tĩnh và phẩm cách lớn.

Tố Vân đã nhận ra Lập Phu, nhưng bà không biết người đang nói chuyện với mình là ai, và bà nói một cách kiêu ngạo, «Khỏi cần biết tôi là ai. Thả tôi ra, thưa ông

cảnh sát. Tôi hoàn toàn vô tội. Tôi đang đi thăm một người bạn và đi nhầm nhà.»

Nói với tài xế, A Phi hỏi, «Chủ nhân của anh là ai? Nói thật cho tôi, nếu không anh sẽ bị nặng hơn. Hãy minh oan cho mình, và tôi có thể tha cho anh.»

Tài xế nhìn Tố Vân và không trả lời.

«Chiếc xe là xe tư nhân, với biển số 505 của Nhượng địa Nhật ở Thiên Tân,» Trần Tam nói.

«Xe của bà đã đậu ở đây bao lâu rồi?» A Phi hỏi.

«Khoảng một phần tư giờ,» tài xế trả lời.

«Nói cho tôi biết bà là ai nhanh lên. Có thể sẽ giúp bà đỡ phiền phức,» A Phi nói với người phụ nữ.

«Ông sẽ biết tôi là ai nếu ông hỏi ở Nhượng địa Nhật tại Thiên Tân,» Tố Vân trả lời.

«Tôi cảnh báo bà; đừng có ngoan cố,» A Phi nói. «Theo lệnh mới của chính Phó, bà có thể bị xử bắn vì tội này.» Quay sang những nhân viên khác, anh nói, «Tất cả các người đều có thể bị xử bắn. Giờ là án tử hình đối với việc hợp tác với người Nhật đầu độc chính đồng bào mình.»

Khi nghe điều này, bốn cô gái - hai trong số đó mới chỉ mười hai hoặc mười ba tuổi - òa khóc và cầu xin tha thứ. Họ chưa bao giờ nghe

nói đến lệnh mới. Các cô gái và những người đàn ông quý trên sàn và cầu xin được thả.

Quay sang các cô gái lớn tuổi hơn, A Phi ra lệnh cho họ đứng dậy và nói, «Hãy nói thật cho tôi biết người phụ nữ này là ai, và tôi sẽ tha cho các người.»

«Bà ấy là chủ của nơi này,» một cô gái trả lời. «Chúng tôi gọi bà ấy là bà Vương. Nhưng chúng tôi không biết rõ về bà ấy. Bà ấy sống ở Thiên Tân và không thường xuyên đến đây.»

«Tên thật của bà là gì, bà Vương?» A Phi hỏi.

Giờ đây, Tổ Vân, sống dưới sự bảo vệ của Tướng Ngô, đã không

nhập quốc tịch Nhật Bản. Khi nghe những gì A Phi nói và thấy Lập Phu đứng im lặng ở phía sau, bà bắt đầu dịu xuống và trả lời, «Chúng ta đừng giả vờ nữa. Thực ra chúng ta là người thân. Có phải anh Lập Phu đứng đó không? Tôi là Tố Vân.»

«Có thật không? Có thật không?» Trần Tam thốt lên.

Lập Phu vẫn từ chối nói, mà chỉ nhìn bà; và, quay thẳng sang anh, bà nói, «Tôi biết anh ghét tôi.»

«Không,» Lập Phu nói.

«Theo tôi thì nên coi tất cả quá khứ là đã qua,» bà nói. «Nếu không, mối thù giữa hai gia đình chúng ta bao giờ mới kết thúc? Ngay cả nếu lần này anh thành công trong

việc bắt được tôi, vẫn còn anh trai tôi và những người khác sẽ trả thù cho tôi.»

«Đây là một lời đe dọa sao?»
Lập Phu lạnh lùng hỏi.

«Tôi sao dám đe dọa anh? Tôi đang cầu xin một sự dàn xếp hợp lý. Hãy nói cho tôi biết viên chức này là ai?»

«Anh ấy là em trai của Mộc Lan. Tôi chỉ đi cùng anh ấy thôi. Đây không phải việc của tôi.»

«Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng mình sẽ gặp bà ở một nơi như thế này,» A Phi nói, bằng giọng điệu chính thức. «Tôi đang thi hành nhiệm vụ của mình bây giờ. Tôi rất tiếc, nhưng bà sẽ phải đi theo.»

Anh ra lệnh khám xét tài liệu và tịch thu hàng hóa. Những người làm công lại cầu xin được thả, nhưng A Phi bảo họ tất cả đều phải đến nhà tạm giam, và nếu họ chứng minh được chỉ là nhân viên và trả lời trung thực các câu hỏi của anh, họ có thể được thả.

Giờ đây Tố Vân bắt đầu càng lúc càng sợ hãi, và trong lúc A Phi ra khỏi phòng, bà nói với Lập Phu, «Các anh định làm gì tôi?»

«Làm sao tôi biết được?» Lập Phu trả lời. «Có lẽ bà sẽ bị xử lý theo luật.»

«Tôi xin anh thả tôi ra. Một ngày nào đó tôi có thể báo đáp anh. Tôi đã làm gì anh chứ? Anh đã hủy hoại cuộc đời tôi. Như thế

vẫn chưa đủ sao? Anh vẫn còn phải dồn người ta vào chân tường nữa sao?» Giọng điệu và khuôn mặt bà đáng thương.

«Tôi nói với bà đây là phạm vi của Cục Cấm Thuốc Phiện, tôi không liên quan gì đến đó. Chúng tôi không bao giờ ngờ sẽ tìm thấy bà ở đây. Tại sao bà lại làm cái nghề đáng khinh này?»

«Sẽ là một câu chuyện dài để kể cho anh nghe. Nếu anh biết tất cả, anh sẽ hiểu. Nếu anh không nói giúp tôi, anh có cho phép tôi nói chuyện với chồng cũ của tôi không? Có lẽ anh ấy sẽ nói giúp tôi, vì tình xưa nghĩa cũ. Tôi là một bà già rồi, và tôi đã chịu đựng đủ rồi. Đừng bắt tôi chịu đựng thêm nữa.»

A Phi đã quay lại từ cuộc khám xét và nghe thấy những lời cuối cùng, và cảm thấy thương hại cho bà. Tuy nhiên, anh ra lệnh đưa tất cả đến nhà tạm giam. Một chiếc xe kín có cảnh vệ đã đến từ cục để chở các tù nhân và tang vật bị tịch thu đi.

Trước khi bước lên xe, Tố Vân quay lại và hỏi Lập Phu, «Chồng tôi đang ở đâu?»

«Anh ấy ở ngay thành phố này. Anh ấy đã tái hôn rồi.»

«Với người phụ nữ xinh đẹp tôi thấy một buổi tối, khiêu vũ với anh ấy ở Khách sạn Grand Hotel de Pékin à? Làm ơn cho tôi nói chuyện với anh ấy hoặc với cô ấy.»

Bà bị nhốt cùng những người khác và chiếc xe kéo đi dưới sự hộ tống do Trần Tam dẫn đầu.

*

Tin tức được các gia đình đón nhận với sự phấn khích lớn.

«Chúng ta không đi tìm bà ấy, nhưng lần này chính bà ấy tìm đến chúng ta,» Lập Phu nói với một nụ cười. «Anh nghĩ sao, Kinh Á? Bà ấy yêu cầu được gặp anh và vợ anh.»

«Tại sao bà ấy lại muốn gặp em?» Đạm Hương hỏi.

«Bà ấy muốn thế. Bà ấy nói rằng Kinh Á có thể can thiệp cho bà ấy - lời bà ấy là <vì tình xưa nghĩa cũ.>»

«'Tình xưa nghĩa cũ!'» Kinh Á thốt lên.

«Cô ấy nói muốn nói chuyện với vợ anh – người mà cô ấy thấy khiêu vũ với anh ở Khách sạn Grand. Có phải là Ái Liên hay Lệ Liên không?»

«Không, chính là cô ấy,» Mộc Lan nói, chỉ vào Hương Quý, người đang mỉm cười.

Quay sang Đạm Hương, Mộc Lan hỏi, «Em có muốn nói chuyện với người vợ trước của chồng em không? Điều đó sẽ khiến cô ấy ngạc nhiên đấy.»

«Làm sao chúng tôi, những người phụ nữ, có thể can thiệp vào Cục Cấm Thuốc Phiện được chứ?» Đạm Hương hỏi.

«Tôi sẽ nói cho các vị biết,» Lập Phu nói. «Chúng ta sẽ cho người áp giải cô ấy đến đây. Và tôi đề nghị ba chị em dâu cùng nói chuyện với người chị dâu cũ của các vị và xem cô ấy có gì để nói. Dường như có một câu chuyện dài đằng sau tất cả việc này, và tôi muốn nghe nó.»

«Anh định làm gì với cô ấy?»
Kính Á hỏi.

«Tôi không biết,» A Phi trả lời. «Đây là vụ án đầu tiên kể từ khi có mệnh lệnh mới của chính Phó. Tôi chưa nghiên cứu các tài liệu. Anh biết đấy, hình phạt tử hình dành cho những người cầu kết với người Nhật buôn lậu. Hình phạt tương tự cũng được quy định cho kẻ cầm đầu những tên buôn lậu công khai

chống lại các nhân viên ngăn chặn. Cô ấy đã không chống cự khi bị bắt. Nhưng một điều khoản khác cũng quy định hình phạt tử hình cho bất kỳ ai trốn thuế hải quan vượt quá sáu nghìn đô la. Có thể chứng minh từ vụ bắt giữ này rằng cô ấy nhất định đã trốn thuế nhiều hơn thế. Chuyện này trông không đẹp để gì, và tôi đang nắm trong tay một mạng người.»

«Nếu anh định xử tử cô ấy, tôi mong anh đừng đưa cô ấy vào đây, trong nhà,» Mận Nhi nói.

Giờ đã đến giờ ăn tối, họ chia ra đi ăn, và chủ đề này được thảo luận ở tất cả các bàn ăn trong những sân viên khác nhau.

Mộc Hoa đi vào gặp cha cô, và ông nói, «Đừng để máu dính lên tay các con. Hãy đưa cô ấy đến đây. Có lẽ ta sẽ muốn tự nói chuyện với cô ấy.»

Ngày hôm sau, tất cả đồng ý rằng Tổ Vân nên có cơ hội nói chuyện với chồng cũ của mình, có lẽ bởi vì các bà không thể cưỡng lại sự cảm động được nhìn thấy cô ấy trong hoàn cảnh như vậy. Nhưng vì ông già Diêu cũng muốn gặp cô ấy, nên phải có sự sắp xếp đặc biệt để đưa cô ấy đến Vườn. Cô ấy bị coi là một tội phạm phạm tội chết, và A Phi phải đích thân bảo lãnh với cục để đưa cô ấy trở lại, và phải có người áp giải cô ấy. Tại văn phòng, anh nghiên cứu các tài liệu bị tịch thu, tiết lộ thêm nhiều địa chỉ dưới sự

quản lý của cô với cái tên giả là «Bà Wang của Thiên Tân.» Anh cũng thăm vấn các nhân viên và hứa sẽ thả họ ra để xem xét, nhưng nói rằng anh không thể làm như vậy cho đến khi vụ án kết thúc và mọi manh mối được kiểm tra, như một biện pháp phòng ngừa tin tức bị rò rỉ ra ngoài. Phải cẩn thận để không có lời nào về cuộc đột kích lọt đến được Lãnh sự quán Nhật Bản. Mặc dù A Phi đã phát hiện ra rằng đây là một cơ sở hoàn toàn của người Trung Quốc, nhưng không còn nghi ngờ gì nữa, «Nữ hoàng Bột trắng» có thể bị xử bắn, xét đến sự hợp tác đã biết của cô với người Nhật, điều rất có thể được giải thích là «cầu kết.» Anh nói rằng vụ án phải được giải quyết nhanh chóng, nếu không, xét đến địa vị của cô, những

phức tạp với chính quyền Nhật Bản chắc chắn sẽ phát sinh.

Tổ Vân đến vào chiều hôm đó dưới sự hộ tống nghiêm ngặt, trong xiềng xích, và mặc bộ đồ đen cũ dành cho phụ nữ phạm tội. Mắt cô bị bịt kín cho đến khi vào một căn phòng ở một trong những sân trước tại Vườn. Mở mắt ra, cô ngạc nhiên thấy mình trong một căn phòng với nhiều người thân của mình. Mận Nhi, Mộc Lan, và Đạm Hương cô nhận ra ngay lập tức. Kinh Á đang đứng ở cửa bên, và cô không thể nhìn thấy anh.

Đồ đạc cá nhân của cô đã bị tước đoạt, và giờ đây trong màu đen và không trang điểm, cô trông gầy gò, xanh xao và vàng vọt. Có

những nếp nhăn sâu trên khuôn mặt cô, mặc dù cô chỉ hơn Mộc Lan một tuổi. Giữ đôi mắt cúi xuống, cô vẫn im lặng.

A Phi bước đến gần cô và nói, «Cô muốn nói chuyện với chồng cũ của mình?»

«Anh ấy đâu?» Tố Vân hỏi.

A Phi quay sang Kinh Á, người từ chối bước ra khỏi góc, và chỉ nói, «Cô ấy nói muốn nói chuyện với vợ tôi. Hãy bảo Đạm Hương nói chuyện với cô ấy.»

Tố Vân ngẩng lên nhưng không thể nhìn thấy người phụ nữ cô muốn nói chuyện. Mộc Lan chạm vào Đạm Hương và nói với Tố Vân, «Hãy nói với cô ấy. Đây là vợ của Kinh Á, Đạm Hương.»

Tố Vân ngược mắt lên và tỏ vẻ ngạc nhiên.

«Các chị em và người thân,» cô nói chậm rãi. «Tôi cũng có thể nói với tất cả các vị. Nếu các vị nghĩ về mối quan hệ trước đây của chúng ta khi tất cả chúng ta còn sống chung dưới một mái nhà, tôi muốn nói một vài lời. Nếu các vị không nghĩ về mối quan hệ trước đây của chúng ta, vậy thì tôi không cần phải nói gì cả. Nếu các vị muốn tiền, hãy nói giá của các vị, và tôi sẽ trả. Tôi có thể trả.»

«Đừng nghĩ chúng tôi muốn tiền của cô,» Mộc Lan nói, khinh bỉ.

«Tôi chỉ muốn mạng sống của tôi,» Tố Vân nói. «Tôi đã sống

những năm tháng này và tôi biết tiền bạc không có nghĩa lý gì. Tôi biết các vị hôm nay rất vui khi thấy tôi trong xiềng xích. Nhưng nếu các vị muốn trả thù, tôi muốn hỏi tôi đã làm gì cá nhân đối với bất kỳ ai trong các bạn. Tôi đã bị ly hôn và làm nhục bởi gia đình các vị. Như vậy chưa đủ sao? Các vị phải có lương tâm. Và đừng nghĩ rằng việc Lập Phu bị cầm tù là do tôi. Đó là do anh trai tôi. Tôi không có liên quan gì đến chuyện đó.»

Dường như đối với tất cả mọi người, Tố Vân mà họ nghe thấy bây giờ khá khác với Tố Vân mà họ từng biết. Nhưng Mộc Lan nói, «Nếu cô không quan tâm đến tiền bạc, như cô nói, tại sao cô lại làm cái nghề kinh khủng này?»

«Mộc Lan,» cô trả lời, «tôi biết chị đã ghét tôi...»

«Tôi chưa bao giờ ghét cô,» Mộc Lan ngắt lời.

«Chuyện chị có ghét hay không cũng không quan trọng. Chúng ta đều đã lớn lên nhiều tuổi rồi. Tôi cô đơn khủng khiếp.»

Đến lượt Mộc Lan khá cảm động, và dường như cô không thể nhớ được mình đã từng ghét Tố Vân. Nhưng Mạn Nhi lên tiếng: «Tại sao cô lại làm một việc như vậy? Tại sao cô lại làm việc với người Nhật chống lại chính đồng bào của mình?»

«Nếu chị hiểu hết, chị sẽ tha thứ cho tôi, Chị dâu cả à,» Tố Vân

nói, đột nhiên gọi Mận Nhi bằng thân phận đó. «Tôi không có lựa chọn nào khác. Tất cả tiền của tôi đều ở trong các ngân hàng Nhật Bản, và nếu tôi không tiếp tục, nó sẽ bị tịch thu.»

«Vậy thì tại sao cô không để họ tịch thu nó đi?» Mộc Lan hỏi.

«Suy cho cùng, đó là một số tiền lớn, và là thành quả của cả một đời làm việc,» Tố Vân trả lời với một tiếng thở dài. «Làm sao tôi có thể tự nguyện từ bỏ nó được? Tôi có hàng trăm người phụ thuộc vào tôi để kiếm sống. Nếu tôi từ bỏ, tôi sẽ phải rời khỏi Nhượng địa Nhật Bản và tất cả nhà cửa, khách sạn của tôi sẽ ra sao? Một mình tôi, không một xu dính túi ở tuổi này, có thể đi đâu? Tôi sẽ nói với các

vị, bởi vì chúng ta từng là người thân – dù các vị có công nhận tôi là người thân hay không – tôi là một bà già cô đơn, không gì hơn một bà già cô đơn khủng khiếp. Tiền bạc bây giờ có nghĩa lý gì với tôi? Tôi đã thấy tất cả các vị tụ tập ở Khách sạn Grand nhiều năm trước, hạnh phúc bên nhau như vậy, và tôi biết tôi đã đi sai đường. Tôi không trách chồng tôi. Em là người phụ nữ may mắn, Đạm Hương, và tôi chúc em may mắn. Nhưng hãy tha mạng cho tôi.»

Giờ đây tất cả các bà đều rơi nước mắt và xì mũi. Lời nói của cô khiến họ ngạc nhiên. Họ đã chỉ nghĩ về cô như một người phụ nữ giàu có, kiêu ngạo, thành đạt và tàn nhẫn.

«Kinh Á đâu? Tại sao anh ấy không nói chuyện với tôi?»

Bây giờ A Phi ra hiệu cho Kinh Á và anh bước ra phía trước cùng các con của mình, những đứa trẻ chạy ùa đến với Đạm Hương, mẹ của chúng, và Đạm Hương vòng tay ôm lấy chúng, một phần để bảo vệ, một phần để cho mình thêm can đảm.

«Nếu em biết bằng lòng với số phận của mình, thì em đã không ra nông nổi này ngày hôm nay,» Kinh Á nói.

Dường như đối với Tố Vân lúc này, Kinh Á đã là một người chồng tốt với cô, nhưng cô chỉ nói, «Nếu anh còn coi trọng mối quan hệ vợ chồng trước đây của chúng ta, anh

hãy nói giúp cho em.»

«Mẹ ơi,» cậu con trai sáu tuổi của Đạm Hương hỏi. «Tại sao cha lại là chồng của bà ấy?»

«Bà ấy đã kết hôn với cha con trước mẹ,» Đạm Hương trả lời.

Cậu bé quay sang người tù và hỏi, «Bà đã kết hôn với cha cháu ạ?»

Tổ Vân không thể cưỡng lại việc đưa tay ra chạm vào đứa trẻ, một đứa con của Kinh Á mà cô có thể đã có trong những hoàn cảnh khác.

Đứa trẻ co người lại và hỏi, «Bà có phải là người Trung Quốc không?»

Tổ Vân không thể trả lời.

«Tại sao bà lại làm việc với người Nhật?» đứa trẻ nói.

Nước mắt lăn dài trên má Tổ Vân và, Đạm Hương gọi con mình trở lại.

«Chị đang khiến chúng tôi rất khó xử,» A Phi nói. «Chúng tôi hiểu chị bây giờ, nhưng chị biết công việc của chị đang giết chết hàng ngàn người mỗi ngày. Chị có đành lòng tiếp tục không?»

«Nếu cậu thả tôi, tôi hứa từ nay về sau sẽ cắt đứt với công việc này. Tôi cũng sẽ đóng góp một khoản lớn cho Cục Cấm Thuốc Phiện.»

«Cô không ghét người Nhật sao?» Mạn Nhi hỏi.

«Tôi ghét tất cả bọn họ. Tôi ghét công việc của tôi và tôi ghét tất cả những người tôi làm việc cùng – người Trung Quốc, người Nhật, và người ngoại quốc khác.»

«Anh trai chị đâu?» Lập Phu hỏi.

«Anh ấy ở Đại Liên, cũng làm nghề này. Anh ấy còn có thể làm gì khác được?»

Bây giờ A Phi đề nghị rằng cha già của anh muốn gặp cô ấy.

«Tại sao?» Tổ Vân hỏi.

«Ông ấy muốn nói chuyện với chị. Ông ốm nặng lắm. Đó là lý do tại sao chúng tôi phải đưa chị ra đây với bao nhiêu phiền phức này. Có lẽ đó là vận may của chị.»

A Phi chỉ yêu cầu những người bảo vệ và Mộc Lan, Mộc Hoa đi theo họ đến phòng của cha anh. Ở đây, những người bảo vệ vẫn đứng bên ngoài, rất ngạc nhiên.

Ông già Diêu đang nằm trên giường, và ánh sáng mặt trời cuối xuân chiếu qua cửa sổ tạo thành những bóng đổ sắc nét trên những nếp nhăn sâu trên khuôn mặt ông.

«Ngồi xuống đi,» ông nói.

«Con không dám,» Tổ Vân nói.

«Ta bảo ngồi xuống,» ông già Diêu nói lại.

«Con chỉ là một người họ hàng xa của ta,» ông bắt đầu, «và ta không biết liệu con có nghe lời một ông già không còn sống được bao

lâu nữa hay không. Con trai ta tình cờ giữ chức vụ này, và con tình cờ rơi vào vụ bắt giữ của nó. Đây là ý trời chứ không phải ý người. Ta đã nói với A Phi rằng ta không muốn có máu trên tay gia đình mình, và ta sẽ yêu cầu nó xử lý càng khoan hồng với con càng tốt.»

«Cảm ơn ông chú,» Tố Vân nói.

«Hãy nghe một ông già nói. Hãy nhớ câu chuyện ngụ ngôn: Ông lão ở ải mất ngựa; ai có thể chắc đó không phải là vận may của ông? Vận may và nghịch cảnh trên đời này là gì? Ai biết được việc con bị bắt hôm nay không phải là vận may của cháu?»

«Con không hiểu ý ông chú,» Tố Vân nói.

«Tất cả phụ thuộc vào bản thân con, nếu A Phi thả con ra... Nhưng ta nói cho con biết một cuộc chiến giữa Trung Quốc và Nhật Bản sắp xảy ra. Và khi nó đến, hãy nhớ con là người Trung Quốc.»

Ông già dừng lại và thậm chí không nhìn cô.

«Chào nhé!» ông nói, không quay mắt lại.

Tất cả họ lặng lẽ bước ra khỏi phòng.

Những người bảo vệ, cùng với Trần Tam, đưa Tố Vân trở lại trong chiếc xe kín, nhưng A Phi ra lệnh không bịt mắt cô nữa. Giờ anh phải sắp xếp việc thả cô, một việc khó khăn về mặt thủ tục. Anh xem xét

kỹ lưỡng vụ án của cô và trình bày trước các đồng nghiệp tại cục và yêu cầu sự khoan hồng, như di nguyện của cha già sắp mất của anh. Đây sẽ là vụ án xử tử một kẻ buôn lậu Trung Quốc đầu tiên trong thành phố, và các ủy viên sẵn sàng xem xét cẩn thận. Anh phải soạn một báo cáo dài trong đó anh giảm thiểu giá trị của vụ tịch thu và nói rằng không có sự chống cự khi bắt giữ, rằng các tài liệu tiết lộ rằng ngôi nhà bị đột kích hoàn toàn là của người Trung Quốc, rằng không có người Nhật nào can thiệp, và rằng có thể giả định điều khoản về âm mưu không áp dụng trong trường hợp này. Cuối cùng, anh trình bày lời hứa hối cải của tù nhân và đề nghị đóng góp năm trăm ngàn đô la của cô cho Cục Cấm Thuốc Phiện,

và đề nghị thể hiện sự khoan hồng với cô như một người Trung Quốc bị sa vào hoàn cảnh không may.

Khi quyết định từ Nam Kinh trở về vài tuần sau đó, Tố Vân được thả ra.

Ông Diêu qua đời một đêm trong giấc ngủ. Đó là một cái chết tự nhiên đơn giản, một sự suy tàn dần dần của sinh lực cơ thể ông. Khẩu vị của ông dần dần giảm sút cho đến khi không thể ăn cháo gạo được nữa; sau đó ông ngừng cả uống nước. Rất lâu sau khi ông rõ ràng đã chết, mạch yếu ớt của ông vẫn còn đập và đôi mắt ông từ chối nhắm lại. Đó thực sự là cái chết của một đạo sĩ.

Giờ đây các con trai, con gái và các con dâu của ông đứng và quỳ bên giường ông, khóc lóc, họ tắm rửa và thay y phục cho ông, mặc cho ông bộ đồ mới, và đặt ông vào quan tài theo đúng nghi thức. A Phi xin nghỉ phép ở cơ quan để tuân thủ tang chế nghiêm ngặt thông thường của một người con trai có cha qua đời. Anh để Trần Tam tiếp tục làm việc ở cục vì anh ta chỉ là họ hàng xa của người cha đã khuất. Mộc Lan và Mộc Hoa cùng chồng của họ mặc đồ tang màu trắng, trang phục phù hợp cho việc để tang, trong khi Mận Nhi và Đạm Hương mặc màu xanh lam, màu tang phù hợp với mối quan hệ của họ.

Đám tang sẽ được tổ chức sau hai tuần nữa. Ông bà Phó lúc này đã trở về tỉnh quê nhà, và cha mẹ Hương Quý tham gia tích cực vào việc sắp xếp một đám tang lớn. Cô Donahue, người đã trở thành một người bạn thân của Hương Quý vì cô là họa sĩ, đến chia buồn, và bà Hoa cùng họa sĩ già Kỳ cũng đến hỗ trợ. A Phi, với tư cách là người con trai chịu tang, không được mong đợi sẽ lo liệu các chi tiết, vì theo truyền thống, một người con trai được cho là quá đau buồn để có thể để tâm đến những việc như vậy, và đám tang được các anh rể của anh sắp xếp cho.

Tuy nhiên, Lập Phu vẫn tiếp tục cuộc điều tra buôn lậu của mình. Việc bắt giữ Tổ Vân cho anh một

cái nhìn cận cảnh hơn về hoạt động buôn bán ma túy mà anh không thể có được bằng cách khác. A Phi không quá đau buồn đến mức không lao vào thảo luận về chủ đề này với Lập Phu, vì cuối cùng thì cái chết của cha anh đã được dự đoán từ lâu. A Phi cung cấp cho Lập Phu cả thông tin trực tiếp lẫn các báo cáo chính thức từ Cục Hải quan và ủy ban của Hội Quốc Liên về nạn buôn bán thuốc phiện cùng các báo cáo của nhà điều tra người Anh, cô Muriel Lester, người đã mô tả một tình trạng gây chấn động thế giới. A Phi còn kể với anh rằng Hội Phụ nữ Đại học Mỹ ở Thiên Tân đã tiến hành điều tra tình hình ma túy, phát hiện ra những điều kiện kinh tởm và đáng sợ trong các hệ lụy của nó đến mức họ ra lệnh cấm phát hành

toàn bộ báo cáo. Lập Phu chỉ có thể đọc tiếng Anh một cách khó khăn, và tham khảo ý kiến A Phi để có bản dịch chính xác. Lập Phu thường chế giễu vẻ ngoài cứng nhắc của những «quý ông» du học Anh trở về, và điều này đã là thứ khiến anh và A Phi xa cách. Nhưng giờ đây họ lần đầu tiên học cách hiểu nhau rõ hơn, và Lập Phu vượt qua được một số định kiến của mình đối với các du học sinh từ Anh trở về.

Anh đặc biệt quan tâm đến một báo cáo rằng một bác sĩ ngoại quốc ở Thiên Tân đã mua kẹo từ một người bán hàng rong gần một trường học Trung Quốc trong Nhượng địa Nhật Bản, và phân tích chứng minh số kẹo đó có chứa chất ma túy.

«Tôi không thể tin được,» Lập Phu nói.

«Tôi có thể cung cấp cho anh nguồn của báo cáo đó,» A Phi nói. «Gần trường học hay không, thì có quan trọng gì với những kẻ buôn ma túy? Không có một con phố nào trong Nhượng địa Nhật Bản mà không có nhà máy hay cửa hàng ma túy, bán buôn hoặc bán lẻ, ngay cả trong những khu dân cư sang trọng nhất. Vậy thì tại sao những kẻ buôn bán phải di chuyển đi vì một trường học?»

«Đây có phải là ‘trật tự mới ở châu Á’ không?» Lập Phu thốt lên, và A Phi nghe thấy anh chửi rủa như chưa từng nghe một quý ông nào chửi rủa trước đây.

Lập Phu quyết định lại đi Thiên Tân và anh sắp xếp với A Tuyên đưa anh đi qua Nhượng địa Nhật Bản trong sự cải trang. Kiến thức tiếng Nhật của Lập Phu là một lợi thế cho anh trong công việc này.

Họ thấy hết cửa hàng này đến cửa hàng khác, nằm trong những tòa nhà bê tông hai tầng hiện đại, gọi là «dương hàng» (công ty nước ngoài) với những lá cờ Nhật Bản treo nổi bật trên cửa. Họ bước vào những ngôi nhà này, gọi là *yoko* trong tiếng Nhật, và thấy rằng chúng không kinh doanh mặt hàng nào khác ngoài các chất ma túy có hại. Chỉ trong một khu phố, trên phố Hashidate, họ tìm thấy mười hoặc mười hai *yoko* như vậy. Sau đó họ đi bộ qua các con phố khác, nơi

họ chỉ thấy những gì có vẻ là nhà ở, và A Tuyên nói với anh đây là khu vực của các nhà máy sản xuất ma túy lớn và các công ty bán buôn. Ngay phía sau đồn cảnh sát lãnh sự Nhật Bản, nơi đường Asahi trở thành đường Đông Mã Lộ, không hề che giấu, là một cụm sào huyệt ma túy hạng thấp, thường xuyên có những người nghèo nhất lui tới, mặc quần áo rách rưới.

Lập Phu không thể chịu nổi cảnh tượng của những căn bã xã hội này và quay đi.

«Anh có muốn xem một nơi tốt hơn không—hạng cao cấp nhất hay hạng trung?»

«Hãy đưa tôi vào một chỗ hạng trung.»

Họ bắt một chiếc xe kéo và đi đến một ngôi nhà nơi một mùi hôi thối xộc vào mũi Lập Phu khi anh bước vào. Các phòng tối om. Ngồi hoặc nằm ở các tư thế khác nhau trên các đi văng là một số con nghiện, với các cô gái Trung Quốc và Triều Tiên phục vụ họ.

«Các anh sẽ *châu* hay *táp*?» một trong những cô gái hỏi.

«Bạn tôi là người mới,» A Tuyên nói, chỉ vào

Lập Phu. Quay sang Lập Phu, anh nói, «Có ba cách dùng thuốc. *Châu* là hút, và *táp* là tiêm—đó là cocaine hoặc morphin—và có một phương pháp thứ ba gọi là *uân* hoặc hít, dành cho những con nghiện lâu năm.»

«Cho chúng tôi năm hào bột trắng,» A Tuyên nói.

Họ được chỉ đến một chiếc đi vắng. Một cô gái Trung Quốc mang đến một gói nhỏ heroin trên một tờ giấy đặc biệt và nửa hộp diêm.

«Tôi chỉ đang cho bạn tôi xem thôi,» A Tuyên nói với cô gái đang đứng nhìn họ.

«Các anh có muốn tôi chỉ cho không?» cô gái nói với một nụ cười.

«Không phiền đâu,» Lập Phu trả lời và cô gái bỏ đi.

«Ở những chỗ cao cấp hơn, những cô gái này đôi khi cũng có nghề tay trái, nếu anh sẵn sàng chi tiền cho họ. Ở đó anh được đưa

vào một phòng kín đặc biệt với cô gái phục vụ anh, và không ai khác vào trừ khi anh gọi.»

Tuy nhiên, đây là một căn phòng bán mở, nơi các cô gái đi lại phục vụ những khách hàng khác nhau gọi họ.

«Nhìn người kia kìa. Anh ta đang ‘bắn pháo phòng không’ đấy,» A Tuyên nói, chỉ vào một người đàn ông nằm ngửa trên đi văng. Anh ta đã đặt một cuộn giấy lên một điều thuốc, bọc bột trắng bên trong, và đang hút với mặt ngửa lên. Một số người dùng một chiếc tàu nhỏ, gồm một cán bút lông cắm vào bên cạnh một đốt tre to. Những người khác ngồi dậy trên đi văng và hơ nóng một lượng bột trắng bằng

một que diêm đang cháy dưới lá thiếc, và hút làn khói xanh tím khi nó bốc lên từ bột nóng, thông qua một miệng hút bằng giấy.

«Đó gọi là *há*, hít vào,» A Tuyên nói.

Một vài khách hàng mới bước vào, một người chỉ mới mười tám tuổi. Một người phục vụ nam đi đến chỗ anh ta, rõ ràng biết anh ta muốn gì, và chàng trai trẻ kéo áo lên.

«Việc tiêm được thực hiện theo hai cách, tiêm tĩnh mạch và tiêm dưới da,» A Tuyên nói. «Anh thấy lưng của cậu bé kia đầy vết kim chích thế nào không. Trong những trường hợp tệ nhất, da bị nhiễm trùng và thối rữa. Tiêm tĩnh mạch

tránh được điều này, nhưng nguy hiểm hơn. Đã xảy ra những trường hợp người chết tại chỗ sau khi tiêm tĩnh mạch. Vì vậy, hầu hết những người nghiện morphin thích một mũi tiêm dưới da.»

*

Lập Phu trở về Bắc Kinh và chuẩn bị báo cáo của mình. Vẫn chưa có một nghiên cứu toàn diện nào của Trung Quốc về chủ đề này, ngoài các báo cáo của Hải quan Duyên hải, và anh đã dựa nhiều vào các nguồn nước ngoài.

«Nhượng địa Nhật Bản ở Thiên Tân là thủ đô heroin của thế giới,» anh viết. «Nó đóng vai trò là trung

tâm xuất khẩu cho thuốc phiện Nhật Bản từ Đại Liên, Mãn Châu, Triều Tiên đến Bắc và Nam Mỹ. Ở Đường Sơn có nhà máy heroin lớn nhất thế giới. Một nhà máy Nhật Bản ở Khách Lạp Càn riêng sản xuất năm mươi kilôgam heroin mỗi ngày, gấp mười lăm lần nhu cầu hợp pháp của thế giới. Stuart Fuller trong báo cáo của ông cho ủy ban Hội Quốc Liên, nói rằng, ‘Nơi nào ảnh hưởng của Nhật Bản tiến tới ở Viễn Đông, thì thứ gì đi cùng với nó? Buôn bán ma túy.’ Ông mô tả tình hình ma túy ở Mãn Châu và Nhiệt Hà là ‘kinh khủng.’ Việc mở rộng trồng trọt và buôn bán thuốc phiện được lên kế hoạch và kiểm soát cẩn thận bởi Giám đốc Cục Độc quyền của Chính Phủ Tổng đốc Triều Tiên, theo các báo

chí Nhật Bản. Các nghiệp đoàn sản xuất thuốc phiện được nhận trợ cấp chính Phó và chịu trách nhiệm trước Cục Độc quyền trong việc chỉ đạo trồng cây anh túc và cho các hộ trồng anh túc vay vốn, cũng như sản xuất và giao thuốc phiện thô.»

Trong phần kết luận, anh viết, «Những khó khăn chính trong việc trấn áp buôn lậu thuốc phiện và các loại khác là chính quyền quân sự Nhật Bản, và hiệp ước ngoại trị.

«Nếu đây là thực tế của tình hình ở Viễn Đông, thứ mà Nhật Bản yêu cầu thế giới công nhận, thì thực tế đã vượt quá sự tin tưởng. Nếu đây là chính sách quốc gia của một cường quốc thân thiện, thì đã đến

lúc Trung Quốc cần có thêm kẻ thù và ít bạn bè hơn. Nếu đây là trật tự mới ở châu Á, thì tất cả lương tri con người đang hoang nên đòi hỏi một sự trở lại với trật tự cũ của những kẻ man rợ nguyên thủy như một hình thức sống văn minh hơn. Nhượng địa Nhật Bản ở Thiên Tân là một khối u tiết độc trên thân thể chính trị Trung Quốc, một vết nhơ trên danh dự của chính Nhật Bản, và một mối đe dọa đối với sức khỏe cộng đồng của toàn thế giới. Nó nên bị quét sạch khỏi bề mặt trái đất.»

*

Đám tang của ông lão Diêu được cử hành với sự trọng thể và rình

rang phù hợp. Kể từ khi ông trở về, những người hàng xóm đã gọi ông là Lão Tiên Nhân, và sự kiện này được nói đến như đám tang của Lão Tiên Nhân — một sự mâu thuẫn khá lớn về ngôn từ. Ngoài những người thân Mãn Châu của Hương Quý và nhiều bạn bè cũ của chủ nhân hãng buôn trà và kinh doanh lớn, còn có nhiều bạn bè và họ hàng của thế hệ trẻ hơn. Công việc của A Phi cho anh địa vị của một quan chức, và nhiều đại diện của chính quyền thành phố tham gia vào đám rước, dài khoảng một dặm. Các ban nhạc kèn đồng rất phổ biến trong các đám rước tang lễ vào thời điểm này và hai ban nhạc được đóng góp bởi các tổ chức khác nhau. Ông Diêu già đã ra chỉ thị rằng không cho phép các

tu sĩ cầu nguyện cho linh hồn ông. Tuy nhiên, các nhà sư của một ngôi chùa ở Tây Sơn khăng khăng đến bày tỏ lòng kính trọng. Vì điều này giờ đây không thể từ chối, A Phi chấp nhận sự lịch sự của họ, nhưng thông báo họ chỉ tham gia vào đám rước. Kết quả là một sự pha trộn kỳ lạ giữa cũ và mới, những khuôn mặt và áo cà sa ảm đạm của các tu sĩ tương phản với những quân hàm và đồng phục sáng bóng của các ban nhạc kèn đồng chuyên nghiệp chơi bản Nhạc Tang lễ của Tchaikovsky.

Khi Mộc Lan đi lên phía bắc, cô đã thấy ở một nhà ga hai ban nhạc kèn đồng, được hai quan chức khác nhau cử đến, để chơi nhạc trong lễ tiễn đưa một tổng đốc quân sự.

Khi tàu bắt đầu chuyển bánh, hai ban nhạc bắt đầu chơi các giai điệu khác nhau đồng thời, trong một sự hỗn độn kỳ quái và hài hước. Vì vậy, cô bảo Tôn Á giờ đây phải đảm bảo rằng hai ban nhạc trong đám rước tang lễ phải thỏa thuận với nhau để không chơi cùng một lúc, và ban này không bắt đầu chơi cho đến khi ban kia kết thúc.

Đám tang cho Mộc Lan và Mộc Hoa cơ hội gặp một số bạn bè và họ hàng cũ. Trong số họ có Tô Trân, giờ đã là một góa phụ, và Quế Nương cùng các con gái của bà, Ái Liên và Lệ Liên, những người dường như kết hôn tốt đẹp và rất hiện đại. Mẹ của Thái Vân cũng đến. Chồng bà giờ đã qua đời, và bà kể với họ rằng con gái bà lại đang ở trong

tù tại Tô Châu, sau khi bị bắt trên đường đến một phiên họp bí mật của các đại biểu cộng sản vận động cho một mặt trận thống nhất để chống Nhật.

A Tuyên đã xin nghỉ phép đặc biệt để dự đám tang vì Mẫn Nhi khẳng khẳng điều đó, mặc dù anh không thuộc gia đình họ Diêu. Đám tang diễn ra vào thứ Tư, và ngày hôm sau anh trở về Thiên Tân. Anh biết được rằng ngày hôm trước, một nhóm *lưu lãng nhân* Nhật Bản khác đã cưỡng bức chất lên một toa xe hạng ba trên một chuyến tàu ở ga Đông Thiên Tân hai trăm kiện hàng và đã làm bị thương một số hành khách Trung Quốc bị cưỡng bức đuổi xuống.

Đã có tám hoặc chín sự việc như vậy trong tháng Sáu này và các nhân viên hải quan rất bức tức. Vào tối thứ Sáu, tin tức đến rằng một lô hàng lớn gồm sáu xe ngựa chở hàng đã bị chặn trên đường đến Thiên Tân và bị những người hải quan lấy đi, nhưng đã bị ba người Nhật và ba người Triều Tiên đột nhập và áp đảo họ để chiếm lại. Văn phòng của A Tuyên yêu cầu tình nguyện viên ra ngoài và tái chiếm số hàng hóa bị chiếm lại một lần nữa. Một số người trẻ nhất và khỏe nhất tình nguyện và A Tuyên là một trong số họ. Những *lưu lãng nhân* đó được cho là không mang theo vũ khí, và người ta nghĩ rằng một lực lượng mười hai người là đủ. Bản thân họ không thể mang theo súng ngắn, mục đích chỉ là để

chiếm đoạt hàng hóa và ngăn chặn những kẻ buôn lậu.

Lộ trình của những chiếc xe bò đã được biết, và mười hai người đàn ông đã đi đến một ngôi làng nhỏ, chỉ được trang bị dây thừng. Tại một cửa hàng trong làng, một trong những người đàn ông nhìn thấy một số pháo hoa lớn, và họ đã mua một ít để tạo ra sự hù dọa. Vào khoảng hai giờ rưỡi, một người trong số họ với ống nhòm đã nhìn thấy những chiếc xe bò đang đến. Trên chiếc xe đầu tiên chỉ có một người đàn ông thấp bé, có lẽ là người Nhật, ngồi trên đống hàng hóa, trong khi những người khác ở trên hai chiếc xe cuối cùng. Câu hỏi

đặt ra là làm thế nào để chiến đấu với đội hộ tống phía sau mà không để những chiếc xe phía trước trốn thoát, và làm thế nào để cuộc tấn công trở nên hoàn toàn bất ngờ. Một nhóm ba người được cử ra để đối phó với người Nhật đơn độc phía trước và chặn đứng những người đánh xe bò cùng hàng hóa của họ, trong khi chín người còn lại chia thành hai nhóm ẩn nấp ở hai bên đối diện của con đường và tấn công đội hộ tống. A Tuyên ở cùng với những người này. Họ cúi mình trốn dưới bức tường cũ.

Khi chiếc xe đầu tiên đi qua, thủ lĩnh của họ ra hiệu cho những người của mình tiến gần hơn đến con đường. Sau đó, anh ta châm ngòi pháo hoa và ném chúng vào

xe. Theo tín hiệu này, họ xông ra. Những người Nhật và Triều Tiên, bị bất ngờ, bắt đầu ném một trận mưa đá. Những người nhân viên hải quan nhảy lên những chiếc xe bất chấp những hòn đá đang bay tới và vật lộn giáp lá cà.

A Tuyên là người thứ ba theo sau thủ lĩnh, và khi anh đang nhảy lên xe, một tảng đá nặng hai pound đập vào đầu anh khiến anh choáng váng và ngã xuống đất. May mắn thay, những người khác đã lên xe và người Nhật không thể ném thêm đá nữa. Một người Nhật được trang bị một cái rìu, và nhắm nó vào thủ lĩnh, người nhanh chóng đánh gục hắn bằng một cú đánh vào bụng và chiếc rìu rơi xuống xe.

Những người đánh xe bò người Trung Quốc bỏ chạy, và những chiếc xe dừng lại. Sau một cuộc hỗn chiến ngắn, hai người Nhật và ba người Triều Tiên phía sau đã bị khống chế và trói lại. Người đàn ông duy nhất trên chiếc xe phía trước, vì đang say khướt và buồn ngủ trong buổi chiều tháng Sáu, đã không chống cự và chấp nhận bị bắt, chửi rửa bằng thứ tiếng Nhật không thể hiểu nổi.

Người thủ lĩnh bước xuống và thấy A Tuyên nằm bất tỉnh, da đầu chảy máu. Ông ta cử người của mình thuê sáu nông dân để lái những chiếc xe đến trạm hải quan gần nhất, và A Tuyên được khiêng lên một trong những chiếc xe. Anh chỉ bị thương nhẹ và đã hoàn toàn

tỉnh táo khi họ đến trạm, nơi vết thương của anh được rửa sạch và băng bó.

Nó chỉ là một vết cắt nhẹ trên bề mặt và không được coi là nghiêm trọng. Nhóm người, phấn khích với thành công, sau đó áp giải những người Nhật và Triều Tiên bị bắt đến đồn cảnh sát Nhật Bản và giao nộp họ.

Tuy nhiên, vào khoảng bảy giờ rưỡi, ba người Nhật đã vào khuôn viên hải quan và, sau khi nhìn qua cửa sổ văn phòng, đã xông vào khu nhà ở của các nhân viên. Họ yêu cầu biết hàng hóa bị tịch thu ở đâu. Khi viên chức phụ trách trả lời rằng chúng đã được chuyển đến

văn phòng chính, một trong những người Nhật trở nên rất lạnh mạ và tát vào mặt viên chức. Sau đó, họ lục soát phòng khách và lấy đi chiếc rìu. Trước khi rời đi, gã lạnh mạ đe dọa bằng thứ tiếng Trung Quốc tồi tệ của hắn rằng sẽ quay lại giết viên chức nếu thông tin của anh ta là sai.

Ngày hôm sau, A Tuyên được miễn làm việc buổi sáng, và bắt chuyến tàu tốc hành chín giờ đến Bắc Kinh và đến nơi vào đầu buổi chiều, trước khi gia đình mong đợi anh.

Nhìn thấy đầu anh băng bó, vợ anh vô cùng hoảng sợ và ngay lập tức gọi Mận Nhi.

«Mẹ đã nói với con sẽ có ngày này mà,» Mận Nhi nói. «Giả sử con bị giết, thì mẹ chồng và con dâu chúng ta sẽ cảm thấy thế nào?»

Hoàn Nhi và Hương Quý và Mộc Hoa đã nghe tin, và họ bước vào phòng, và A Tuyên kể cho họ nghe toàn bộ câu chuyện. Mộc Lan đến sau và nghe thấy Mận Nhi đang nói chuyện một cách kích động, vừa mắng con trai vừa chửi rửa người Nhật.

«Đây là công việc gì mà con tham gia vậy?» Mộc Lan nghe cô ấy nói. «Một quan chức — nhưng không phải quan chức; một kẻ cướp — nhưng không phải kẻ cướp — đi đấu với hổ bằng nắm tay không.

Chị ghét lũ yêu tinh lùn. Tại sao các nhân viên của chúng ta không thể mang vũ khí, trong khi họ có thể? Nếu đó là một cuộc chiến giữa hai quốc gia, với mặt đất được dọn sạch và các trung đoàn xếp hàng đối diện nhau và dao kiếm giáo mác xếp chồng lên nhau song song, thì đó sẽ giống như một trận chiến công bằng. . .»

«Chị có tán thành việc Trung Quốc chiến đấu với Nhật Bản không?» Mộc Lan hỏi.

«Nếu cứ như thế này, thì một cuộc chiến sẽ tốt hơn,» Mận Nhi nói. «Làm sao có thể bảo A Tuyên chống lại lũ yêu tinh lùn bằng tay không chứ?»

Mộc Lan nhớ lại những gì cha cô đã nói. «Con hỏi Mận Nhi. Nếu Mận Nhi nói Trung Quốc phải chiến đấu, Trung Quốc sẽ thắng. Và nếu Mận Nhi nói Trung Quốc không được chiến đấu, Trung Quốc sẽ thua.»

«Vậy chị tin rằng Trung Quốc có thể chiến đấu với Nhật Bản sao?» Mộc Lan nói, chậm rãi.

«Trung Quốc sẽ phải chiến đấu, dù muốn hay không.»

Vậy là Mận Nhi đã nói ra điều đó!

Nó có nghĩa là, ông Diêu già đã nói, rằng một cuộc chiến sắp xảy ra và đó sẽ là một cuộc chiến đến người cuối cùng.

«Mận Nhi!» Mộc Lan nói. «Chị đã tuyên chiến với Nhật Bản đấy!»

«Chị biết gì về tuyên chiến chứ?» Mận Nhi nói. «Chị chỉ biết rằng nếu chúng ta phải sụp đổ, thì hãy để tất cả chúng ta cùng sụp đổ, cả Trung Quốc và Nhật Bản!»

«Chị nghĩ sao, Mộc Lan?» Hoàn Nhi hỏi.

«Làm sao chị có thể biết được? Chị ước gì mình có thể hỏi cha câu hỏi này bây giờ. Nhưng ông luôn nói rằng vận may là thứ gì đó bên trong tính cách của một con người. Đối với người xứng đáng với vận may, những chum nước sẽ biến thành bạc; đối với người không xứng đáng, những chum bạc sẽ biến thành nước. Anh phải có tính

cách để chịu đựng được vận may đó. Những người Nhật này không có tính cách để chịu đựng được vận may cai trị Trung Quốc. Đưa Trung Quốc cho Nhật Bản và họ sẽ không thể chịu đựng nổi.»

CHƯƠNG 43

第四十三章
报国洗前愆香消玉殒
除奸生差误李代桃僵

Chương Bốn Mười Ba:
Phục vụ Tổ quốc để gột rửa tội lỗi
trong quá khứ, nhan sắc nàng phai
tàn; Loại bỏ kẻ phản bội dẫn đến
sai lầm và sự thay thế.

uộc chiến bùng nổ vào năm
sau, vào ngày bảy tháng Bảy.
Nó phát triển từ tình hình Hoa Bắc
một cách tự nhiên như một trận

lụt theo sau một trận động đất. Các nhà tội phạm học giả định rằng hai tội phạm riêng biệt đã được thực hiện bởi cùng một tội phạm khi họ tìm thấy một số phương pháp đặc trưng được sử dụng trong cả hai. Kế hoạch chinh phục Trung Quốc của Nhật Bản đồng nhất với chính sách buôn lậu của họ. Nó giống hệt nhau về phương pháp, tính cách và động cơ; và nó được lấy cảm hứng, lên kế hoạch và chỉ đạo bởi cùng một cơ quan, Quân đội Nhật Bản.

Quân đội Nhật Bản chỉ đơn giản tiếp tục với cùng những phương pháp tàn bạo, từ việc cướp đoạt doanh thu của Chính Phủ Trung Quốc đến việc cướp đoạt lãnh thổ

Trung Quốc. Kỳ lạ thay, tâm lý con người có xu hướng coi việc đánh cắp lãnh thổ của một quốc gia là danh giá hơn, có lương tâm hơn, đáng tranh cãi hơn so với việc đánh cắp túi xách của một quý bà. Trang Tử từ lâu đã viết:

Kẻ trộm móc câu,

Bị treo cổ như một tên gian;

Kẻ trộm cả vương quốc,

Lại được phong tước công.

Nửa sau của sự thật này đặt ra một vấn đề thường được nghiên cứu, xem xét, chẩn đoán, tiên lượng, phân tích, tranh luận, giải thích, bảo vệ, cãi vạ, và thảo luận một cách thận trọng trong tương lai và trong hồi tưởng, bởi một loạt

các chuyên gia kinh tế và luật gia quốc tế xuất sắc trong các luận văn học thuật, bên trong đó sự thật vẫn thành công trong việc tránh khỏi những quan sát của họ, như một bóng ma trong buổi gọi hồn. Một số nói họ đã thấy nó, một số thề rằng họ không thấy.

Nhưng có lẽ Mộc Lan đã đúng. «Tính cách vận may» của người Nhật không thể thay đổi.

Xét một cách khoa học, cuộc chiến có thể được cho là đã bắt đầu “một cách tự phát.” Cái gọi là “sự kiện” Cầu Marco Polo thậm chí không phải là một sự kiện. Binh lính Nhật sau cuộc diễn tập ban đêm ở các khu vực bất hợp pháp đã đến để yêu cầu vào một thành

phổ kiên cố có canh gác của Trung Quốc lúc bốn giờ ba mươi sáng để tìm kiếm một binh sĩ “mất tích”, và người Trung Quốc bị cáo buộc đã bắn vào họ. Sau đó, người Nhật thậm chí còn không nhất quán khẳng định rằng người lính đó “mất tích”. Nhưng bất cứ ai sống ở Trung Quốc trong năm trước cuộc chiến đều biết rằng chiến tranh sớm muộn cũng phải xảy ra. Sau khi chiếm Mãn Châu, sáp nhập Nhiệt Hà, lạng lẽ tiến vào Sát Cáp Nhĩ, và tạo ra Chính quyền Đông Hà Bắc, người Nhật giờ đây muốn tách rời “năm tỉnh phía bắc”, và họ nghĩ rằng Trung Quốc sẽ trao lãnh thổ đó cho họ. Người Trung Quốc ghét người Nhật, nhưng người Nhật yêu lãnh thổ của Trung Quốc, và người Nhật càng yêu mảnh đất

của chúng ta, thì sự căm thù của người Trung Quốc càng cay đắng.

Và do đó, hai quốc gia đã bắt đầu cuộc chiến khùng khiếp nhất, vô nhân đạo nhất, tàn bạo nhất, tàn phá nhất trong toàn bộ lịch sử châu Á.

Trên thực tế, một cuộc chiến thần kinh đã diễn ra trong nhiều năm, và giờ đây thần kinh của người Trung Quốc đang căng thẳng. Người Trung Quốc phải chiến đấu với Nhật Bản và giết người Nhật để tự cứu mình khỏi cơn mê sảng quốc gia. Chính Phó Trung Quốc đã góp phần làm căng thẳng thần kinh của người Trung Quốc bằng cách cấm mọi biểu hiện chống Nhật công khai, dù bằng

văn bản, lời nói, hội họp hay biểu tình đường phố. Nhưng tâm trạng chống Nhật ngày càng gia tăng và bị đè nén trong nhân dân đã bùng lên với sức mạnh của một cơn lũ bị chặn. Nó gần như nhấn chìm chính Tưởng Giới Thạch một cách kịch tính ở Tây An. Khi người Nhật nói người dân Trung Quốc chống Nhật, họ hoàn toàn đúng. Nhưng khi họ nói rằng Tưởng Giới Thạch khuyến khích biểu hiện công khai của tâm trạng chống Nhật đó, họ hoàn toàn sai, vì ông ta không động một ngón tay để cho nó thoát ra. Nếu họ nghĩ rằng người Nhật có thể dập tắt lòng căm thù của Trung Quốc và làm cho bản thân trở nên đáng yêu trong mắt người Trung Quốc, bằng cách tiến hành chiến tranh và hủy diệt đối với nhân dân, đó là một

vấn đề khác, và một vấn đề cho trí tuệ Nhật Bản để giải quyết. Cả ông Diêu già, hay Mộc Lan, hay Mạn Nhi, hay những nhà triết học giỏi nhất của Trung Quốc đều không thể giúp họ trong vấn đề đó.

Xét một cách khách quan, phong trào hướng tới chiến tranh từ năm 1932 như sau: Mãn Châu là đòn đánh đầu tiên của Nhật Bản. Hiệp định Đường Cô sau khi Nhiệt Hà thất thủ năm 1933, đòi hỏi “khu phi quân sự” ở phía Trung Quốc của Vạn Lý Trường Thành, là đòn thứ hai. Vào mùa xuân năm 1935, khi phần lớn Quân đội Trung Quốc đang truy đuổi những người cộng sản vào tây Trung Quốc, Nhật Bản giáng đòn thứ ba bằng cách buộc phải rút một số đơn vị của Quân

đội Trung Quốc khỏi Hà Bắc. Do đó, sân khấu đã được dọn sẵn cho việc tạo ra một nhà nước bù nhìn, tương tự như «Mãn Quý quốc,” ra khỏi năm tỉnh phía bắc, bằng mưu mô với các chỉ huy địa phương và thúc đẩy một “phong trào tự trị” để tuyên bố độc lập khỏi Nam Kinh. Bị sốc một cách đáng buồn bởi “sự thiếu chân thành trong hợp tác” ngay cả của chính quyền tỉnh, Nhật Bản đã cố gắng vào mùa thu năm 1935 tập trung vào mỗi Hà Bắc và Sát Cáp Nhĩ, nhưng Chính Phó Trung Quốc đã trả lời bằng cách rút quân từ phía tây và tập trung họ dọc theo đường sắt Long Hải. Nhận ra sự nguy hiểm, Nhật Bản tạm thời từ bỏ kế hoạch lớn và giáng đòn thứ tư bằng cách tạo ra chính quyền “phản cộng” Đông

Hà Bắc, siết chặt sự kiểm soát đối với Ủy ban Hà Bắc - Sát Cáp Nhĩ của Trung Quốc và tăng cường lực lượng đồn trú tại Hoa Bắc của mình lên gấp bốn lần so với mức mà các cường quốc Nghị định thư Boxer đã cho là cần thiết trong ba mươi sáu năm qua.

Vào mùa thu năm 1936, đôn thứ năm được giáng bằng việc chiếm Phong Đài, đầu mối đường sắt gần Bắc Kinh, nơi tất cả các chuyến tàu đi về phía nam và phía đông đều đi qua, bất chấp việc nó rõ ràng nằm ngoài giới hạn được định nghĩa bởi Nghị định thư Boxer cho việc đóng quân của nước ngoài. Tiếp ngay sau đó là đôn thứ sáu dưới hình thức một cuộc xâm lược của Mông Cổ do Nhật Bản xúi giục vào

Tuy Viễn, lần đầu tiên bị quân đội chính Phó Trung Quốc đối mặt một cách công khai và đẩy lui. Rồi đến đòn thứ bảy - sự kiện cầu Marco Polo.

Cả Đạo giáo và khoa học hiện đại đều đồng ý về điều này: Hành động và phản ứng là bằng nhau. Tinh thần kháng chiến của Trung Quốc là phản ứng; những hành động chống Trung Quốc của Nhật Bản trong những năm 1931-37 là hành động trước đó. Sức mạnh của sự kháng cự Trung Quốc nên được hiểu như một thước đo trực tiếp cho sự khủng khiếp trong những hành động của Nhật Bản chống lại một cường quốc thân thiện trước chiến tranh. Chỉ như vậy chúng ta mới có thể hiểu được cuộc chiến.

Những lực lượng không quân, lục quân và hải quân tinh nhuệ nhất của cường quốc vĩ đại nhất trên trái đất, thật không may, không thể ném bom và bắn phá Định luật Bất biến về Hành động và Phản ứng của Tự nhiên để xóa bỏ nó.

Chiến tranh giờ đây trở nên không thể tránh khỏi, bởi vì cả hai quốc gia đã sẵn sàng cho một cuộc đối đầu ở Hoa Bắc. Trong khi các cuộc đàm phán đình chiến bị kéo dài, các cuộc giao tranh lẻ tẻ vẫn tiếp tục. Tướng Giới Thạch đang hội đàm ở Cô Lĩnh với các lãnh đạo quân sự từ tất cả các tỉnh để đưa ra quyết định trọng đại; quân Nhật tiếp tục đổ bộ không bị ngăn trở trong ba tuần để củng cố các vị trí của họ dọc theo Đường sắt Bắc Kinh

- Thiên Tân. Trong vòng chín ngày sau sự kiện, người ta báo cáo rằng năm sư đoàn Nhật, tổng cộng một trăm nghìn người, đã được gửi đến Trung Quốc bản thổ và Nội Mông. Các toa tàu chở đầy đạn dược và vật tư quân sự đã đổ vào Thiên Tân và đã được phân phối đến Phong Đài và các điểm khác. Khi cuộc chiến thực sự bắt đầu quanh Bắc Kinh, quân Nhật đã củng cố ở tất cả các điểm chiến lược cách thành phố vài dặm. Tướng Tổng Triết Nguyên thẳng thừng bác bỏ tối hậu thư của Nhật Bản vào ngày 26 tháng 7 yêu cầu rút toàn bộ sư đoàn 37 về phía nam Bảo Định, và rồi chiến tranh bắt đầu. Quân Trung Quốc mở một cuộc tấn công mạnh vào ngày 28, nhưng Tướng Tổng đột ngột rời Bắc Kinh lúc mười một giờ đêm

hôm đó, bổ nhiệm một thị trưởng thân Nhật, và sự kháng cự của Quân đoàn 29 của ông chấm dứt vào nửa đêm ngày 29. Bắc Kinh đã nằm trong tay người Nhật.

*

Sau đám tang của cha, Mộc Lan và Mộc Hoa đã trở về phương Nam với gia đình, và đang sống tại nhà của họ ở Hàng Châu và Tô Châu khi chiến tranh bùng nổ. A Phi và những người khác vẫn ở Bắc Kinh. Sau sự kiện cầu Marco Polo, tin đồn lan nhanh ở Bắc Kinh; và, trong khi chính Phó Nam Kinh đang cố gắng đưa ra quyết định lớn của mình, cư dân hàng ngày cầu nguyện cho sự xuất hiện của máy bay Trung

Quốc trên thành phố, nhưng chúng không bao giờ đến. Có những hy vọng thì thầm rằng thành phố sẽ được cứu, và những nỗi sợ hãi thì thầm rằng nó có thể không. Nếu có sự căm thù những kẻ xâm lược, đó là một sự căm thù âm ỉ, sâu sắc, rộng lớn, được điều hòa bởi sự kiên nhẫn của nhiều thế kỷ. Khi họ thấy những chiếc máy bay Nhật lượn vòng trên đầu, họ kín đáo, bí mật nguyên rủa.

Hầu hết người dân của cố đô cổ xưa đó, những người bản địa thực sự, tán gẫu bình thản và thậm chí vui vẻ trong nhà và các quán trà về việc chiến tranh sắp đến và suy đoán về kết quả của nó, nhưng họ vẫn tiếp tục công việc kinh doanh như thường lệ.

Họ không thích một kẻ xâm lược, nhưng họ đã thấy những kẻ xâm lược khác trước đây. Có một sự pha trộn lộn xộn của những người sống ở Bắc Kinh, các quan lại Mãn Châu già, đã về hưu và những sinh viên trẻ yêu nước, các sĩ quan nhát gan và những chính trị gia trơ trẽn, hoài nghi, những thương nhân trung thực và những tầng lớp cận bã nghèo nhất làm gián điệp cho Nhật. Nhưng người bình thường quá văn minh để thích bạo lực và chiến tranh, và ít có xu hướng khùng bố và bạo loạn như ở Thượng Hải. Họ ôn hòa, kín đáo, yêu chuộng hòa bình và kiên nhẫn bất khuất.

Những người thừa kế thực sự của văn hóa cổ xưa Bắc Kinh đã

chứng minh mình vượt trội hơn tất cả các cuộc tấn công của chủ nghĩa hiện đại; như tổ tiên họ đã sống, họ cũng đang sống như vậy. Có một bầu không khí thỏa mãn trong nhà của họ, một gợi ý về sự dự trữ tinh thần vô tận trong cách nhìn nhận cuộc sống của họ, một sự tách rời triết lý khỏi cảm giác về thời gian trong lối sống của họ, và một phong cách nói chuyện khôn ngoan, vui vẻ, thông thả. Bởi vì ở Bắc Kinh xưa, khoảnh khắc và vĩnh hằng là một. Những gì là thế kỷ ở nơi khác chỉ là những khoảnh khắc ngắn ngủi ở Bắc Kinh, trải dài qua các thế hệ từ ông đến cháu, tiếp nối cùng một truyền thống sống. Vì Bắc Kinh có thể chờ đợi và già đi nhưng không bao giờ già đi. Bị chinh phục nhiều lần, nó đã luôn

chinh phục những kẻ chinh phục nó, và điều chỉnh, sửa đổi họ theo cách sống của chính nó.

Người Mãn Châu đã đến và đi, và Bắc Kinh không bận tâm. Người châu Âu da trắng đã đến và chứng minh ưu thế quân sự của họ qua những lần cướp phá liên tiếp thành phố, và Bắc Kinh không bận tâm. Những du học sinh hiện đại trở về trong trang phục nước ngoài và những phụ nữ hiện đại tóc xoăn đã đến và giới thiệu những thời trang mới và những thú giải trí mới, và Bắc Kinh không bận tâm. Những khách sạn hiện đại cao mười tầng đứng cạnh những ngôi nhà một tầng cũ kỹ, những bệnh viện hiện đại tráng lệ tồn tại song song với những hiệu thuốc hàng trăm năm

tuổi, những nữ sinh hiện đại sống trong cùng một sân với những người Nghĩa Hòa Đoàn già nửa trần truồng, và Bắc Kinh không bận tâm. Học giả, triết gia, thánh nhân, gái điếm, chính trị gia gian xảo, kẻ phản bội, nhà sư và hoạn quan đã đến để chia sẻ bóng tối của nó, và Bắc Kinh chào đón tất cả bọn họ. Niềm vui sống của nó vẫn tiếp diễn. Các bang hội ăn mày, nhà hát opera, trường dạy kịch cho trẻ em, các câu lạc bộ chơi cầu lông, các nhà hàng vịt và cua, phố đèn lồng, phố đồ cổ, hội chợ đền chùa, đám rước cưới và đám tang, vẫn tiếp tục mãi mãi.

Thật không thể tin được rằng Đàn Thiên Đường, Tử Cấm Thành và các cung điện hoàng gia của

nó, lại bị ném bom và phá hủy. Và như một thành phố được bùa chú, trong tất cả các thành phố bị quân đội Nhật chiếm đóng, chỉ riêng Bắc Kinh lần này thoát khỏi bị hại.

Bạn không thể nói một cách hào hứng về chính trị hay thời sự ở Bắc Kinh, nếu không văn hóa Bắc Kinh của bạn không trọn vẹn và bạn đã sống ở Bắc Kinh một cách vô ích. Điều phân biệt giọng Bắc Kinh với các phương ngữ khác không phải là nguyên âm và phụ âm của nó, mà là nhịp điệu bình tĩnh và giọng điệu trầm ấm, vui vẻ và trầm tư, những người nói chuyện sẵn sàng thưởng thức trọn vẹn hương vị của câu chuyện trong sự lãng quên thời gian. Cái nhìn thông thả này nằm ngay trong những ẩn dụ của

lời nói của nó. Đi mua sắm ở chợ chỉ là để “quàng” (dạo chơi) chợ, và đi dạo dưới ánh trăng là để “quàng” trăng. Việc thả một quả bom từ máy bay chỉ là “con chim sắt đẻ trứng”, và bị bom trúng chỉ là “trúng giải nhất xổ số hàng không”. Ngay cả việc có máu chảy xuống từ vết thương ở thái dương cũng chỉ là “treo một dải lụa đỏ”! Cái chết tự nó chỉ là việc trưng ra “một cái đuôi sam cong queo”, như một người ăn mày chết bên đường.

Nhưng có ít nhất một người ở Bắc Kinh dễ bị kích động, đó là Thái Vân, người đã được thả ra khỏi tù vào cuối tháng Năm. Thái Vân không thuộc về Bắc Kinh, mà thuộc về lớp thanh niên Trung Quốc ý thức chính trị và có tinh thần thượng

võ. Đối với cô, cuộc chiến tranh giờ đây đã bùng nổ không phải là một tai họa, mà là một cơ hội đầy cảm hứng và được cầu mong từ lâu để chiến đấu cho tự do dân tộc chống lại kẻ xâm lược đáng ghét. Nếu người ta hiểu những năm trước đó, người ta có thể dễ dàng thấy rằng chiến tranh đến như một sự giải tỏa tinh thần lớn, một sự phục hồi của lý trí và cân bằng, và một sự giải phóng năng lượng tích tụ. Tin tức rằng, cuối cùng, một chính Phó Trung Quốc đã sẵn sàng lãnh đạo quốc gia để chiến đấu với Nhật Bản là quá tốt để có thể là thật. Nếu người ta hiểu được sự chán nản quốc gia và sự thất vọng, bức bối tâm lý trong bảy năm trước đó, sự chờ đợi một sự lãnh đạo quốc gia rõ ràng và một chính sách quốc gia

kiên định và hy vọng gần như vô vọng về một mặt trận thống nhất dân tộc của tất cả các phe phái và đảng phái chống Nhật, người ta có thể dễ dàng thấy việc hoàn thành mặt trận thống nhất và quyết định về một cuộc chiến tranh kháng cự đến cùng có ý nghĩa thế nào đối với Thái Vân - đó là sự thực hiện giấc mơ ấp ủ nhất của cô.

Sự nhiệt tình của cô có tính lây lan, và nó ảnh hưởng đến các cháu trai của cô, những đứa con của Hoài Ngọc, và thậm chí cả vợ của anh ta. Hoài Ngọc đã trở về, và cùng với anh ta là Ảnh Thanh, và họ đang ở trong một khách sạn Đức. Cha anh ta đã chết, và các con của anh ta cùng mẹ chúng đang ở với mẹ của Thái Vân, người mà

anh ta gọi là Phù Nương, và anh ta đã trở về để đòi lại những đứa con của mình.

Một ngày nọ, anh ta xuất hiện tại nhà Thái Vân. Giờ anh ta đã năm mươi tuổi, và bộ ria kiểu Nhật của anh ta đã bạc trắng. Anh ta giàu có và khá giả, mặc một bộ com-lê nước ngoài và đeo kính gọng vàng, và anh ta đã tiếp thu một số thói quen kiểu Nhật, chẳng hạn như tạo ra âm thanh xì xào qua kẽ răng, hoặc vỗ tay để gọi người hầu.

Quốc Xương, giờ đã là một người đàn ông ba mươi tuổi, vừa căm ghét vừa khinh thường cha mình. “Ông trở về để làm gì?” anh ta chất vấn. “Chắc là tìm cơ hội để trở lại nắm quyền với Quân đội Nhật.”

“Người trẻ tuổi,” Hoài Ngọc nói với giọng bẽ trên, “anh hiểu gì chứ? Làm sao Trung Quốc có thể đánh Nhật Bản?”

“Ông không tán thành việc kháng Nhật sao?”

“Tôi rất không tán thành. Nó giống như một con thiêu thân vỗ cánh vào đèn - tự sát. Lại đây, tôi muốn nói chuyện với anh.”

Anh ta dẫn đưa con trai cả vào một phòng khác. Trong vòng năm phút, mẹ của Quốc Xương ở phòng ngoài nghe thấy anh ta hét lên bên trong và rồi anh ta lao ra, mặt đỏ bừng vì tức giận.

“Phản bội! Phản bội!” anh ta kêu lên.

“Chuyện gì vậy?” Thái Vân hỏi.

“Ông ta là gián điệp Nhật và ông ta muốn tôi làm gián điệp Nhật!”

Cha anh ta bước ra, bình tĩnh và không nao núng.

“Vương quốc nô!” Thái Vân kêu lên, gọi anh ta đúng nghĩa là «nô lệ bán nước».

“Có ích gì mà kích động như vậy?” người cha nói. “Anh không có sự tôn trọng với cha mình! Ta không bao giờ nghĩ anh lại là một đứa con bất hiếu như vậy!”

“Cái gì? Ông - cha tôi? Cha tôi đã chết từ lâu rồi. Ông ấy đã ở đâu suốt những năm tôi lớn lên? Tôi đã từ mặt ông rồi.” Quay sang Thái Vân và mẹ mình, anh ta nói, «Ông

ta đề nghị trả tôi ba trăm đô la một tháng để làm gián điệp Nhật!»

Đột nhiên người vợ chịu đựng lâu nay của anh ta, Nhã Cẩm, bắt đầu hét lên. “Cút ra khỏi đây! Cút đi! Cút đi!”

Cô nhặt một cái ly có chân bằng thủy tinh và ném với một mục tiêu tốt đến nỗi nó trúng vào chiếc kính gọng vàng của anh ta, chiếc kính rơi xuống sàn cùng với các mảnh thủy tinh vỡ.

“Mày...!” Hoài Ngọc kêu lên.

“Cút ra khỏi đây!” cô lại hét lên. “Hãy để mẹ con chúng tôi yên. May mắn là chúng tôi đã không chết đói, nhưng đừng đến gần chúng tôi nữa.”

“Được, được rồi!” Hoài Ngọc tức giận nói. “Đây là cách mạng ngay trong nhà!”

Anh ta tiến về phía vợ, giơ cây gậy đeo nhẫn vàng lên với một cử chỉ đe dọa như muốn đánh cô. Quốc Xương giằng mạnh cây gậy khỏi tay anh ta.

“Rời khỏi đây, ông, ngay lập tức,” người con nói, nắm lấy cổ áo cha mình.

Bế mặt, Hoài Ngọc quay đi.

“Không phép tắc, không trời cao!” anh ta thốt lên. “Trung Quốc phải diệt vong! Trung Quốc phải diệt vong!”

“Đây là kính của ông. Lấy nó và cắt khỏi đây,” người con trai nói,

và rồi đá cha mình một cái từ phía sau.

“Trúng thối! Đồ khốn!” Hoài Ngọc hét lên khi lăn ra sân. “Mày sẽ thấy mày đúng hay tao đúng. Tất cả đều làm việc cho đất nước...” Những lời lầm bầm của anh ta trở nên không nghe rõ.

Tổ Vân vẫn sống ở Thiên Tân, nơi thực tế đang thiết quân luật. Cả trong các Tô giới và trong khu vực người Hoa, người qua đường liên tục bị khám xét. Binh lính và đạn dược Nhật Bản đang được đưa gấp vào nội địa. Đường sắt Trung Quốc bị sử dụng để vận chuyển người và vật tư này, và Tướng Tổng, trong nỗ lực không làm tình hình thêm trầm trọng, đã cho phép họ đi

qua. Sự căng thẳng thần kinh tột độ ở Thiên Tân khiến nhiều người từ khu vực người Hoa đổ xô vào các Tô giới nước ngoài và xuống Thượng Hải. Ở Thiên Tân hàng ngày có nhiều vụ bắt giữ, ám sát và những sự việc tương tự. Trên hết, có một nỗi sợ hãi lớn về gián điệp, và những cái chết thường xuyên, gián điệp Nhật giết đặc vụ Trung Quốc, và đặc vụ Trung Quốc giết gián điệp Nhật. Xác chết trôi xuống sông Hải Hà, một cảnh tượng phổ biến ở Thiên Tân trong những năm gần đây, giờ đây tăng lên rất nhiều, và công chúng suy đoán về nguyên nhân. Một giả thuyết cho rằng, ngoài những nạn nhân bình thường của heroin, những lao động Trung Quốc bị buộc phải xây dựng công trình phòng thủ của Nhật tại

Hải Quan Tư đang bị giết hại sau đó để ngăn chặn việc tiết lộ bí mật quân sự.

Giờ đây khi người Nhật biết chiến tranh sắp xảy ra, mạng lưới hệ thống gián điệp của họ trải rộng khắp Trung Quốc đang được tăng cường. Trụ sở chính cho Hoa Bắc ở tại Thiên Tân, mặc dù sau này Bắc Kinh có văn phòng chính riêng với một người Nhật phụ trách. Hệ thống này chia nhánh và mở rộng vào nội địa, thông qua người Hoa, Triều Tiên, Đài Loan, và một số lượng lớn người Nga trắng. Hệ thống gián điệp đã được thiết lập nhiều năm trên khắp Trung Quốc, các đặc vụ bí mật chủ yếu là nhân viên bán hàng lưu động của các loại thuốc đặc chế Nhật Bản, các con

buôn ma túy, và những người khác hoạt động ngầm dưới vỏ bọc nhiếp ảnh gia hoặc làm việc cho các hãng tin và quảng cáo. Nhân viên hoặc người hầu làm việc trong các cục hàng không, chính trị và quân sự có thể mua chuộc được đang được trả lương hàng tháng. Những gián điệp này được đào tạo để chụp ảnh, vẽ bản đồ, và gửi tin nhắn bí mật và được cung cấp máy ảnh, hóa chất, và thậm chí cả máy vô tuyến. Mục tiêu chủ yếu là thu thập bí mật quân sự Trung Quốc, bản đồ và kế hoạch phòng thủ, cùng các thông tin quân sự khác. Chỉ những người cao cấp và thông minh nhất, một số trong đó là phụ nữ, mới được chọn cho công việc khó khăn hơn và tế nhị hơn là tiếp xúc với các sĩ quan quân đội Trung Quốc. Những

người này được trả thù lao lớn cho công việc đặc biệt, và được cung cấp một đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

Một ngày nọ, Tố Vân, người vẫn ở Thiên Tân, được gọi đến trụ sở chính của gián điệp Nhật, được biết đến với tên gọi Cục Đặc Vụ. Cơ quan này thuộc Phái đoàn Quân sự Nhật Bản, và thường xuyên bắt hòa với Cục Đặc Vụ của Quân Quan Đông, do tên khét tiếng Đỗ Diễm đứng đầu.

Một người đàn ông khoảng bốn mươi tuổi đang ngồi trong văn phòng khi Tố Vân bước vào. Ông ta có khuôn mặt đầy đặn nhưng xương xẩu và một cái đầu tròn, cạo nhẵn nhụi. Ông ta để một bộ ria đen, nhưng không đeo kính,

điều này khá bất thường đối với một người Nhật. Nhìn chung, đó là một khuôn mặt thông minh và dễ chịu. Ông ta nói tiếng Trung tạm được và một chút tiếng Anh, tiếng Nga rất tệ.

Tổ Vân biết tại sao mình bị triệu tập. Bà là chủ sở hữu lớn các khách sạn và bất động sản trong Tô giới Nhật và là một đầu sỏ buôn bán ma túy lâu năm, và người Nhật tự tin sẽ có được sự hợp tác của bà. Khi bà quay trở lại Thiên Tân sau khi được thả năm trước, trường hợp của bà đã được chính quyền Nhật biết rõ. Việc bà gửi nửa triệu đô la cho Cục Nha phiến được người Nhật hiểu là một hình thức hối lộ, cái giá cho sự tự do của bà. Vì các cơ sở khác của bà ở Bắc Kinh cũng

bị đột kích, họ chỉ nghĩ đó là vận rủi của bà, và họ không có lý do gì để tin rằng Cục Cẩm Nha phiền có thiện cảm với bà, hoặc bà có thiện cảm với Cục. Bà vẫn tiếp tục cuộc sống cũ như thường lệ, rõ ràng là không có lựa chọn nào khác và sợ phải hành động theo niềm tin của mình. Nhưng bà ít quan tâm đến việc kinh doanh hơn và bằng lòng chỉ để mọi thứ tiếp diễn.

“Mời ngồi, Tiểu thư Tân,” viên sĩ quan Nhật nói, rất lịch sự. “Chúng tôi đánh giá cao sự hợp tác lâu dài của cô với chúng tôi. Tôi có việc này muốn cô làm. Trước khi tôi quên, tôi muốn bày tỏ sự cảm kích của chúng tôi về việc tất cả tiền của cô đều ở trong các ngân hàng Nhật Bản... Giờ thì chuyện làm ăn:

có nhiều khách sạn ở đây thuộc sở hữu của cô, và trong mỗi khách sạn, đều có các nữ vũ công. Cô sẽ chọn mười hai hoặc mười lăm cô xinh đẹp và thông minh nhất và báo cáo với tôi cùng với họ để nhận chỉ thị tiếp theo. Cục này cần họ phục vụ. Và chúng tôi không quên cô. Tôi sẽ đặt cô đứng đầu họ. Chọn người Hoa, Triều Tiên, hoặc Nga trắng. Chúng tôi sẽ trả hai trăm đô la Mỹ tháng mỗi người, và lên đến năm trăm cho những người khéo léo nhất... Và các chi phí đặc biệt sẽ được thanh toán. Rõ chưa?”

Tất cả những điều này không có gì ngạc nhiên đối với Tổ Vân, và nó cũng chẳng đáng mong đợi chút nào; nhưng trong hoàn cảnh đó, bà biết mình phải chấp nhận hoặc mất

tài sản hoặc thậm chí mất mạng.

“Tất nhiên,” bà đáp. “Tôi sẽ cố gắng hết sức.”

Viên sĩ quan đứng dậy và nhiệt tình bắt tay bà. Tổ Vân đáp lại, nhưng trong lòng bà cảm thấy buồn nôn.

Bà về nhà và lo lắng nghĩ về vấn đề đang đối mặt. Kiếm tiền từ thuốc phiện là chuyện khác. Bà đã lỡ sa chân vào và không thể thoát ra. Nhưng giờ đây chiến tranh sắp xảy ra, một cuộc chiến giữa người Nhật và đồng bào của bà.

Liệu bà có đồng ý hành động như gián điệp của Nhật chống lại chính đồng bào mình? Lòng căm ghét bản thân, toàn bộ sự nghiệp,

và toàn bộ môi trường đáng khốn của bà giờ đây biến thành lòng căm ghét người Nhật, những kẻ mà bà thấy mình bị kẹt trong tay họ. Một quyết định phải được đưa ra. Hoặc là bà phải đối mặt với việc tài sản bị tịch thu và toàn bộ gia sản bị xóa sổ, hoặc bà phải khuất phục và trở thành kẻ phản bội. Cái tên “Hán gian” giờ đây xuất hiện khắp nơi và có những câu chuyện hàng ngày về việc bắt giữ. Và kết cục của bà sẽ ra sao? Bà có thể được gì khi hành động cho kẻ thù ngay cả khi bà sống sót qua mọi rủi ro? Về tiền bạc, bà đã có đủ. Sẽ thế nào nếu bà bị bắt và bị xử bắn? Thần kinh của bà căng như dây đàn.

Rồi lời nói của lão Diêu quay trở lại trong tâm trí bà. “Khi chiến

tranh đến, hãy nhớ, con là người Trung Quốc.” Làm sao ông lão ấy biết được? Ông ấy thực sự là “người tiên” sao? Thậm chí còn khó quên hơn là câu hỏi của thằng bé con Đạm Hương: “Cô có phải là người Trung Quốc không? Tại sao cô lại làm việc với người Nhật?”

Bà quyết định rằng mình sẽ giả vờ tiếp tục cho đến khi có cơ hội cứu vớt một phần tài sản và trốn thoát mà không gây chú ý. Bà sắp xếp cho một số nữ vũ công, trong số họ chỉ có hai hoặc ba người Hoa. Một trong số họ thẳng thừng từ chối lời đề nghị của bà và nói, “Tôi muốn tiền, nhưng bán nước - tôi không làm.” Những người khác hầu hết là các cô gái Triều Tiên và Nga trắng. Ngày hôm sau bà đưa

các cô gái đến cục đặc vụ để tên chỉ huy xem xét, và bà được hân khen ngợi rất nhiều vì đã làm việc nhanh chóng. Khi các cô gái đã rời đi, hân yêu cầu bà ở lại.

“Tiểu thư Tân,” hân nói, “cô là một phụ nữ lớn tuổi và tôi hoàn toàn tin tưởng ở cô. Một cuộc chiến sắp đến - cô biết điều đó. Binh lính Nhật Bản sẽ vào Bắc Kinh trong nửa tháng nữa. Chúng tôi thực tế đã bao vây thành phố rồi. Chúng tôi phải có những người tốt nhất có thể. Nhiệm vụ của cô sẽ là báo cáo về lập trường chính trị của các sĩ quan Trung Quốc trong Quân đoàn 29. Chúng tôi đang cố gắng giành chiến thắng mà không đổ máu, hoặc với càng ít hy sinh càng tốt. Chúng tôi đã có liên lạc với Trương

Tự Trung và Phan Dự Cần. Nhưng với tư cách là một phụ nữ Trung Quốc, cô có thể lấy được thông tin nội bộ mà không thể có được bằng cách khác. Hãy chọn hai cô gái xinh nhất và dâng tặng họ cho Trương Tự Trung không phải như quà của chúng tôi, mà như quà của riêng cô, và hoạt động từ bên trong - cô hiểu chứ?”

Những cô gái khác tôi sẽ phân công công việc khác nhau trong khu vực người Hoa và các Tô giới Anh, Pháp.”

Tổ Vân chuẩn bị lên đường đến Bắc Kinh. Bà đến ngân hàng Nhật của mình và rút ra ba mươi ngàn đô la, không dám rút nhiều hơn vì sợ thu hút sự chú ý của chính

quyền Nhật Bản. Bà đến Bắc Kinh cùng với hai cô gái Triều Tiên và thuê phòng tại một khách sạn nước ngoài trong Khu Nhà Chung.

Giờ đây Thái Vân đã nghe tin người em cùng cha khác mẹ bị bắt và được thả qua nhà họ Diêu, và đã đến thăm bà ở Thiên Tân, khen ngợi bà vì quyết định cải tà quy chính và thúc giục bà từ bỏ công việc càng sớm càng tốt. Giờ đây trong sự tuyệt vọng, bà, Tố Vân, không tránh khỏi nghĩ đến Thái Vân như là người duy nhất có thể nói chuyện với bà, vì kỳ lạ thay, anh trai bà Hoài Ngọc đã đi theo con đường riêng của hắn hoàn toàn kể từ khi bà rời khỏi Tướng Ngô. Bà biết Thái Vân sẽ nói gì, nếu bà hỏi ý kiến, nhưng bà vẫn không thể

không đến nói chuyện với cô ấy. Vì Thái Vân và vợ con của Hoài Ngọc là những người thân duy nhất bà còn lại trên thế gian này.

Vì vậy, vào khoảng giữa tháng Bảy, bà đến nhà em gái. Vợ của Hoài Ngọc tiếp đón bà một cách lạnh nhạt, dù lịch sự. Các cháu trai của bà không biết nghĩ gì về bà.

Kéo Thái Vân sang một bên, bà nói, “Chị phải nói chuyện với em. Cha mẹ chúng ta đã mất, và, ở tuổi chúng ta, Hoài Ngọc không còn là anh trai của chị nữa. Em biết rằng chúng tôi đã cãi nhau kể từ khi công việc kinh doanh của hần và của chị chồng chéo lên nhau.”

“Hần cũng ở trong thành phố này,” Thái Vân nói, và cô kể lại với

nhiều tiếng cười về cảnh tượng họ đã có ở nhà.

“Chị cũng là Hán gian đấy,” Tố Vân nói với một nụ cười.

“Ai là Hán gian thì không tuyên bố, và ai tuyên bố thì không phải là Hán gian,” Thái Vân nói.

“Chuyện này nghiêm túc đấy. Chị muốn nói chuyện với em...”

“Chị, một ‘nô lệ bán nước’ nữa sao?” Thái Vân hét lên. «Chị định mua chuộc em à?»

Tố Vân nhanh chóng ra hiệu cho cô ấy im lặng. “Chị cần lời khuyên của em. Trên đời này chị không còn ai để xin lời khuyên nữa. Đây là tình thế chị đang gặp phải. Chị thà chết còn hơn!”

Bà phác thảo tình thế tiến thoái lưỡng nan của mình giữa việc mất hết tài sản và nguy cơ chết như một kẻ phản bội.

“Thì ra là thế!” Thái Vân nói, khi chị gái kết thúc. «Không có gì đơn giản hơn. Chị có phải là người Trung Quốc hay không? Đó là câu hỏi duy nhất. Chị ơi, chỉ có một con đường để đi thôi. Làm sao một người Trung Quốc có thể giúp kẻ thù bắt nô lệ chính đồng bào mình? Chị có thể được gì từ việc đó, ngay cả khi chị giàu hơn bây giờ? Rất có thể chị sẽ bị bắn chết. Bây giờ chị đã thành thật với em, em cũng có thể thành thật với chị. Có những hội chống Hán gian yêu nước khắp nơi, chuyên săn lùng và bắn chết những kẻ phản bội. Em là một

thành viên và, chị ơi, nếu chị thực sự đi với người Nhật, em có thể tự tay bắn chị đấy. Chị có muốn ai đó bắn một viên đạn vào đầu mình không?”

Thái Vân cười khi nói điều này, và thái độ của cô thân thiện, mặc dù lời nói của cô đầy đe dọa.

“Em nghĩ chị nên làm gì?” Tố Vân lại hỏi, rất lo lắng và sợ hãi.

“Làm gì ư? Hãy là một người yêu nước! Câu hỏi duy nhất là chị có căm ghét người Nhật hay không. Chị không thể thấy rằng mỗi người đàn ông, phụ nữ và trẻ em Trung Quốc đều chống lại Nhật, và rằng Trung Quốc chắc chắn sẽ thắng sao? Nhân danh tất cả các bà mẹ của lũ Nhật và Hán gian, chị không

thể thấy rằng em hạnh phúc còn chị thì không sao?”

Giờ đây đây là một lời thề khá tục tĩu và nó khiến Tố Vân thấy buồn cười, và có điều gì đó trong tinh thần sôi nổi của Thái Vân khiến bà kinh ngạc.

“Trung Quốc có thể thắng không?”

“Tất nhiên - không còn nghi ngờ gì nữa. Tất cả chúng ta có thể chết, nhưng chết cùng đồng bào mình thì tốt hơn.”

“Em có chắc mình sẽ hạnh phúc khi chết cùng đồng bào mình, nếu phải chết không?”

“Tất nhiên, em hạnh phúc. Chị không thể thấy sao?”

Tố Vân cảm thấy một cảm giác mới mẻ và kỳ lạ dâng lên trong lòng. Hạnh phúc đã là thứ gì đó khá xa vời với bà, và bà chưa bao giờ nghe ai nói mình hạnh phúc với sự xác tín như vậy.

“Hạnh phúc, hạnh phúc,” bà lẩm bẩm từ đó và dường như cố gắng xem liệu từ nhỏ bé ấy có thể lại nghe chân thực với bà hay không. Rồi bà nói, “Em gái, chị ước gì có thể ở bên em mãi mãi. Ở bên đó chị bị bao quanh bởi lũ ma quỷ. Chị ghét người Nhật biết bao - và cả những kẻ cộng tác người Hoa của chị nữa!”

“Chị ghét họ?”

“Chị ghê tởm họ.” Tổ Vân im lặng một lúc, rồi thêm, “Chị ghê tởm chính mình.”

“Vậy thì trốn thoát và sang phía Trung Quốc đi. Ở lại với chúng em ở đây.”

“Không phải em nói em ở trong hội chống Hán gian sao?”

“Ừ, nhưng đó chỉ là một nhóm bí mật thôi. Nếu chị sẽ giúp em, em sẽ đi cùng chị đến Thiên Tân và bắn vào đầu mấy tên gián điệp Nhật.”

Tổ Vân đột nhiên khiếp sợ, bật khóc và rên rỉ: “Chị sợ chết lắm!”

Thái Vân mắt lóe sáng. “Nghe đây!” cô nói. “Đây là một cơ hội lớn để phục vụ Trung Quốc. Em sẽ

cùng chị đến Thiên Tân với một số thành viên trong nhóm và chúng ta sẽ thu thập bí mật của Nhật. Em sẽ đóng vai một gián điệp. Chị sẽ là một anh hùng dân tộc vĩ đại. Tại sao lại sợ chết?”

Lòng dũng cảm vui vẻ của Thái Vân đã chạm đến và thậm chí ảnh hưởng đến chị gái, mở ra cho cô một thế giới mới mà cô chưa từng biết trong nửa cuộc đời vừa qua. Trong sự cô độc tinh thần, giờ đây cô bám lấy em gái, và khi ở cùng cô, một quyết định lớn đã được đưa ra.

Cô sẽ đi đến Thiên Tân với Thái Vân, Quốc Xương và Trần Tam. Thái Vân sẽ được giới thiệu với Đặc vụ Nhật Bản như là em ruột của Tổ

Vân. Tổ Vân sẽ ở lại trong Nhượng địa Nhật và liên lạc với Sở Đặc vụ, chuyển bất kỳ thông tin nào có thể thu thập được cho những người khác đang hoạt động trong khu vực thành phố của người Trung Quốc. Trong khi đó, cô sẽ rút tiền từ các ngân hàng Nhật theo từng đợt, mỗi lần hai hoặc ba nghìn đô la, để không gây nghi ngờ.

*

Tổ Vân đến văn phòng Nhật hai hoặc ba ngày một lần. Cô nhận được sự giúp đỡ của Lê Linh, bạn nhảy người Trung Quốc trước đây đã từ chối phục vụ Nhật Bản, và bắt cô thề giữ bí mật tuyệt đối. Thái Vân được giới thiệu với tên trưởng vào ngày đầu tiên. Tên trưởng nhìn

cô với vẻ nghi ngờ, nhưng Tố Vân cam đoan với hẳn rằng đó là em ruột của cô. Nhờ vậy, Thái Vân biết tất cả các tín hiệu bí mật và có giấy thông hành tự do qua các lính gác Nhật.

Kỳ lạ thay, nhiều gián điệp Nhật, bao gồm một số cô gái mà Tố Vân trước đây đã tuyển mộ, bị bắn hoặc biến mất một cách bí ẩn.

Một ngày nọ, khi Tố Vân vào văn phòng, tên trưởng Nhật hỏi cô: “Cô có biết gì về các nhóm phản gián của Trung Quốc không? Có quá nhiều sự cố xảy ra với các nhân viên của chúng tôi. Chắc chắn có chỗ nào đó bị rò rỉ. Tôi cảnh báo cô nên cẩn thận hơn. Nhân tiện, làm sao cô lại rút ba mươi ngàn đô

la từ ngân hàng vào ngày 10 tháng Bảy, năm ngàn vào ngày 16 tháng Bảy sau khi từ Bắc Kinh về, và hai ngàn vào ngày mười tám?”

“Ôi!” Tố Vân bình tĩnh trả lời, “đây là những ngày tháng hỗn loạn. Ai mà không rút một ít tiền mặt để đề phòng trường hợp khẩn cấp chứ? Ba mươi ngàn đô la là cho một lô hàng morphin chuyển từ Đại Liên. Tôi có thể cho ông xem hóa đơn.”

“Thôi được, tôi chỉ cảnh báo cô thôi.”

Tố Vân giả vờ nói đùa. “Thưa ông chủ,” cô nói, “vậy tiền công cho việc này của tôi thế nào? Tôi phải có ít nhất một ngàn một tháng. Và ông sẽ trả giá bao nhiêu nếu tôi thành

công trong việc khiến Trương Tác Trung phản bội?”

“Thôi nào, cô cần tiền để làm gì? Cô là một triệu phú mà.»

«Ông nghĩ tôi làm việc vì cái gì, nếu không phải vì tiền?»

«Được rồi, một ngàn một tháng cho cô. Và thưởng thêm cho công việc đặc biệt. Cô có nghĩ Trương có thể bị mua chuộc với nửa triệu không?»

«Tôi sẽ thử.»

Cuộc trò chuyện này tạm thời xoa dịu sự nghi ngờ của tên trưởng. Nhưng Tố Vân ngừng rút tiền từ các ngân hàng Nhật và chỉ bắt đầu thu tiền mặt từ các hóa đơn của mình nhiều nhất có thể, vì tất cả

séc đều phải qua ngân hàng Nhật. Và cô cảnh báo Thái Vân không được vào Nhượng địa Nhật nữa.

Giờ đây, tình hình ở Bắc Kinh và Thiên Tân đang trở nên nghiêm trọng. Vào ngày hai mươi tám, cuộc chiến ác liệt nổ ra, và máy bay Nhật oanh tạc quân Trung Quốc ở khắp các điểm giữa hai thành phố. Nhật Bản đưa thêm quân đến mặt trận Bắc Kinh.

Tổ Vân chuyển đi thông tin quan trọng rằng lực lượng đồn trú Nhật chỉ còn hơn hai ngàn người, phần lớn quân có sẵn đã được điều ra mặt trận. Tin nhắn được cô gái Trung Quốc tên Lệ Linh mang đến cho Trần Tam ở khu thành phố Trung Quốc.

Hành động theo thông tin này, Trần Tam cùng với Đội Bảo an Trung Quốc ở khu vực Trung Quốc, lập kế hoạch tấn công ngoạn mục vào chính Nhượng địa Nhật. Họ biết về một cuộc binh biến được lên kế hoạch sẽ xảy ra ở Đông Châu vào ngày hôm sau trong số quân đội Đông Hà Bắc, vốn được Nhật trang bị và huấn luyện. Hơn nữa, tin tức về cuộc phản công của Trung Quốc dọc theo toàn tuyến và thông tin về việc chiếm được Phong Đài và Lan Phương đã khiến họ quyết định thực hiện kế hoạch táo bạo nhằm đánh đuổi người Nhật hoàn toàn khỏi Thiên Tân.

Cuộc chiến bắt đầu trong thành phố Thiên Tân lúc hai giờ sáng ngày 29 tháng Bảy. Cả ngày hôm đó, khu

thành phố Trung Quốc bị pháo kích nặng nề và máy bay ném bom. Đại học Nam Khai ở bên ngoài bị oanh tạc nặng và gần như bị san bằng. Các đám cháy trong thành phố lan rộng không kiểm soát được.

Lúc mười một giờ, Tổ Vân nhận được tin rằng Lệ Linh, trong chuyến đi thứ ba đến khu thành phố Trung Quốc, đã bị một lính gác bắt giữ và đưa đến trụ sở Nhật. Tổ Vân khiếp sợ. Tên trưởng Nhật đã nhìn cô một cách kỳ lạ vào ngày hôm trước, dường như đã nhận được một số thông tin từ các nhân viên khác của hắn về sự dối trá của cô.

Cô quyết định trốn sang Nhượng địa Pháp liền kề, và cải trang ra

ngoài qua cửa sau nhà, chỉ mang theo một chiếc túi nhỏ. Cô gọi một chiếc xe kéo. Trước khi kịp lên xe, một cảnh sát tiến đến và hỏi cô: «Cô định đi đâu?»

Tổ Vân đưa cho hần tín hiệu bí mật, cho thấy cô đang làm việc cho Nhật.

«VẬY cô là Tiểu thư Tân,» viên cảnh sát nói. «Cô chính là người tôi đang tìm. Đi cùng tôi đến trụ sở chính.»

Tổ Vân bị còng tay và bị giải đi.

«CÓ phải anh không phải là người Trung Quốc sao?» Tổ Vân nói với người đàn ông.

«Phải; nhưng tôi không thể đảm bảo tính mạng cho cô.»

“Xin hãy tha cho tôi. Tất cả chúng ta đều là người Trung Quốc.”

“Vậy cô sợ chết vì Trung Quốc sao?” viên cảnh sát nói. Cảnh sát Trung Quốc trong Nhượng địa Nhật nổi tiếng vì vóc dáng cao lớn, thái độ kiêu ngạo với đồng bào của mình, và vì tham nhũng, thậm chí có khả năng tổng tiền vài đồng xu từ những người kéo xe đang chờ.

“Đây, cầm lấy túi và để tôi đi,” Tổ Vân nói với viên cảnh sát. “Có ba mươi ngàn đô la tiền mặt trong đó.”

Viên cảnh sát nhận lấy chiếc túi, đang do dự và thì thầm với Tổ Vân bằng giọng sợ hãi, nhìn quanh họ, thì một tên lính gác Nhật, chỉ cách mười thước, thấy họ đang

nói chuyện với nhau. Hần tiến đến chất vấn họ, rồi tiếp tục đi cùng họ. Cơ hội đã mất. Tổ Vân bắt đầu nói chuyện với người Trung Quốc lần nữa. Tên lính Nhật, không hiểu tiếng Trung, tát vào mặt cô để bắt cô im lặng. Nhìn thấy chiếc vali nhỏ trên tay viên cảnh sát, hần yêu cầu giao nó cùng chìa khóa, và ba người im lặng bước đi với Tổ Vân ở giữa.

Cô cảm thấy nhục nhã về thể xác vì cái tát. “Đây là phần thưởng của tôi vì phục vụ lũ Nhật này,” cô nghĩ. Cơn giận của cô dâng lên, và đột nhiên cô mất hết sợ hãi. Cô đã có một cảm giác kỳ lạ khi nghe viên cảnh sát nói, “Cô sợ chết vì Trung Quốc.” Cô có một cảm giác mơ hồ rằng mình đang làm một

việc lớn; rằng một bên cô là một người Trung Quốc và bên kia là một người Nhật; và rằng người Trung Quốc bên phải cô tượng trưng cho Trung Quốc, và cô sắp chết vì Trung Quốc. Cô biết rằng kết cục của mình đã đến.

Tại trụ sở, cô bị hỏi một vài câu và cô tỏ ra thách thức. Viên sĩ quan gọi điện đến Sở Đặc vụ.

“Bắn tôi đi!” cô ngắt lời. “Tôi sẵn sàng chết. Tôi căm ghét và khinh bỉ tất cả các người.”

“Cô sẽ bị bắn ngay thôi,” viên sĩ quan nói. “Đem cô ta đi.”

Tổ Vân bị bắn trong sân.

*

Thái Vân và Trần Tam và Quốc Xương thắc mắc khi họ ngừng nhận được tin nhắn từ Lệ Linh hoặc Tố Vân. Mãi vài ngày sau họ mới được biết rằng một tờ báo Nhật đã đăng tin về vụ xử bắn “Nữ hoàng Bột mì Trắng” với tư cách là gián điệp Trung Quốc. Độc giả Trung Quốc ở Thiên Tân vô cùng hoang mang. Nhưng không có thời gian để suy đoán.

Đội Bảo an Trung Quốc, phối hợp với một số đơn vị của Quân đội 29, đã đột phá qua phòng tuyến Nhật, và cuộc chiến diễn ra trên các đường phố của Nhượng địa Nhật. Trong khu thành phố Trung Quốc, đạn pháo nổ và bom rơi, các đường

phổ bị bắn máy bay từ trên không. Có vẻ như trong một thời gian, Nhật Bản đang thua ở Thiên Tân, bị bất ngờ bởi cuộc tấn công gần nhà, sau khi quân của họ đã được điều vào nội địa. Lực lượng Trung Quốc, chỉ có một ngàn người, đã chiếm được Đông Trám và Trung ương Trám, chặn mọi viện binh Nhật đến mặt trận Bắc Kinh. Sau đó, họ tiếp tục chiếm trại Nhật tại Hải Quang Tự. Cuối cùng, họ men theo bờ đông và sẵn sàng phá hủy sân bay Nhật; một số người Nhật thậm chí đã rút về Đường Cô. Tuy nhiên, vào đêm khuya, nhân viên đường sắt Trung Quốc mang đến cho họ tin rằng Quân đội 29 đã bắt đầu rút khỏi Bắc Kinh.

“Tốt hơn hết là các anh nên

từ bỏ,” một người đường sắt nói. “Đừng hy sinh không cần thiết. Quân 29 đã rút lui, và các anh không có viện binh tới.”

Choáng váng trước tin tức, một số người trong đội vẫn tiếp tục giữ vững, nhưng hầu hết họ tan rã để chiến đấu rút lui. Quân Nhật tiến vào lại các khu vực bị chiếm và tiếp quản khu thành phố Trung Quốc, cùng với các Nhượng địa Áo và Nga cũ.

Phẫn nộ vì sự sỉ nhục, quân Nhật đã trả thù khủng khiếp lên khu thành phố Trung Quốc. Đàn ông, đàn bà và trẻ em lấp đầy đường phố trong sự hỗn loạn hoàn toàn, chạy trốn khắp nơi, bị chặn bởi những đám cháy do dầu hỏa

đốt nhiều nhà, bị đâm, bị giày xéo, bị bắn máy bay từ trên không. Ở một số nơi có những cuộc chiến lẻ tẻ giữa kẻ thù và tàn quân của Đội Bảo an, nhiều người trong số họ chiến đấu cho đến khi hết đạn rồi lao về phía trước vật lộn với lính Nhật bằng tay không.

Trong cuộc hỗn chiến, Quốc Xương bị trúng một viên đạn lạc. Trần Tam cố gắng hỗ trợ anh ta, nhưng trong vòng năm mươi thước thì anh ta ngã xuống chết, và Trần Tam phải bỏ mặc anh ta. Lời cuối cùng của anh là nhờ cô Thái Vân an ủi mẹ anh và giết cha anh.

Thái Vân và Trần Tam giờ phải trốn thoát qua vùng nông thôn. Đường sắt là không thể, và họ phải

đi bộ trở về Bắc Kinh. Trên đường, họ gặp nhiều binh lính đang trên đường gia nhập lại lực lượng chính của quân đội đang di chuyển xuống Bảo Định. Mãi đến ngày 3 tháng Tám họ mới nghe tin về cuộc binh biến ở Đông Châu và vụ thảm sát ba trăm người Nhật tại thủ đô của Chính quyền Đông Hà Bắc đó.

Vấn đề của họ là làm thế nào để vào lại Bắc Kinh để đoàn tụ với gia đình. Bắc Kinh, họ biết, đã nằm trong tay một ủy ban thân Nhật, và tất cả những ai tìm cách vào đều bị khám xét ở các cổng.

Khi họ tiếp tục đi, mệt mỏi, đói khát và bụi bặm, Thái Vân nghe thấy Trần Tam chửi rủa Quân đội 29 và cả ba đời sĩ quan của nó, như

cô chưa từng nghe một người đàn ông nào chửi bậy trước đây.

“Nhưng tiếp theo là gì?” cô hỏi.
“Anh định làm gì?”

“Làm gì? Tiếp tục thôi!” Trần Tam nói. “Nếu không thể làm gì ở Bắc Kinh, có lẽ tôi sẽ gia nhập quân đội ở Nam Khẩu, hoặc du kích. Đó sẽ là chi nhánh tốt nhất của Quân đội Trung Quốc.”

“Em sẽ đi với anh,” Thái Vân nói. “Lạc Man giờ đang ở tây bắc rồi. Hoàn Nhi chắc chắn cũng sẽ đến. Nhưng em có ý định đi bán anh trai em như Quốc Xương đã nói. Đó nên là công việc đầu tiên của chúng ta. Hấn đang ở khách sạn Đức. Em chắc chắn hấn và những người bạn An Phúc của hấn

đang kéo nhau từ Mãn Châu về để lập một chính Phó bù nhìn.»

Khi họ đến gần trong tầm nhìn của thành phố, trời đã tối, và họ dừng lại ở một ngôi làng. Họ biết họ không thể vào với trang phục hiện tại. Họ xin vào một vài nhà, nhưng cửa đều đóng lại trước mặt họ.

“Giờ thì sao? Chúng ta phải qua đêm ngoài trời, và sáng mai bị bắt sao?” Trần Tam nói với một nụ cười.

Cuối cùng, một bà lão đã cho họ vào nhà, sau khi họ nói rằng họ là dân tị nạn từ Thiên Tân. Trần Tam và Thái Vân phải giả làm vợ chồng.

“Bà thật là người tốt bụng,”

Thái Vân nói với bà lão. «Bà cho phép chúng cháu nghỉ lại đây một đêm được không? Sáng sớm chúng cháu sẽ đi.»

Bà lão vào bếp và hâm nóng một ít súp đậu.

“Hai người không phải lính, phải không?” bà lão hỏi. “Ôi, cảnh tượng thật thảm thương! Sau khi binh lính làm loạn ở Đông Châu và giết sạch lũ lùn Đông Dương, họ bắt Ân Nhữ Canh và áp giải về Bắc Kinh để giao cho Tổng tướng quân. Ai mà ngờ được Quân đội thứ 29 lúc đó đã rút lui? Những binh sĩ của chúng ta thậm chí còn không được vào thành. Tên phản bội họ Ân đã bị giao nhầm cho toán tuần tra ở tường thành. Các người có tưởng tượng được không?»

“Giờ những binh lính Đông Châu ấy ở đâu rồi?” Trần Tam hỏi.

“Họ phải đi vòng và tôi nghe nói họ đã gia nhập quân đội khác ở bên kia sông Vĩnh Định,” bà lão nói. “Tôi đã già rồi. Chỉ còn hàm răng là tốt thôi. Nếu tôi trẻ hơn mười tuổi, tôi sẽ lên núi và lập một toán du kích của riêng mình.”

“Nếu tất cả người Trung Quốc đều như bà, Nhật Bản muôn đời cũng không chinh phục được Trung Quốc,” Thái Vân nói, khen ngợi bà.

Giờ đây khi biết mình đã an toàn, Trần Tam thú nhận rằng anh đã chiến đấu cùng những người lính ở Thiên Tân và lấy ra khẩu súng lục giấu kín.

“Vợ anh cũng chiến đấu bên cạnh anh à? Hãy nghĩ đến những cô *cô nương* hiện đại này xem!”

Thái Vân nhìn Trần Tam, hơi ngượng ngùng, và đáp, “Tôi làm việc với nhóm chống phản bội. Khẩu súng lục đó sẽ bắn vài tên phản bội ở Bắc Kinh trước khi chúng tôi lại ra đi. Bà có nghĩ chúng tôi có thể vào thành an toàn không?”

“Với khẩu súng lục đó thì không,” người phụ nữ nông dân đáp. “Các người sẽ bị bắt và bị xử bắn. Tất cả các cổng thành đều đóng ngoại trừ Tây Trục Môn, và các người sẽ phải đi vòng ra tận ngoại ô phía tây thành. Tôi nghĩ vợ anh sẽ không dễ dàng qua được với mái tóc và trang phục như thế này.”

Rồi họ nảy ra một ý. Trần Tam sẽ cải trang thành một nông dân gánh rau tươi vào thành vào sáng sớm, và Thái Vân sẽ đi cùng anh ta để bán rau.

“Này, bác gái,» Trần Tam nói. «Bác phải giúp chúng cháu. Tôi sẽ đưa bác hai đồng, và cả khẩu súng lục nữa. Và tôi nghĩ tôi không thể đi vào với đôi ủng này. Đổi lại, bác phải cho chúng cháu mượn một bộ quần áo nông dân và hai giỏ rau xanh.»

“Các người sẽ phải tự cắt rau lấy,” người phụ nữ nông dân nhanh nhẩu đáp. “Tôi sẽ lấy tiền và cho các người mượn ít quần áo. Nhưng đừng nghĩ tôi muốn đôi ủng hay khẩu súng lục của các người. Các

người nên thấy, bên ngoài cổng thành, súng trường, súng lục và quần áo quân đội nằm la liệt dọc tường thành, ai muốn lấy cứ lấy. Tên cảnh sát trưởng mới sai xe tải lớn đến thu gom, và hăn đem nộp cho người Nhật.”

Trần Tam ra ngoài cùng Thái Vân cắt rau xanh, trong khi bà lão đứng nhìn trong bóng tối.

Sau đó, bà lão dẫn họ vào một căn phòng tối, nơi có một cái sàng đất nhỏ sẽ là giường ngủ của họ.

“Cô phải ngủ ở đây,” Trần Tam nói khi bà lão đã đi khỏi. “Tôi sẽ ngủ ngoài này trên ghế dài.”

“Không được. Bà ấy sẽ nghi ngờ chúng ta,” Thái Vân nói. «Hãy cứ

mặc nguyên quần áo và đi ủng mà ngủ thôi.»

Thế là đêm đó Trần Tam và Thái Vân cùng nằm ngủ trên chiếc sàng nhỏ ấy.

Trước bình minh, hai người thức dậy. Trần Tam không nỡ rời bỏ khẩu súng lục của mình và quyết định giấu nó dưới đồng rau. Tuy nhiên, anh vứt bỏ đôi ủng quân đội, và vì không tìm thấy đôi giày nào, anh đành đi chân đất. Thái Vân buộc mái tóc ngắn của mình dưới một chiếc khăn vải bông đen cũ và ăn mặc như một phụ nữ nông dân. Họ chào tạm biệt bà lão khi bầu trời vừa bắt đầu hừng sáng và lên đường, Trần Tam gánh hai giỏ rau trên đôi quang.

Họ đã tới cổng Tây trước khi nó mở. Sợ thu hút sự chú ý, họ đợi ở đằng xa cho đến khi những nông dân khác gánh rau bắt đầu tới. Thấy một vài phụ nữ đang bán gà sống, Thái Vân mua hai con từ một người trong số họ, và xách ngược gà lên bằng chân, như thế để bán. Hòa lẫn vào bảy tám người dân làng này, Trần Tam gánh hai giỏ rau đi qua cổng, trong khi Thái Vân theo sau với hai con gà. Ở cổng, họ bị chặn lại bởi toán cảnh sát mới do tên ủy viên thân Nhật Phan cử đến đóng ở đó.

Trần Tam dừng lại và đặt hai giỏ rau xuống đất.

Viên cảnh sát bắt đầu lục soát các giỏ rau. Tim Trần Tam đập

thình thịch khi bàn tay viên cảnh sát sờ soạng vào đáy giỏ rau. May mắn thay, khẩu súng lục giấu kín nằm ở giỏ bên kia.

Thái Vân, đứng bên cạnh Trần Tam, tuyệt vọng, nghĩ rằng khoảnh khắc sau khẩu súng sẽ nằm trong tay viên cảnh sát. Cô buông một tay và con gà của cô rơi xuống đất, chạy mất với tiếng kêu cục tác vang trời.

“Ôi, gà của tôi chạy mất rồi!” cô hét lên, và chạy đuổi theo nó. Những người nông dân khác cố gắng giúp cô bắt con gà, và trong sự hỗn loạn, Thái Vân thả luôn con gà còn lại, khiến cho dân làng và cảnh sát cười ồn ào, náo nhiệt, như vẫn thường thấy ở dân chúng Bắc

Kinh. Một trong những viên cảnh sát thậm chí còn chạy loanh quanh giúp bắt gà.

“Ôi, Phật tổ ời!” Thái Vân kêu lên, giả giọng địa phương của dân làng. «Nếu mấy con gà này chạy mất, tôi sẽ phải nhịn cơm ba ngày mất. Cảm ơn ngài, cảm ơn ngài tốt bụng!»

Sự xao lãng đó khiến mọi người, kể cả đám cảnh sát, đều vui vẻ, và họ cho tất cả đi qua mà không lục soát thêm nữa. Trần Tam trở về nhà ở Vườn với Thái Vân, và họ vào nhà, rửa ráy, thay quần áo và kể cho mọi người nghe về cuộc phiêu lưu buổi sáng và bà lão nông thôn tốt bụng đêm hôm trước. Hoàn Nhi vui mừng khôn xiết khi thấy

chồng mình trở về nhà an toàn, vì họ đã nghe tin về cuộc thảm sát và hỗn loạn ở Thiên Tân và đã không có tin tức gì từ anh trong năm sáu ngày.

Lúc này, ở Bắc Kinh chỉ cho phép bán những tờ báo của Nhật và thân Nhật. A Phi và những người khác đã đọc trên những tờ báo này về cái chết của Tố Vân như một gián điệp Trung Quốc. Nhưng họ không thể hiểu được cho đến khi Trần Tam và Thái Vân kể cho họ nghe câu chuyện cuối cùng về sự cứu chuộc của cô.

Trần Tam cùng Thái Vân về nhà cô để báo tin buồn về cái chết của Quốc Xương cho Nhã Cần. Thái Vân trao cho bà lời nhắn cuối cùng của

con trai, nhưng giấu bà phần thứ hai về việc giết cha hân. Người mẹ đã đoán trước một tin xấu nào đó, biết rằng hàng vạn người đã chết trong những ngày sau khi Thiên Tân thất thủ, và bà đã can đảm đón nhận nó.

Sau khi đã bình tĩnh lại, Thái Vân kể cho bà và các cháu nghe về những cuộc phiêu lưu trên đường, và về cái chết của Tổ Vân.

“Tình hình trong thành thế nào rồi?” Thái Vân hỏi.

“Mọi người tốt hơn nên cẩn thận,” họ nói. “Bắc Kinh giờ đang trong tay bọn phản bội. Nhà cửa bị khám xét, cờ Quốc Dân Đảng, sách vở và chân dung Tôn Trung Sơn bị đốt.”

“Ai làm việc đó? Người Nhật à?”

“Không, người Nhật không cần phải làm,” Nhã Cẩm đáp. “Tên ủy viên cảnh sát phản bội, họ Phan, đã làm thay cho họ. Hắn tước vũ khí của cảnh sát cũ và gửi số vũ khí đó đến tổng hành dinh Nhật như một món quà, và tổ chức đám phu khuân vác vô lại với giá hai mươi xu một người để chào đón binh lính Nhật vào thành. Bắc Kinh đã bị phản bội.”

“Làm sao vậy?” Thái Vân hỏi.

“Cô biết đấy, có tin đại thắng vào ngày hai mươi tám,” Nhã Cẩm nói. «Cả Bắc Kinh đều phấn khích. Rồi sáng hôm sau, Quốc Đông và các em dậy sớm đọc tin tức buổi

sáng về thêm nhiều chiến thắng, nhưng không có báo nào đến. Bà vú đi chợ về nói đường phố vắng tanh và các chương ngại vật bằng bao cát biến mất. Tất cả binh lính đều biến mất - cả Trung Quốc lẫn Nhật Bản. Tổng tư lệnh quân đã rời đi Bảo Định trong đêm. Quốc Đông ra ngoài xem tình hình và đi ngang qua đồn cảnh sát chỉ thấy vài cảnh sát ngồi trong sân, cúi đầu và không mặc đồng phục. Suốt cả ngày hôm đó, Bắc Kinh như một thành phố ma. Cửa hàng đóng cửa. Những binh lính tản mác và bị thương chất đầy cả phố Hà Đàm. Xe điện vẫn chạy, chỉ có người soát vé keng keng chuông, và tất cả các toa xe đều trống rỗng. Mấy anh em đã nhiều ngày không ra khỏi nhà.»

“Lão già ấy có xuất hiện lại không?” Thái Vân hỏi.

“Lão già nào?”

“Ông anh tốt của tôi ấy.”

“Sao hẳn lại phải đến đây nữa?”

Thái Vân không nói thêm gì; cô không nói với Nhã Cẩm rằng cô và Trần Tam định giết Hoài Ngọc. Đó sẽ là hành động cuối cùng của Trần Tam trước khi rời Bắc Kinh. Phần lớn thành viên trong nhóm bí mật của anh đều háo hức muốn gia nhập những người cộng sản, lúc này đang bắt đầu hoạt động ở Sơn Tây. Thái Vân càng nôn nóng muốn đi cùng anh vì kể từ khi bị giam cầm, cô đã xa cách chồng mình, Lộ Mạn.

Trần Tam và Hoàn Nhi cùng Thái Vân chuẩn bị khởi hành ngay sau cuộc tấn công. Hoàn Nhi để lại cho A Phi một lá thư cho anh trai và mẹ cô rồi sang nhà Thái Vân. Thái Vân chào từ biệt mẹ, chỉ nói rằng nhóm sẽ đi về phía tây bắc để đánh Nhật, và mẹ cô biết rằng bà không thể ngăn cản cô. Phù Nha (Funia) không có đứa con nào khác ngoài Thái Vân, và bà cảm thấy rất khó để chia tay con gái. Các con của Nhã Cẩm gọi bà là bà nội từ khi chúng đến sống với bà, và quả thật chúng như những đứa cháu ruột của bà còn Nhã Cẩm như con dâu của bà vậy. Tình cờ là Tổ Vân đã để lại mười ngàn đô la tiền mặt cho Thái Vân khi cô trở về Thiên Tân, và giờ Thái Vân chuyển khoản tiền

này cho chị dâu mình để nuôi mẹ và gia đình.

Khách sạn Đức nơi Hoài Ngọc đang ở nằm ở góc đông bắc của nội thành, cách Khu Nhà Chung một quãng ngắn. Trần Tam đến đó với hai người đàn ông khác, tất cả đều mang súng ngắn giấu kín, vào khoảng hơn tám giờ, vì họ biết Hoài Ngọc hay ra ngoài để hội đàm với các thành viên An Phúc khác vào ban đêm. Xe của hắn đang đứng trước khách sạn, hướng về phía tây. Trần Tam và các đồng đội của anh núp trong một con hẻm chạy theo hướng bắc nam.

Một lúc sau, chiếc xe bắt đầu di chuyển về hướng họ. Trần Tam đứng ở lối vào con hẻm, tránh ánh

đèn pha. Chiếc xe vẫn còn ở số một và vừa bắt đầu đi nhanh hơn. Nấp ở góc, Trần Tam rút súng lục ra và nhắm bắn nhanh. Chiếc xe nghiêng sang trái và đâm vào một cột đèn. Người tài xế rõ ràng đã chết ngay tại vô lăng. Trần Tam nghe thấy tiếng hét của một người phụ nữ và, bởi ánh đèn pha phản chiếu trên tường, anh có thể thấy bóng dáng một người phụ nữ ở ghế sau. Anh và đồng đội bắn sáu bảy phát vào phía sau xe và thấy đầu người phụ nữ lặn ra. Sau đó, vì tiếng súng đã bị người qua đường nghe thấy, anh bảo đồng đội chạy trốn qua con hẻm tối và theo họ.

Họ chạy về nhà Thái Vân ở Tô Châu Hồ Đồng, chỉ cách đó một quãng ngắn, nơi Thái Vân, Hoàn

Nhi và những người khác đang chờ họ.

“Xong rồi!” Trần Tam nói rất bình tĩnh.

Mẹ Thái Vân nhìn ba người đàn ông bước vào, thở hỗn hển, và thắc mắc.

“Xong cái gì?” bà hỏi.

“Không có gì,” Trần Tam đáp. “Tất cả các kế hoạch của chúng tôi đã sẵn sàng để lên đường.”

Kéo vợ sang một bên, Trần Tam nói, “Anh tin đó là Ảnh Thanh, chứ không phải Hoài Ngọc. Không thấy có người đàn ông nào trong xe, ngoài tài xế.”

Hoàn Nhi thì thầm báo tin cho

Thái Vân, cô không sao tìm được một tiếng reo thầm mừng rỡ.

Nhóm người – bốn nam và ba nữ – quyết định bắt xe kéo ra cổng thành rồi hành quân băng qua vùng quê sang phía bên kia sông Động Đình, nơi vẫn còn nhiều quân đội Trung Quốc.

Vì họ đã chuẩn bị sẵn sàng để lên đường ngay lập tức, và sẽ không an toàn ở Bắc Kinh sau vụ tấn công Ảnh Thanh, nên họ quyết định mặc kệ Hoài Ngọc. Hoài Ngọc sống sót và trở thành, trong một thời gian, một thành viên quan trọng trong chính Phó bù nhìn ở Bắc Kinh dưới thời Vương Khắc Mẫn, người thuộc phe An Phúc.

Chúng ta phải tạm rời Trần Tam, Hoàn Nhi và Thái Vân tại đây. Làm thế nào họ trốn thoát, bị lạc mất nhau rồi lại gặp lại, làm thế nào họ thành công trong việc đến được miền bắc Sơn Tây và sau đó, được A Tuyên gia nhập, và tòng quân với các đội du kích chiến đấu ở đó, ngăn chặn bước tiến của quân Nhật về phía tây bắc, trong nhiều tháng nhiều năm sau khi chiến tranh bùng nổ, sẽ phải để cho trí tưởng tượng của độc giả. Họ thuộc về nhóm những thanh niên Trung Hoa dũng cảm, yêu nước, mà tinh thần của họ nảy nở mạnh mẽ nhất trong những hoàn cảnh vật chất khắc nghiệt nhất và sự vui vẻ cùng lòng dũng cảm của họ là bất khuất.

CHƯƠNG 44

第四十四章 日寇屠杀曼娘自缢
京华沦陷经亚南逃

Chương 44:

Quân xâm lược Nhật Bản tàn sát,
Mận Nhi tự tử; Bắc Kinh thất thủ,
cuộc chạy trốn qua Thượng Hải.

Không một tin tức nào về vụ
ám sát Ảnh Thanh được
phép đăng trên các tờ báo ở Bắc
Kinh. Hầu hết các tờ báo Trung

Quốc đều bị đóng cửa, và một tờ báo bù nhìn, tên là *Tái Sinh*, vốn đã bị đình bản vào tháng Sáu, giờ được hồi sinh. Một vài bản của tờ báo Công giáo xuất bản ở Nhượng địa Ý tại Thiên Tân được lén đưa vào và bán với giá rất cao, nhưng những người bán báo có nguy cơ bị bắt vì tội bán nó. Tờ báo bù nhìn chỉ in tin tức do Đồng Minh xã, hãng thông tấn Nhật Bản, cung cấp, và các bức điện từ Tokyo, cùng các bài xã luận về “Trật tự Mới ở Á Châu”. Bắc Kinh bị cô lập với phần còn lại của Trung Quốc, và chỉ những người khá giả hơn mới có máy radio, mà họ lo lắng dò đài nghe các bản tin phát thanh từ Nam Kinh.

Cảnh sát không tìm thấy manh

mối nào về những kẻ sát nhân. Nhưng Hoài Ngọc, vừa sợ hãi vừa tức giận, để mắt đến Vườn Diêu.

Ngày hôm sau, một nhóm cảnh sát đến Vườn Diêu và thẩm tra cẩn thận về những người cư trú, ghi lại tất cả tên tuổi của họ. Đó là các gia đình của ông Phùng, A Phi, Kinh Á, và Bảo Nhã. Ông bà Phùng và cha mẹ của Hương Quý đều là người già. May mắn là không còn tên của Lập Phu, Hoàn Nhi, và Trần Tam. Sau khi được xác nhận đây là tất cả những người cư trú trong Vườn, cảnh sát lịch sự rời đi sau khi kiểm tra nhà cửa và không gây rối.

A Phi đã nghe tin về vụ ám sát, và nửa tin nửa ngờ rằng Trần Tam và Hoàn Nhi có liên quan đến việc

đó, nhưng may mắn là họ đã đi rồi. Anh cũng nghi ngờ rằng việc cảnh sát đến có liên quan đến vụ ám sát, và có lẽ họ được Hoài Ngọc phái đến. Anh sau đó được biết cảnh sát đã đến nhà Thái Vân, nhưng người mẹ đã bảo họ rằng con gái bà đang đi xa ở Thiên Tân và chưa về.

Trong hoàn cảnh đó, A Phi nhận định rằng cả bản thân anh lẫn Vườn Diêu đều đang gặp nguy hiểm: thứ nhất, vì sự trở lại của Hoài Ngọc, và thứ hai, vì anh đã tạo ra nhiều kẻ thù với tư cách là cục trưởng Cục Cấm Thuốc Phiện và có thể bị coi là một quan chức chính Phó Trung Quốc. Anh mời Cô Donahue, người bạn Mỹ của Hương Quý, đến ở trong Vườn và làm một văn bản chuyển nhượng Vườn Diêu cho cô,

rồi bảo cô treo cờ Mỹ ở lối vào. Anh biết cô quá trung thực để lợi dụng điều này, và văn bản chỉ là hình thức để thỏa mãn cảnh sát trong trường hợp có rắc rối. Dù sao đi nữa, sự hiện diện của một người ngoại quốc da trắng cũng có tác dụng kiềm chế bọn cướp bóc Nhật Bản, cả lính lẫn lãnh nhân, mà số lượng có rất nhiều.

Nhưng khi cảnh sát đến để báo cáo thì trên danh sách của họ cũng thiếu tên của Mận Nhi và gia đình A Tuyên; vì ngay sau Sự kiện Cầu Marco Polo, Mận Nhi, sợ quân Nhật cướp phá thành phố, đã quyết định dời ra vùng quê. Bà nghĩ đến biệt thự của gia đình Diêu gần núi Ngọc Tuyền, nhưng vợ của A Tuyên nhất quyết cho rằng nhà họ hàng của cô

ở phía bắc Bắc Kinh an toàn hơn, vì nó xa hơn. Bà lão Tôn, mẹ của Mận Nhi, đã qua đời vào mùa đông năm trước, và thế là A Tuyên lên đường cùng gia đình, mẹ anh là Mận Nhi, vợ anh và đưa con năm tuổi của họ, về làng quê của vợ anh.

Ngôi làng cách một nhà ga trên đường sắt khoảng ba dặm, và họ đã đi tàu hỏa và đến nơi mà không gặp khó khăn gì mấy ba ngày trước khi Bắc Kinh thất thủ. Vợ của A Tuyên xuất thân từ một gia đình họ Chu, và ngôi làng được gọi là Chuchiachuang, hay “Ấp họ Chu”. Nó chỉ là một thị trấn chợ, nằm ở một vùng đồi núi, và cả làng đều thuộc cùng một dòng họ. Sự xuất hiện của gia đình Mận Nhi là một sự kiện trong làng. Những bộ trang

phục giản dị mà các bà các cô mặc khi đi đường là sự xa xỉ không tương đối với dân làng, và phụ nữ trong làng tụ tập để xem các quý bà thành thị từ «Vườn Thân Vương» ở kinh đô cũ.

Ngôi nhà họ ở thuộc về một người chị/em gái của bố vợ A Tuyên. Những ngôi nhà trong làng xây bằng bùn, là thứ đơn giản nhất có thể, nhưng ngôi nhà này có điểm đặc biệt là có một sân nhỏ khép kín phía trước và một sân đập lúa lớn có tường bao phía sau, phần dưới của bức tường được xây bằng đá tảng từ trên đồi.

Người cô trong làng nhường phòng của bà cho cháu gái và dọn ra sống ở một phòng phía sau, vô

cùng áy náy vì sự đơn sơ của nơi ở. Vì không có phòng dư cho Mận Nhi, A Tuyên nói anh sẽ ngủ ngoài phòng khách, để mẹ anh ngủ chung giường với vợ và con anh.

Việc chuyển từ những ngày náo loạn ở Bắc Kinh về vùng quê thật dễ chịu. Ngôi làng nằm yên bình bên sườn đồi, và trong những buổi tối mát mẻ, A Tuyên cùng người vợ hiện đại và đưa con nhỏ của anh đi dạo đến một con suối lân cận. Tất cả dường như yên tĩnh trong bảy tám ngày. Sau đó, dân làng, đi gần đường sắt, thấy những chuyến tàu chở đầy lính Nhật Bản đi về phía bắc hướng đến Đèo Nam Khẩu trên Vạn Lý Trường Thành. Vẫn không có rắc rối gì trong làng.

Năm ngày nữa trôi qua, và quân đội Nhật Bản bắt đầu hành quân bằng qua vùng quê, chủ yếu dọc theo đường sắt. Họ bắt đầu thấy những người nông dân và gia đình họ chạy trốn cùng với lợn, gà và các con vật khác từ những làng gần đường sắt hơn, và một số từ vùng ngoại ô Bắc Kinh. Đây chỉ là những dấu hiệu đầu tiên của việc đời sống bị bật gốc hoàn toàn khỏi vùng nông thôn Hoa Bắc, để lại ở những khu vực bị tàn phá nhất không một người hay một con vật và đôi khi thậm chí không một cái cây. Những người phụ nữ tị nạn thì thầm với phụ nữ trong làng những câu chuyện nhục nhã. Một người đàn ông bị đập vào đầu vì để vợ mình thoát khỏi tay những tên lính Nhật. Đàn ông thì kể về

việc quân lính đóng trại trong nhà họ, giết hết gà và lợn, đập vỡ cửa và cửa sổ, và lấy tất cả đồ đạc làm củi đốt. Nhiên liệu rất khan hiếm ở Hoa Bắc, và tác động đầu tiên của việc quân đội đi qua là sự phá hủy mọi thứ làm bằng gỗ.

Giờ đây, thật kỳ lạ, làng Chuchiachuang được tha. Nằm cách đường sắt qua một con suối và đột ngột vươn lên sườn đồi, nó nằm ngoài lộ trình hành quân của quân đội Nhật Bản. Có tin tức về một trận chiến lớn quanh Đèo Nam Khẩu, nhưng nó quá xa đến nỗi họ không thể nghe thấy tiếng súng, và chỉ thấy hàng ngàn binh lính Nhật Bản ở đằng xa hành quân bằng qua vùng quê dọc theo đường sắt, có xe tăng đi kèm. Ban đêm, đôi khi

họ có thể thấy những đồng lửa lớn ở đằng xa, và họ biết rằng đó là đồ đạc, khung dệt và cột cửa của nông dân. Thế mà Chuchiachuang, nằm trong tầm mắt của kẻ thù, vẫn ngủ yên.

Giờ đây, những dòng người tị nạn mới bắt đầu đến từ hướng ngược lại, từ phía bắc. Họ mang đến những câu chuyện về việc cả làng bị đốt cháy và hàng trăm phụ nữ chạy trốn vào các hầm mỏ, trốn ở đó nhiều ngày không có thức ăn. Và rồi những toán cướp lang thang bắt đầu xuất hiện khắp vùng quê.

Một ngày nọ, vào lúc không thấy bóng lính đâu, A Tuyên liêu lĩnh băng qua con suối đến một ngôi làng bỏ hoang đã nằm trên

đường quân Nhật đi qua và đi dọc theo những con phố của ngôi làng chết chóc đó, nơi mang đậm mọi dấu vết của sự tàn phá. Trên một bức tường, anh thấy một bản tuyên cáo in của Quân đội Nhật Bản viết bằng tiếng Trung khá tốt, với nội dung như sau:

Tuyên cáo số 1 của Đại Quân Nhật Bản

Người ký tên dưới đây, Tư lệnh H—— của Đại Quân Nhật Bản, ra lệnh tuyên bố điều sau đây cho nhân dân Trung Quốc: Quân đội chúng tôi, khi thực hiện sứ mệnh của Đế quốc Đại Nhật Bản, chỉ mong muốn thiết lập hòa bình ở Viễn Đông và gia tăng hạnh phúc và phúc lợi cho nhân dân Trung

Quốc, để nguyện vọng về sự thịnh vượng chung và sự phụ thuộc lẫn nhau chặt chẽ giữa Trung Quốc và Nhật Bản của chúng ta có thể được thực hiện. Ngoài điều này ra, không có mục tiêu nào khác. Lần này, bị kích động bởi những khiêu khích và thái độ vô lý của Quân đội Trung Quốc đối với Quân đội chúng tôi, tôi, người chỉ huy, đã nhẫn nhịn chịu đựng những khiêu khích này hết lần này đến lần khác, với hy vọng không làm trầm trọng thêm tình hình và để giải quyết trong tương lai. Nhưng Quân đội Trung Quốc đã không nhận ra sai lầm của mình hoặc ngừng các hành vi khiêu khích. Hành vi như vậy của Quân đội Trung Quốc không chỉ là sự xúc phạm đến danh dự của Đế quốc Đại Nhật Bản, mà còn đe dọa hòa bình

ở Viễn Đông, đẩy nhân dân vào thảm họa muôn đời không thể cứu vãn. Vì lý do này, quân đội chúng tôi, hành động phù hợp với ý trời ở trên và nguyện vọng của nhân dân dưới, đã quyết định trừng phạt, thay mặt cho Thiên đình, những kẻ côn đồ vô nhân, bất công, ngu ngốc và ngoan cố như vậy. Nhưng tất cả những người không thù địch với chúng tôi sẽ được coi như thân nhân và bạn bè của chúng tôi. Chúng tôi hứa sẽ không quấy nhiễu những công dân lương thiện vâng lời, mà ngược lại, sẽ đảm bảo phúc lợi lâu dài cho họ. Hy vọng rằng cư dân sẽ giữ bình tĩnh, phân biệt giữa người chính nghĩa và kẻ bất nghĩa, và hiểu được sự chân thành của quân đội chúng tôi. Các người được lệnh tiếp tục công việc

kinh doanh thường lệ của mình mà không xáo trộn và chờ đợi sự đến của thiên đường. Những kẻ lợi dụng tình trạng bất ổn để tạo ra xáo trộn hoặc giúp đỡ quân phiến loạn sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc không tha.

Tư lệnh Đại Đế quốc Quân Nhật Bản

Tháng 7, năm thứ 12 của Hirohito.

A Tuyên đọc điều này trên bức tường bên cạnh một cửa hàng, với các kệ trống rỗng, sàn nhà lộn xộn những mảnh kính vỡ và bàn ghế bị lật nhào, và một cánh cửa bị bẻ gãy một nửa nằm chắn ngang ngưỡng cửa.

Độc bản tuyên cáo giúp A Tuyên hiểu rõ hơn về một câu chuyện mà anh ấy nghe được vài ngày sau đó từ một số người tị nạn từ phía bắc. Hai anh em còn sống sót từ một ngôi làng đã kể câu chuyện này:

Một người trong làng của họ đã chấm một chấm lên chữ “Đại” trong một bản cáo thị của quân đội. Chữ “đại” có hình dạng như một chữ “Y” viết hoa lộn ngược với một nét ngang ngang qua “eo” của nó. Nếu một dấu chấm được thêm vào “vai” phải của nó, ở góc trên bên phải, nó sẽ trở thành chữ “khuyến”. Tiêu đề của bản cáo thị do đó đọc thành “quân đội Nhật Bản khuyến”, và một vài chữ “đại” trong chính văn bản cũng được hưởng lợi từ sự biến đổi như vậy.

Một toán lính Nhật bốn mươi hoặc năm mươi người đi qua, và ai đó đã gây sự chú ý của người chỉ huy về những gì đã được làm. Người chỉ huy cho gọi trưởng làng đến, ông ta quỳ xuống đất và cầu xin rằng mình không biết về chuyện đó, rằng ông ta sẽ chịu trách nhiệm từ đó về sau, và rằng ông ta sẽ quỳ trước bản cáo thị một ngày như một sự chuộc tội. Người chỉ huy khẳng khẳng đòi ông ta phải giao ra thủ phạm, nhưng trưởng làng vẫn cầu xin rằng mình không biết.

“Đứng dậy!” người chỉ huy hét lên, “và đi tìm ra. Ta cho người mười phút.»

Nhưng trước khi mười phút trôi qua, những người lính Nhật

đã chạy khắp các đường phố với những thùng dầu hỏa, phóng hỏa đốt nhà. Dân làng cố gắng trốn thoát, chỉ để phát hiện ra một vòng vây lính đã được bố trí quanh làng, bắn bất cứ ai cố gắng trốn thoát. Cả ngôi làng bị thiêu rụi và những người dân trong đó cũng vậy. Hai anh em trốn dưới một đồng đồ nát suốt một ngày một đêm, trước khi dám mạo hiểm chui ra và trốn thoát để kể lại câu chuyện.

Giờ đây họ cũng bắt đầu thấy những nhóm lính bị thương nhẹ trở về từ Nam Khẩu. Người ta nói rằng hai mươi lăm nghìn quân Nhật đã được tập trung để tấn công ải, và trận chiến là đẫm máu nhất. Rõ ràng, đường sắt không thể đảm đương hết việc vận chuyển, vì đã

phải lo chuyên chở đủ đạn dược, pháo hạng nặng và tiếp tế rồi.

Tình hình trở nên đe dọa hơn. Những toán lính Nhật lẻ tẻ, một mỗi và kiệt sức bắt đầu quay trở lại bằng mọi con đường trong vùng lân cận. Một số đi thẳng qua làng, và những người phụ nữ bắt đầu sợ hãi. Chiến tranh ở đâu cũng là chiến tranh, nhưng thái độ của người Nhật đối với phụ nữ, hay toàn bộ vấn đề về đời sống tình dục của người Nhật, vẫn là một chương dành riêng cho các chuyên gia nghiên cứu.

A Tuyên lo lắng. Anh khẳng khẳng phải chạy trốn xa hơn khỏi các tuyến đường của lính Nhật. Nghe nói có một ngôi làng nằm ở

vị trí thuận lợi ẩn mình trong một thung lũng hẻo lánh, cách đó vài dặm, một hôm anh rời đi để xem nó và sắp xếp chỗ ngủ. Anh tìm thấy một gia đình sẵn lòng cho họ trú nhờ sau khi anh trả một mức giá hậu hĩnh.

Trở về vào lúc chập tối, anh gặp một dòng người tị nạn từ chính ngôi làng của mình, họ kêu khóc rằng lính Nhật đã đến đó. Những người cha cõng ông lão trên lưng, những người chồng cõng người phụ nữ bị thương, kể một câu chuyện đau thương không lời.

«Gia đình tôi đâu rồi?» A Tuyên hỏi dồn.

«Ai mà biết? Mỗi người chạy thoát thân,» tất cả họ đều trả lời.

A Tuyên chạy thẳng về nhà mình. Lính Nhật đã đi rồi. Chỉ có vài con chó có thể nhìn thấy, lang thang trên những con đường vắng tanh.

Anh bước vào nhà mình. Ở phòng ngoài, một cái bàn bị lật nhào. Anh đi vào phòng ngủ. Vợ anh nằm trần truồng trên giường phản, bị đâm vào bụng, mạng sống đã tắt. Một cơn rùng mình ghê rợn chạy dọc sống lưng anh. Anh thấy đứa con mình nằm sấp trên sàn nhà. Anh vội vàng bế nó lên. Nó chỉ là một khối thịt lạnh ngắt, mềm oặt. Hai nhát chém chéo, cho thấy sự khéo léo cực kỳ, đã được cắt ngang qua da thịt giữa cổ và vai của nó. A Tuyên ôm đứa bé trong tay, và rồi, nhìn lên thân thể trần truồng

đầy máu của vợ mình, quên mất bản thân và làm rơi thây đứa bé. Nó rơi oạt xuống sàn nhà. Anh có một cảm giác kỳ lạ rằng mình đang ở trong địa ngục để chịu sự trừng phạt vĩnh viễn. Đó không phải là cảm giác rằng bản thân mình đã trốn thoát, mà rằng anh đang nằm trong tay một con quỷ lớn và rằng anh hoàn toàn bất lực. Anh không khóc. Toàn bộ hệ thống tuần hoàn trong cơ thể anh dường như bị đảo ngược. Nước bọt chảy ra ngoài, và do đó tất cả nước mắt và mồ hôi chảy vào trong, khiến đôi mắt anh khô ráo một cách kỳ lạ và làn da anh nổi da gà như thể đang ngâm mình trong một chất lỏng lạnh từ bên ngoài.

Một tiếng rên từ phòng sau đánh thức anh khỏi cơn mê sảng.

Anh lao vào phòng sau, và thấy thân thể mẹ mình, Mạn Nhi, lủng lẳng trên một sợi dây thừng gần cửa sổ, nửa người bị lột áo. Anh nhắm nghiền mắt lại vì kinh hãi.

Một tiếng rên mới dựng đứng tóc gáy anh.

«Đem xác bà ấy xuống và đắp cho bà ấy tử tế,» giọng nói như thế trong một sự mệt mỏi lớn.

Anh mở mắt và nhìn về phía chiếc giường. Từ góc tối và có rèm che kia vang lên tiếng động của ai đó cựa quậy.

A Tuyên tiến đến gần giường. Bà cô già của vợ anh đang yếu ớt bám vào chiếu.

«Bà có bị thương không?» A Tuyên hỏi.

«Đem bà ấy xuống,» giọng nói lại lên tiếng, yếu ớt. Anh lại nhìn vào tình cảnh khủng khiếp của Mận Nhi. Thân thể bà, chưa bao giờ được đàn ông nhìn thấy, giờ đây lại lủng lảng ở đó phô bày một nửa.

Ngoảnh mắt đi, A Tuyên can đảm tiến lên, và, trước hết chỉnh lại quần áo cho bà, đưa mẹ mình xuống. Giờ đây, cái chạm vào thân thể vẫn còn ấm của bà khiến anh có thể khóc; dường như anh một lần nữa được tiếp xúc với thế giới loài

người. Anh nhìn vào khuôn mặt mẹ mình, vẫn bình thản và xinh đẹp trong cái chết, và chạm vào đôi cánh tay mềm oặt, lưng lẳng của bà, đôi tay đã âu yếm, ôm ấp và nuôi nấng anh từ thuở ấu thơ; và một trận lũ nước mắt bùng ra từ tận những góc sâu thẳm nhất của tâm hồn anh, cuộn cuộn, không thể kiềm chế.

Anh không biết mình đã ngồi than khóc bên thầy Mạn Nhi bao lâu. Khi nước mắt dường như đã cạn, anh lại nghĩ đến bà cô già, và đứng dậy tiến lại gần giường một lần nữa.

«Thắp đèn lên,» giọng nói kêu lên.

A Tuyên cuống cuống tìm diêm. Anh lại đi vào căn phòng nơi thầy vợ và con anh nằm, và đột nhiên trở nên sợ hãi và lại chạy ra sân, hít một hơi thật dài. Rồi anh nhớ ra mình đang tìm diêm và đi vào bếp lấy một hộp và quay lại căn phòng tối. Bước vào căn phòng đó, nước mắt anh lại trào ra – vẫn có một ma lực nào đó từ thầy chết của Mạn Nhi.

Anh quẹt một que diêm để thắp ngọn đèn dầu nhỏ. Khi anh thắp nó lên, thế giới dường như biến đổi. Que diêm, ngọn đèn, bàn tay của chính anh, tất cả đều mất đi ý nghĩa. Đèn là gì? Ngọn lửa là gì? Bàn tay con người là gì? Những đốt ngón tay cong queo kia của anh là gì? Ra khỏi cơn mê nửa tỉnh

nửa mê, ý thức dần dần quay trở lại. Vâng, anh đang ở đó. Vợ anh chết rồi, con anh, mẹ anh. Anh một mình trong căn phòng đó với một bà cô già, cách Bắc Kinh nhiều dặm. Nhận thức khủng khiếp thấm vào não anh rằng anh đơn độc trên thế gian này.

Anh cảm thấy một sự thôi thúc đột ngột muốn đốt cả căn nhà và chết cùng gia đình mình ở đó. Nhưng giọng nói từ giường lại cất lên.

«Cho tôi uống chút nước.»

Điều này đưa anh trở lại với thế giới. Anh đi vào bếp và quay lại với một bát nước, và lại gần bà cô già và dịch ngọn đèn lại gần giường hơn. Anh thấy đầu bà bị bầm tím.

Anh hơi đỡ bà dậy và đưa bát nước cho bà uống.

«Năm xuống đi; cháu sẽ rửa vết thương cho bà,» anh nói.

Anh đi lấy một chậu nước, và lấy một chiếc khăn tay và nhúng nó vào nước và rửa sạch những cục máu đông trên thái dương bà. Bà lão rên lên, nhưng anh thấy đó chỉ là vết thương bề ngoài.

«Kể cho cháu chuyện gì đã xảy ra đi,» anh nói.

«Thật là ô nhục cho tôi, một người đàn bà trên năm mươi tuổi,» bà rên rỉ. «Tại sao họ không giết tôi đi?»

«Đừng nói vô lý, đây không phải là ô nhục,» anh đáp.

“Xin đừng kể cho ai trong làng biết.”

“Làm gì còn ai trong làng để mà kể.”

“Họ đâu rồi?”

“Họ đã chạy trốn hết rồi. Làng bỏ hoang rồi. Kể cho cháu chuyện gì đã xảy ra đi.”

Rồi bà gom sức lại và kể cho anh nghe.

“Lũ lùn đến. Ai biết là khi nào và như thế nào? Họ ập vào nhà. Vợ cháu đang chơi với đứa bé ở sân trước. Một tên lính Nhật hung dữ, khủng khiếp đi vào. Vợ cháu chạy vào, ôm theo đứa bé, và tên lính Nhật đuổi theo sau. Cô ấy chốt cửa lại, nhưng tên lính phá cửa. Mạn

Nhi và tôi chạy vào phòng sau này. Chúng tôi nghe thấy tiếng la hét. Rồi chúng tôi nghe thấy tiếng kim loại loảng xoảng và tiếng la hét của đứa bé đột nhiên dứt. Rồi sau một lúc là tiếng thét từ vợ cháu. Tôi bò xuống gầm giường, nhưng mẹ cháu thì tự treo cổ. Tên Nhật đi vào và tôi bị lôi ra từ dưới gầm giường. Hắn tức giận và đánh tôi và đặt tôi lên giường. Sau đó tôi ngất đi. Khi tôi tỉnh lại, không một tiếng động trong nhà. Tôi thấy thấy mẹ cháu ở đó. Cháu thấy đấy, ngay cả khi một người đàn bà đã chết, hắn vẫn phải làm trò tiêu khiển với bà ấy. Vợ cháu và đứa bé chết rồi phải không?”

A Tuyên im lặng gật đầu. Anh không dám bước vào căn phòng

nơi vợ anh nằm. Anh ngồi nhìn thấy mẹ mình nằm trên sàn nhà. Lạ thay, mỗi lần nhìn bà, anh lại nhận được sức mạnh mới. Bà thậm chí trông còn không đáng thương, mà chỉ là đã chết và với anh vẫn xinh đẹp như xưa. Cuối cùng anh tập hợp tất cả can đảm và đi vào phòng trước, đặt đứa con bên cạnh mẹ nó và bó thây họ lại.

“Cháu có muốn ăn gì không?” bà cô nói.

“Không, cháu không thể ăn được,” anh nói.

“Ra tử, lấy củ nhân sâm trong ngăn kéo bên phải ra và nấu cho bà một nồi hầm. Bà cần chút sức lực.”

Anh làm theo lời bà dặn. Những

hành động cắt, nấu và chuẩn bị nồi hầm nhân sâm làm anh bình tĩnh và vững vàng lại nhưng không khỏi có một chút kỳ lạ về tình cảnh của mình; rằng khi gia đình anh nằm chết, anh lại đang bình thản nấu nồi hầm nhân sâm. Mọi thứ dường như kỳ lạ; mỗi chi tiết bình thường nhỏ nhặt dường như không nên như thế. Anh nhìn ngọn lửa bùng lên và chìm đắm trong suy tư. Chậm rãi, lặng lẽ, một quyết định đang hình thành trong lòng anh.

Quay trở lại, anh lại nhìn thấy mẹ mình. “Con sẽ trả thù cho mẹ,” anh nói to gần như với bà. “Con sẽ giết và giết và giết.”

Giờ đây anh đánh mất tất cả nỗi sợ cái chết và anh đánh mất

tất cả sự quan tâm đến bản thân. Anh cảm thấy một sự nhẹ nhõm đột ngột trái ngược với sự áp chế anh cảm thấy chỉ sáng nay. Anh sẵn sàng đối mặt với một tên Nhật và chết bất cứ lúc nào. Anh tự do rồi.

Anh đi ra ngoài quan sát các ngôi nhà lân cận. Không một sinh linh nào trong tầm mắt. Chỗ này chỗ kia anh thấy xác chết, nhưng anh không sợ. Anh đi xa hơn và nghe thấy tiếng động của những bước chân chạy rồi rít. Vẫn còn ai đó sống sót ở đó. Anh cảm thấy mình như một con người còn sống khỏe mạnh, bước đi trong một vùng đất ma. Anh đi vào ngôi nhà tối và ho to lên.

Có một sự im lặng tuyệt đối. Anh hơi sợ chính mình.

“Tôi là người Trung Hoa,” anh gọi. “Có ai ở đây không?”

Anh lặp lại câu hỏi của mình vào khoảng tối trống rỗng. “Đừng sợ. Lũ quỷ lùn đã đi rồi.”

Có tiếng động của những bước chân di chuyển và tiếng vải sột soạt, và anh chỉ vừa đủ thấy hình dáng của hai bóng người tiến về phía trước.

“Ai đấy?” một giọng phụ nữ hỏi.

“Tôi là ông Tăng, từ Bắc Kinh. Ba mạng người trong gia đình tôi đều chết cả rồi.”

Một người phụ nữ đi thắp đèn.

“Làm sao các bà sống sót được?” anh hỏi.

“Hai chúng tôi, mẹ chồng và con dâu, trốn dưới một góc sau bếp lò.”

“Các bà tốt hơn nên đi ngày mai để đến với họ hàng trong núi. Lính Nhật có thể quay lại,” anh nói với họ, rồi quay về và nằm trên sàn nhà, ngủ bên cạnh mẹ mình đêm đó.

Ngày hôm sau, anh giúp bà cô và hai người phụ nữ kia lên núi, và quay lại với những người đã khuất của mình. Anh hoàn toàn một mình, trong làng. Anh lấy một cái cuốc và xẻng và chôn các thi thể ở sân sau, và mãi đến tối anh mới xong.

Rồi anh cảm thấy đói. Anh vào bếp và nấu cho mình một bữa ăn thô sơ. Anh lại đi ra ngoài và ngồi

trên những nắm mồ của mẹ, vợ và con mình.

Hôm sau, anh không nữa rời bỏ họ và đã ở lại thêm hai ngày nữa — linh hồn sống duy nhất trong ngôi làng ma quái đó.

Vào sáng ngày thứ ba, anh lại long trọng khóc than một lần nữa bên những ngôi mộ rồi lên đường.

Trên hai ngón tay nhỏ của mình, anh đeo một chiếc nhẫn của mẹ và một chiếc của vợ, còn trong ví anh mang theo ba lọn tóc của mẹ, vợ và con.

Anh tìm đến căn cứ của du kích và gia nhập cùng họ, từ đó về sau anh luôn có mặt ở tuyến đầu trận mạc nhưng chưa từng bị thương.

Cuộc đời anh dường như đang được bùa mê bảo hộ; đồng đội thắc mắc tại sao anh chiến đấu với một sự nhiệt huyết và dũng cảm như quỷ dữ. Anh không nói với họ rằng bóng hình của mẹ, vợ và con đang ở bên anh để tiếp thêm dũng khí. Họ không hiểu rằng anh đơn độc mà lại không hề đơn độc.

*

Ở Bắc Kinh, không thể nào nhận được tin tức về gia đình Mận Nhi. Kể từ sau vụ cảnh sát đến thăm và cô Donahue dọn vào ở, bên ngoài mọi thứ trong Vườn đều yên tĩnh. Tuy nhiên, A Phi và Hương Quý quyết định rằng họ phải rời Bắc Kinh, vì rõ ràng anh ta có thể bị bắt với tư

cách là một quan chức chính Phó bất cứ lúc nào Hoài Ngọc và các quan chức thân Nhật muốn. Tôn Á và Đạm Hương cũng quyết định rằng họ sẽ an toàn hơn nếu thoát khỏi tầm với của Hoài Ngọc.

Nhưng bên cạnh những lý do cá nhân đó, giờ đây Bắc Kinh trên thực tế là một thành phố thất thủ, bị cắt rời khỏi Trung Quốc, bao trùm trong bầu không khí hỗn loạn, vô pháp và đổ máu. Người Nhật chưa công khai tiếp quản chính quyền thành phố, nhưng bọn tay sai đã sẵn sàng thành lập một Ủy ban Bảo tồn Địa phương, hỗ trợ Nhật Bản duy trì trật tự địa phương và làm mọi việc để hợp tác với họ. Các Liên đoàn Văn hóa Á châu mọc lên nhằm khuyến khích việc

học tiếng Nhật. Sách giáo khoa sẽ bị thay đổi. Các sào huyết ma túy, vốn dần giảm bớt trong năm qua, lại một lần nữa phát triển mạnh. Một làn sóng thương nhân Nhật Bản bắt đầu tràn vào thành phố. Hầu hết phụ nữ Nhật Bản đều mặc đồ Tây hoặc áo dài Trung Quốc. Lý do được đưa ra cho việc sau là vì áo dài được biết đến như “áo Mãn Thanh” và họ mặc chúng vì lòng yêu nước để “gắn kết tình hữu nghị với Mãn Châu Quốc.” Tuy nhiên, có thể nhận thấy rằng sự thay đổi thời trang này diễn ra sau, chứ không phải trước, cuộc binh biến Đông Châu, nơi ba trăm người Nhật đã bị tiêu diệt.

Bắc Kinh đối với người Trung Quốc mang đầy đủ mọi khía cạnh

của một “thành phố đã chết”. Nhà chính trị An Phúc cũ là Vương Khắc Mẫn, nổi tiếng với các khoản vay Nishihara, đã sớm tích cực cùng các đồng sự của mình lên kế hoạch thành lập một chính Phó bù nhìn.

A Phi và Kinh Á bàn bạc việc chuẩn bị đưa gia đình họ đi Thượng Hải. Bảo Nhã, nay đã hoàn toàn cai được thói nghiện thuốc, quyết định sẽ ở lại với vợ. Ông bà Phùng già và cha mẹ của Hương Quý nói rằng họ không cần phải rời đi, và sẽ ở lại để cùng cô Donahue trông nom khu vườn.

Vào thời điểm này, chiến tranh cũng đã bùng nổ ở Thượng Hải, nhưng các tàu nước ngoài vẫn đều đặn đi lại giữa Thiên Tân và

Thượng Hải. Một khi các gia đình đã lên tàu và rời Thiên Tân an toàn, họ sẽ không còn gặp nguy hiểm cá nhân nào nữa. Họ biết rằng khi rời Bắc Kinh bằng tàu hỏa, họ sẽ bị lục soát, nhưng hành khách hạng nhất sẽ ít bị sách nhiễu hơn. Nhóm người có khả năng cao nhất bị kiểm tra kỹ lưỡng và có thể bị bắt giữ là sinh viên và những thanh niên từ hai mươi đến bốn mươi tuổi, những người có bất kỳ nét nào giống lính. Giới thương nhân nói chung thường dễ dàng được cho qua. Kinh Á đã gần năm mươi tuổi nên sẽ an toàn. A Phi thì chỉ dưới bốn mươi, nhưng anh cẩn thận ăn mặc như một thương nhân, đeo kính kiểu cũ, mang theo một điều thuốc nước, và cố làm cho mình trông già nhất có thể, với sự trợ

giúp của một bộ râu chưa cạo kỹ. Họ sẽ mang theo các giấy tờ kinh doanh từ tiệm thuốc và cửa hàng đồ cổ.

Đạm Hương dễ dàng đóng vai một người vợ của thương nhân; Hương Quý trông rất hiện đại và trẻ hơn nhiều; nhưng khi đi trong toa hạng nhất cùng một chủ tiệm giàu có, cô hẳn sẽ có thể qua trạm cùng chồng và các con. Hơn nữa, cô Donahue sẵn sàng đi cùng họ và tiễn họ lên tàu an toàn tại Thiên Tân, vì biết rằng sự hiện diện của một phụ nữ Mỹ có xu hướng nhắc nhở người Nhật cư xử như những con người “văn minh”.

Vì vậy, vào giữa tháng Tám, họ nói lời tạm biệt với thành phố

cổ kính và vĩ đại Bắc Kinh. Khi xe đi qua phố Hatamen và nhìn thấy những cửa hàng quen thuộc, A Phi và Hương Quý nắm chặt tay nhau với cảm xúc bị kìm nén. Khi đi ngang qua cổng Đông Nhất Bài Lâu, A Phi bảo người lái xe rẽ về phía tây trên phố Thiên An Môn để họ có thể được nhìn thoáng qua một lần nữa những mái ngói vàng của Tuyên cung.

“Cảm ơn Chúa là kiến trúc hoàng gia vẫn còn an toàn. Đối với tôi, lúc nào nó cũng là Bắc Kinh,” cô Donahue nói bằng tiếng Anh.

Họ đến ga từ sớm vào buổi sáng. Chuyến tàu dự kiến khởi hành lúc tám giờ ba mươi. Một đám đông khổng lồ gồm đủ mọi người, già và

trẻ, đang chen chúc trước nhà ga, với đủ hỗn hợp xe kéo, ô tô và xe ngựa chất đầy hành lý.

Bước vào nhà ga, hành khách không phân biệt tuổi tác hay giới tính đều phải bị khám xét, và những người đang chờ đợi bên ngoài bị giữ lại một thời gian dài. Sau khi vượt qua cuộc kiểm tra này, họ lại được yêu cầu mở rương và túi xách của mình trên sân ga. Đoàn của A Phì vượt qua mà không gặp khó khăn lớn để vào các phòng dành riêng trong toa hạng nhất. Nhưng đã mười giờ rồi mà đoàn tàu dường như chưa sẵn sàng chuyển bánh.

Không kiên nhẫn chờ đợi, A Phì xuống đi dạo trên sân ga, dặn Đạm Hương và Hương Quý giữ bọn trẻ

nghiêm ngặt trong toa tàu. Anh thấy những hành khách khác vẫn đang bị khám xét và hành lý của họ bị kiểm tra.

Với những hành khách đến lượt, một nhân viên bảo vệ người Trung Quốc nói to: “Mở rương của anh ra!” và sau đó thì thầm: “Bất kỳ sách vở hoặc vật phẩm đáng ngờ nào nên được bỏ ra.” Các nhóm hai hoặc ba hiến binh Nhật, với lưỡi lê lộ ra, chỉ đứng nhìn.

Đi xa hơn đến toa hạng ba, A Phì thấy hành khách xếp hàng và bị khám xét cá nhân trước khi được vào toa. Họ đứng sẵn sàng với áo khoác đã cài cúc. Một nữ sinh không mở cúc áo khoác vì cô không có túi.

Một tên hiến binh Nhật bước tới và, chỉ vào cô gái, nói gì đó với một nhân viên bảo vệ người Trung Quốc.

“Tốt hơn là nhân nhượng một chút trong những lúc như thế này,” một bạn đồng hành, một thương nhân già năm mươi tuổi, nói.

Cô gái bắt đầu mở cúc áo khoác với vẻ đỏ mặt. Ở phía dưới của vạt áo trong là một vài chữ viết.

Tên hiến binh Nhật chỉ vào những chữ đó và hỏi đó là gì.

“Đó là số giặt là ở trường,” nữ sinh giải thích.

May thay, người phiên dịch Trung Quốc, rõ ràng là đến từ Mãn

Châu, đã nói tốt cho cô, và người Nhật bỏ đi.

Mười một giờ rưỡi đoàn tàu mới khởi hành. Tuy nhiên, nó dừng lại ở mọi ga, thậm chí trước khi ra khỏi tường thành Bắc Kinh; và hai lần lính Nhật đi cùng nhân viên bảo vệ Trung Quốc lại lên tàu và kiểm tra lại hành lý. Tuy nhiên, các toa hạng nhất chỉ bị lướt qua một cách sơ sài.

Rời khỏi thành phố, họ nhìn thấy một đội mười hoặc mười hai máy bay Nhật Bản trên không đang bay về phía tây bắc. Trận chiến lớn đang diễn ra gần Nam Khẩu và những nơi khác, và người Nhật đang bận rộn vận chuyển tiếp tế quân sự. Do đó, đoàn tàu bị giữ lại

ở mọi ga cho đến khi một đoàn tàu đi về phía tây chạy qua, chất đầy các bộ phận pháo, đạn dược, và đôi khi là những toa chở ngựa để lại mùi phân thải. Đã có những cuộc giao tranh ác liệt dọc theo đường sắt, và những thị trấn nhỏ hiện lên cảnh tượng tàn phá đáng buồn. Chỗ này chỗ kia có những nhóm lính Nhật ngồi xổm trên đất một cách không mấy trật tự. Suốt dọc đường là những làng mạc Trung Quốc với cờ mặt trời đỏ bay trên mái nhà. Cây cối đã bị đốn hạ ở ven đường, rõ ràng là để phục vụ cho việc phòng thủ của Nhật, nhưng những thứ này dường như cũng tạo cơ hội tuyệt vời cho quân Trung Quốc phục kích, trừ khi chúng được đối phương canh gác cẩn thận.

Họ mãi đến bảy giờ rưỡi mới tới Thiên Tân, một hành trình dài tám tiếng, trong đó thời bình chỉ mất khoảng hai tiếng rưỡi.

Việc qua trạm ga Thiên Tân là khó khăn nhất.

“Đi qua cầu và đi giữa đường, đừng vội vàng!” nhân viên bảo vệ cảnh báo họ.

Có người phụ nữ Mỹ đi cùng, họ ra khỏi nhà ga mà không gặp rắc rối. Ngay khi họ đang tự nhủ thật may mắn khi vượt qua được, một số nhân viên bảo vệ tiến đến và nói, “Xếp hàng sang trái.” Họ thấy mọi người đứng thành từng cặp, từng nhóm ba, di chuyển chậm chạp. Bốn năm tên lính Nhật đứng bên trái và chọn ra lần lượt từng

hành khách để thăm vấn kỹ hơn. Thương nhân, học sinh, đàn ông đàn bà, giàu nghèo, dường như được chọn mà không phân biệt. Những người này phải tách ra và đứng riêng.

Khi đến lượt họ, tên lính Nhật đột nhiên túm lấy cậu con trai mười bảy tuổi của Tôn Á và kéo anh ta ra khỏi hàng. Cô Donahue can thiệp và nói với người Nhật, nhưng hắn chỉ nhìn cô và ra hiệu cho cậu bé đứng sang một bên. Đạm Hương run rẩy. Cha cậu ném cho cậu một chiếc vali nhỏ chứa tài liệu kinh doanh. Người Nhật thấy vậy nhưng không can thiệp.

Trong khi mọi người lo lắng chờ đợi cậu bé trở về, cậu bị đồn cùng những người khác vào một

tòa nhà văn phòng gần đó. Cha cậu đã dặn cậu đừng vội vàng hoặc tỏ ra sợ hãi, và trả lời câu hỏi một cách trực tiếp. Cậu biết rằng một số người được thả ngay lập tức và một số bị giữ lại một, hai, hoặc ba ngày, trong khi những ai có biểu hiện từng là lính sẽ bị bắn. Bất cứ ai rời khỏi cuộc thẩm vấn và đi ra ngoài một cách vội vàng sẽ bị gửi trở lại và thẩm vấn lại.

Cậu bé nhà Tôn Á là một người thận trọng. Mang theo chiếc vali, cậu kiên nhẫn chờ đến lượt mình, không có dấu hiệu lo lắng. Khi đến lượt cậu, cậu được đưa vào một căn phòng nhỏ nơi ba người Nhật ngồi ở ba bàn làm việc với vẻ mặt quá nghiêm trọng. Một loạt câu hỏi được nã vào cậu.

“Mày có phản Nhật không?”

“Mày có phải là đảng viên Quốc Dân Đảng không?”

“Mày có phải là áo xanh không?”

“Mày có phải là Cộng sản không?”

“Mày có thuộc phe Anh-Mỹ không?”

“Mày đã đọc Tam Dân Chủ Nghĩa chưa?”

“Mày có tin Tôn Dật Tiên không?”

“Mày có tin Tưởng Giới Thạch không?”

“Thái độ của mày đối với Mãn Châu Quốc là gì?”

“Mày có tin vào sự hợp tác Nhật-Trung-Mãn không?”

“Việc Trung Quốc chơi nước ngoài này chống lại nước ngoài khác có công bằng không?”

“Mày sinh năm nào? Mày có bao nhiêu chị em gái? Tuổi của họ? Tên? Học trường nào?”

Từng câu một trong số những câu hỏi đông dài vô vị đó được hỏi một cách không chút hài hước, và các câu trả lời được ghi chép lại một cách cẩn thận và chu đáo nhất. Các sĩ quan Nhật tỏ ra rất nghiêm túc và không cho phép mình mỉm cười. Như thể ai sẽ trả lời khẳng định những câu hỏi đầu tiên trong hoàn cảnh này!

“Cái gì mà mày đang mang thế?”

Cậu bé mở nó ra để kiểm tra. Sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng các tài liệu trong khoảng nửa giờ, viên sĩ quan ra hiệu cho cậu đi ra bằng một cửa nhất định.

Cậu biết mình được thả. Cậu đi xuống cầu thang một cách chậm rãi và bước ra ngoài trời, thấy gia đình đang lo lắng chờ đợi ở lối vào và rất vui mừng khi thấy cậu trở về an toàn. Đạm Hương ôm lấy cậu như thể cậu vừa từ cõi chết trở về.

Họ đi vào Nhượng địa Anh và thuê phòng tại một khách sạn ngoại quốc. Không có chuyến tàu nào khả dụng cho đến ba ngày sau. Cô Donahue nhất quyết ở lại để

đảm bảo họ an toàn lên chiếc tàu nhỏ sẽ đưa họ đến con tàu Anh ở Đường Cô. Tuy nhiên, Hương Quý trấn an cô rằng giờ họ hoàn toàn an toàn; cô thúc giục cô quay về và cảm ơn cô sâu sắc vì tình bạn kiên định trong lúc hoạn nạn.

Cô Donahue trở về Bắc Kinh một ngày trước khi họ khởi hành vì cô cảm thấy hơi lo lắng về mọi người ở Vườn trong lúc cô vắng mặt. Sau năm ngày hành trình, ghé qua các cảng khác nhau, gia đình A Phi và Tôn Á đến Thượng Hải, giữa lúc hai bên bờ sông, đạn pháo nổ vang trời. Một hạm đội chiến hạm Nhật nằm trong bến, bắn phá thành phố Trung Quốc, nơi những ngọn lửa bốc cháy và những cột khói mù mịt che kín bầu trời.

Tàu của họ cập bến tại Khu Tô giới Quốc tế, họ đến một khách sạn ở đó và điện báo cho Mộc Lan và Mộc Hoa tin về việc họ đã đến nơi.

CHƯƠNG 45

第四十五章
追隨政府携稚小木兰入蜀

Chương 45
Theo lệnh của chính phủ, đưa Mộc
Lan trẻ đến Tứ Xuyên

Khi chiến tranh bắt đầu, Mộc Lan và gia đình đang nghỉ hè ở Khánh Lĩnh, khu nghỉ dưỡng trên núi bên sông Dương Tử.

A Mỹ, giờ đã là một thiếu nữ mười bảy tuổi, là sinh viên trường cao đẳng truyền giáo ở Nam Kinh.

A Đồng đã tốt nghiệp và đang làm việc tại Cơ quan Điện báo Chính Phó Trung Quốc ở đài phát thanh vô tuyến Trấn Như gần Thượng Hải, nơi có thể gửi những thông điệp mạnh mẽ xuyên Thái Bình Dương đến San Francisco. Cậu đã xin nghỉ phép sáu tuần và đến Khánh Lĩnh sum họp với gia đình.

Hàng Châu giờ đây là trung tâm của một hệ thống đường cao tốc lớn mà chính Phó đang xây dựng khẩn trương, kết nối gần như tất cả các vùng của Trung Quốc. Bắc ngang qua con sông lớn phía sau thành phố, một cây cầu thép khổng lồ dành cho cả đường sắt và xe cơ giới, một kỳ quan kỹ thuật hiện đại đối với dân làng, vừa mới được hoàn thành. Một tuyến đường sắt

mới kết nối trực tiếp Hàng Châu và Nam Kinh với Nam Xương, thủ Phó của tỉnh Giang Tây và chỉ cách Khánh Lĩnh một quãng ngắn. Tuyến đường sắt mới chạy qua vùng núi non hiểm trở, nhưng công trình khổng lồ này đã được hoàn thành chỉ trong một năm rưỡi. Tốc độ của chương trình tái thiết quốc gia này thực ra là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến chiến tranh: đối với Nhật Bản, vì họ nhận ra rằng họ phải tấn công ngay bây giờ hoặc sẽ không bao giờ còn cơ hội; và đối với Trung Quốc, vì một tinh thần tự tin dân tộc mới được sinh ra, và từ đó là tinh thần kháng cự đối với việc Nhật Bản xâm phạm chủ quyền của mình.

Tướng Giới Thạch và phu nhân

Tướng lúc này đang ở Khánh Lĩnh, nơi đã trở thành khu nghỉ mát mùa hè thời thượng cho các quan chức chính Phó. Nhà của Mộc Lan ở ngay phía trên nhà của họ. Mặc dù nhà của Tướng ở phía trước khuôn viên, cách bức tường phía sau năm mươi thước Anh là sườn núi hoang dã, Mộc Lan vẫn có thể thoáng thấy những hoạt động của người giúp việc trong nhà. Lối vào chính của nó nằm ở đầu một con đường, nơi bị chặn lại bởi một khe núi chạy xuống. Con đường chạy dài một trăm thước Anh dọc theo khe núi cho đến khi gặp một điểm giao cắt, từ đó trở đi nó trở thành một con đường công cộng rộng rãi hơn. Tại điểm giao cắt, nơi có lính gác đứng canh, hoặc băng qua khe núi, người ta có thể thấy những

hoạt động sôi nổi diễn ra quanh ngôi nhà. Các sĩ quan quân đội cao cấp từ các tỉnh và các quan chức quan trọng của Nam Kinh liên tục ra vào, người thì đi bộ, kẻ thì ngồi kiệu. Bởi vì trong ngôi nhà này, số phận tương lai của Trung Quốc đang được quyết định, liệu đất nước sẽ bị hạ xuống không thể cứu vãn thành một nước bảo hộ của Nhật Bản, hay sẽ chiến đấu và xây dựng mình thành một quốc gia tự do, thống nhất và độc lập.

Vào ngày 17 tháng 7, quyết định trọng đại đã được đưa ra. Tưởng Giới Thạch phát thanh cho cả nước biết chính sách kháng chiến đến cùng. Tuy nhiên, ông cảnh báo quốc dân về những hy sinh to lớn phải thực hiện và sự bất khả thi

của việc dừng lại nửa chừng, điều đó sẽ khiến Trung Quốc tồi tệ hơn so với việc dàn xếp một thỏa thuận ngay bây giờ.

“Người đàn ông đó là người điềm tĩnh và cứng đầu nhất mà tôi từng thấy,” Tôn Á nhận xét. “Ông ấy đã làm được những việc mà Gia Cát Lượng (trong thời Tam Quốc) không thể làm nổi. Ông ấy đã đảm nhận nhiệm vụ khó khăn nhất mà bất kỳ người nào từng thực hiện trên thế giới này, trong việc thống nhất Trung Quốc. Và giờ đây khi đã làm được điều đó, ông ấy lại đối mặt với một nhiệm vụ còn lớn lao hơn, dẫn dắt Trung Quốc chống Nhật. Ông ấy giống như một con chim bão biển tìm thấy môi trường sống tự nhiên của mình trong cơn

bão trên biển - và có lẽ còn thích thú với nó nữa. Ông ấy sẽ đưa cuộc chiến đến cùng nếu có bất kỳ ai làm được. Tôi đã quan sát ông ấy trong mười năm qua. Ông ấy gầy gò và xương xẩu, nhưng hãy nhìn miệng ông ấy! Khuôn mặt ông ấy thể hiện sự kết hợp kỳ lạ nhất giữa sự cứng đầu và xảo quyết mà tôi từng thấy.”

“Nếu Tưởng là Gia Cát Lượng, thì con sẽ là người lái đò nhỏ trong thời Tam Quốc,” A Đồng nói.

“Cái gì?” Mộc Lan kêu lên. Nét mặt bà bỗng tái đi.

“Mẹ ơi, có chuyện gì vậy? Mẹ không ghét Nhật Bản sao?”

Mộc Lan lặng lẽ nhìn Tôn Á, và ông cũng giữ im lặng.

“Mẹ không tán thành ư? Trung Quốc cần mọi người đàn ông,” A Đồng nhắc lại.

Nhưng Mộc Lan bỏ đi, vẫn giữ im lặng. Và bà không nói thêm gì trong một tiếng đồng hồ. Bà mất đi sự bình tĩnh và đột nhiên cảm thấy như tất cả những người mẹ khác cảm thấy khi chiến tranh đến. Bởi vì chiến tranh đã đến tận cửa nhà bà. Tại sao bà đã không nghĩ đến điều này? Trung Quốc đang đòi hỏi từ bà, đứa con trai duy nhất của bà.

Bà thảo luận điều đó với chồng và một giờ sau, bà và Tôn Á gọi con trai họ đến và nói chuyện với cậu.

“Con đã quyết định đi chiến đấu chưa?” bà hỏi.

“Vậy thì tất cả học vấn của con để làm gì, nếu con không đi?” cậu đáp. “Tại sao thế, Mẹ, con không thể hiểu mẹ!”

“Không, con không thể hiểu... Mẹ chỉ hỏi con đã quyết định chưa.”

“Con đã quyết định rồi, Mẹ ạ,” A Đồng nói.

Một cuộc đấu tranh lớn đang diễn ra trong lòng Mộc Lan, một cuộc đấu tranh khiến nước mắt bà trào lên. “Ôi, A Đồng, con là đứa con trai duy nhất của mẹ...” bà nói, và nghẹn ngào khóc.

Giờ Tôn Dật Nhiên lên tiếng. «Con trai, con còn trẻ và con chưa từng làm cha mẹ...»

«Mẹ thà chết còn hơn thấy con chết. Mẹ sẽ không thể chịu đựng nổi,» Mộc Lan kêu lên.

«A Đồng, nghe đây,» người cha lại nói. «Mẹ con và cha đã bàn về việc này. Nếu Trung Quốc cần đến con, thì con phải đi. Nhưng hãy biết rằng sự hy sinh ở phần chúng ta còn lớn hơn phần con. Một người yêu nước trẻ tuổi chết vinh quang và vui vẻ trên chiến trường - cậu ta có bạn bè - nhưng chính cha mẹ già của cậu ta ở nhà phải sống để chịu đau khổ. Chúng ta không cản trở con. Nhưng con nên suy nghĩ một chút về gia đình.»

«Gia đình để làm gì, nếu đất nước bị diệt vong?» A Đồng đáp.

«Cha biết tất cả những điều

đó,» người cha kiên nhẫn nói. «Nếu cha còn trẻ như con, có lẽ cha cũng muốn tự mình ra chiến trường. Nhưng con là con trai duy nhất, và chúng ta đã dâng hiến một đứa con gái, chị gái của con, cho đất nước rồi. Mẹ con và cha đã già và chúng ta không thể mong có thêm một đứa con trai nữa. Từ quan điểm của cá nhân và của quốc gia, con nên đi. Từ quan điểm của gia tộc Tăng, mạng sống của con không thể dễ dàng hy sinh nếu không có lý do hết sức đặc biệt. Trường hợp của con khá đặc biệt. Giả sử gia tộc Tăng bị tuyệt tự. Người Nhật muốn tiêu diệt chúng ta, nhưng gia đình là tuyến phòng thủ đầu tiên của chúng ta. Hãy nghĩ đến ông bà nội của con. Sau bao nhiêu năm, gia tộc Tăng đã sinh được

bao nhiêu đứa cháu trai? Ba thế hệ đã làm việc và sống chỉ để sinh ra con và hai con trai của Kinh Á mà thôi. A Tuyên không thực sự mang dòng máu Tăng, và chúng ta không biết cậu ấy đang ở đâu. Dòng máu họ Tăng phải mãi mãi tiếp nối. Con có thể nghĩ điều này xa vời, và có lẽ con sẽ không hiểu. Nhưng đó là cách Trung Quốc đã tồn tại suốt bốn nghìn năm nay. Ngay cả ở những nước có chế độ nghĩa vụ quân sự, họ cũng không gọi con trai duy nhất của một gia đình cho đến khi thật cần thiết...»

«Cha, Mẹ,» A Đồng nói, hai tay cậu lo lắng nắm chặt vào thành ghế, «con biết điều này thật khó khăn... Nhưng con phải đi.»

Mộc Lan ngược nhìn con với khuôn mặt đầy nước mắt, và nói, «Thôi, con đi đi! Đó là số phận của mẹ phải chịu khổ.»

«Nói cho cha mẹ biết, con định làm gì?» Tôn Á nói. «Con định nhập ngũ à?»

«Con sẽ nhập ngũ và làm bất cứ điều gì họ yêu cầu. Con phải làm một điều gì đó.»

«Sao con không tiếp tục làm việc ở đài vô tuyến điện?» người cha nói. «Điều đó cũng phục vụ đất nước như thường, dù không phải ra tiền tuyến.»

Mộc Lan vội chớp lấy ý tưởng đó. «Con đã nói con muốn làm người lái đò,» bà nói. «Việc vô

tuyến điện xuyên Thái Bình Dương cũng giống như một chuyến dò vậy. Sao con không làm điều đó?»

«Vâng, con có thể làm điều đó,»
A Đồng chậm rãi nói. «Nếu nó quan trọng cho đất nước.»

Điều này có vẻ như một sự thỏa hiệp giữa cha mẹ và con trai. Nhưng trên thực tế, đài vô tuyến điện ở gần Giang Loan, và chính là trung tâm của trận chiến.

*

A Mỹ không sáng dạ như chị gái cô đã từng. Cô ít hoạt bát hơn, nhưng có một bản năng lễ độ và tinh tế trong cô mà cô đã vô thức hấp thụ từ mẹ mình. Cô cũng

ngưỡng mộ Mãn Nghi và giống chị ở sự đoan trang và nhút nhát. Trong số các nữ sinh hiện đại, cô lập tức được xếp vào hạng những người có giáo dục gia đình tốt.

Lúc này, có mấy nữ giáo viên truyền giáo đang dạy tại Trường Cao đẳng Kim Lăng, cũng đang nghỉ hè ở Khánh Lĩnh. A Mỹ rất được các giáo viên của cô quý mến, và có một cô Cunningham đặc biệt rất quan tâm đến cô. Những giáo viên này đã từng đến nhà Mộc Lan ở Khánh Lĩnh, và gia đình Mộc Lan cũng đã được mời đến nhà họ. Khi chiến tranh bùng nổ ở Thượng Hải vào ngày 13 tháng 8, vấn đề là các trường cao đẳng có mở cửa lại vào mùa thu hay không. A Mỹ không muốn bỏ lỡ một học kỳ nếu trường

mở cửa trở lại. Vì kỳ nghỉ phép của A Đồng sắp hết hạn, Mộc Lan đang định nói về việc trở về Hàng Châu để ở thêm vài ngày với cậu trước khi cậu trở lại công sở. Cô Cunningham đề nghị A Mỹ ở với cô và cùng cô trở về Nam Kinh. Nếu trường không mở cửa, A Mỹ có thể tiện đường trở về Hàng Châu bằng đường sắt. Cô Cunningham là một người tốt bụng và dịu dàng của vùng New England, và Mộc Lan khá thích bà, đồng ý để A Mỹ ở lại với bà.

Ngày trước khi họ trở về Hàng Châu, Mộc Lan nói: «A Đồng và A Mỹ, hai anh em con sắp chia tay nhau một thời gian. Mẹ không biết cuộc chiến này sẽ kéo dài bao lâu. Nhưng mẹ sẽ ở gần con, và A Mỹ,

khi có biến, lập tức đánh điện cho mẹ và về nhà. Đừng lo lắng về việc học hành. Nếu chiến tranh kết thúc sớm, năm sau mẹ sẽ cưới vợ cho A Đồng. Con xem, ở ngoài đồng quê yên tĩnh và thanh bình biết bao. Chúng ta có thể mua vài trăm mẫu ruộng, mẹ sẽ thấy A Đồng và con dâu an cư lạc nghiệp ở nông trại và sinh cháu cho mẹ.»

Bà nói một nửa như đùa, nhưng các con bà hiểu.

«Chiến tranh sẽ kết thúc trong một thời gian ngắn. Chúng ta đang tấn công Hồng Khẩu và đánh đuổi quân Nhật xuống sông rồi,» A Đồng nói.

Ngày hôm sau, Tôn Á và Mộc Lan trở về với con trai, đi một chiếc

thuyền sông lớn, thoải mái từ một thị trấn gần Huệ Châu xuống Hàng Châu. Chuyến đi thật tuyệt đẹp, đặc biệt là qua đoạn được gọi là Kỳ Lý Lung. Ở một bên bờ sông có hai tảng đá lớn, được gọi là «Đài Câu Cá của Nghiêm Tử Lăng», một ẩn sĩ nổi tiếng hai nghìn năm trước từ chối lời mời ra làm quan mặc dù là bạn học của một hoàng đế. Những tảng đá giờ đây cao ít nhất sáu mươi bộ trên mặt nước, và khi thuyền của họ thả neo gần nơi đó để qua đêm, Mộc Lan rất ngạc nhiên không hiểu sao ông Nghiêm già ngày xưa có thể câu cá từ một đài cao như vậy trên mặt nước. Tất cả họ suy đoán xem vùng đất đã dâng lên hay biển đã rút xuống từ hai nghìn năm trước, và họ vô cùng xúc động bởi những suy nghĩ

đó. Những đêm trên thuyền sông, với trăng trên đỉnh núi, và làn gió từ sông thổi đến, thật đẹp khó tả, và Tôn Á và Mộc Lan đã có nhiều lần «tiểu ẩm» mà họ yêu thích.

Sau khi ở nhà với cha mẹ hai ngày, A Đồng trở về cơ quan ở Thượng Hải. Chẳng bao lâu sau, cha mẹ cậu nhận được thư nói rằng đài vô tuyến với những tháp ăng-ten cao của nó nằm trong số những tòa nhà đầu tiên bị quân Nhật ném bom và phá hủy, cùng với thư viện, bảo tàng, phòng thể dục và sân vận động của Trung tâm Hành chính mới ở Giang Loan. Họ đã cứu được những thiết bị có thể và sẽ cố gắng vận hành đài vô tuyến của mình từ Khu Tô giới Quốc tế.

Những lực lượng tăng viện hùng hậu của Trung Quốc được điều đến khu vực Ngô Tùng, và chiến tranh chiến hào bắt đầu trên quy mô lớn ở đồng bằng Dương Tử xung quanh Thượng Hải. Chiến tranh đã trở nên toàn diện và hứa hẹn sẽ lan rộng ra nhiều khu vực hơn. Các thành phố dọc theo đường sắt Thượng Hải - Nam Kinh bị không kích thường xuyên, và đi lại bằng tàu hỏa rất nguy hiểm. Bản thân Hàng Châu cũng đã bị ném bom nhiều lần.

Nhiều cư dân ở Thượng Hải và Hàng Châu đang di chuyển đến các hướng khác nhau, người Hàng Châu chạy đến các Tô giới nước ngoài ở Thượng Hải để lánh nạn, và người Thượng Hải chạy vào nội

địa để thoát khỏi vùng chiến sự đang lan rộng.

Vào khoảng thời gian này, Mộc Lan nhận được điện tín của A Phi nói rằng họ đã đến Thượng Hải và đang ở với gia đình Kinh Á tại khách sạn Burlington. Nhưng không đề cập gì đến Mạn Nhi và A Tuyên. Tại sao họ không đến? Mộc Lan vô cùng lo lắng và nghĩ đến việc đi gặp A Phi, Hương Quý và Đạm Hương để có tin tức chi tiết hơn.

Tình hình trở nên cực kỳ nghiêm trọng vào đầu tháng Chín đến nỗi Tôn Á và Mộc Lan quyết định phải đưa A Mỹ về Hàng Châu trước khi nó trở nên tồi tệ hơn. Đi lại bằng đường sắt vẫn có thể, dù có những

rủi ro và sự chậm trễ nhất định; đường ô tô trong mọi trường hợp sẽ thông thoáng. Không muốn mạo hiểm với sự an toàn của con gái, Tôn Á và Mộc Lan quyết định rằng người cha sẽ đi đón con về. Mộc Lan nói bà cũng sẽ đến Thượng Hải, vì bà rất nóng lòng muốn có tin tức về Mận Nhi. Có lẽ Mận Nhi cũng đã đến với họ. Nghĩ đến khả năng này, bà trở nên rất xúc động.

Tối hôm trước ngày họ định lên đường, một lá thư từ A Đồng gửi đến, viết:

Thưa cha mẹ: Con đã tòng quân. Gia đình sẽ có ý nghĩa gì nếu không có đất nước? Nếu mỗi người con yêu quý cha mẹ mình đều từ chối ra trận, làm sao Trung Quốc có thể

đánh Nhật Bản? Xin cha mẹ đừng lo lắng. Con sẽ không trở về cho đến khi chúng ta đánh đuổi lũ lùn trở lại biển.

Con trai của cha mẹ, _

A ĐỒNG.

Mộc Lan choáng váng. Con trai bà đã tòng quân, nhưng khi nào và trong sư đoàn nào? Tại sao cậu không nói với họ? Bà càng thêm nóng lòng muốn tự mình đến Thượng Hải, vì A Đồng sẽ đang chiến đấu ở đâu đó nơi ấy. Tuy nhiên, việc đưa con gái họ ra khỏi Nam Kinh trước khi giao thông trở nên tồi tệ hơn cũng quan trọng không kém. Đó là một hành động khôn ngoan, vì nếu A Mỹ ở lại trường đại học tại Nam Kinh, nơi mà vào tháng Mười Hai

đã trở thành trại tị nạn cho phụ nữ, thì cô có thể đã trở thành một trong những nạn nhân của những tội ác đã làm cho trí tưởng tượng của con người văn minh phải kinh ngạc, và chắc chắn sẽ làm giảm sự tôn trọng của thế giới đối với người dân và quân đội Nhật Bản trong nhiều thế hệ tới.

Họ đến Thượng Hải và tìm thấy Hương Quý, Đạm Hương, và gia đình họ ở một khách sạn gia đình cũ thoải mái, trước đây là của nước ngoài nhưng giờ do người Trung Quốc quản lý. Với sự thất vọng lớn, Mộc Lan thấy rằng Mạn Nhi không ở cùng họ, và họ cũng không biết chuyện gì đã xảy ra với người chị kết nghĩa của bà hay với gia đình bà. Mộc Lan trở nên lo lắng.

Mộc Lan ở lại với họ trong khi Tôn Á đi Nam Kinh để đón con gái về. Từ Thượng Hải đến Nam Kinh chỉ mất bảy tiếng rưỡi bằng đường sắt, nhưng do việc vận chuyển binh lính nên sẽ có chậm trễ. Mộc Hoa đã đến Thượng Hải để gặp họ và đã về nhà, rất lo lắng vì Tô Châu sẽ nằm trên tuyến chiến trận tiếp theo trong trường hợp quân đội Trung Quốc rút lui. Chuyển đến Thượng Hải có thể an toàn hơn, nhưng Lập Phu là một quan chức chính Phó, và việc ông chuyển nhà sẽ thể hiện tinh thần tồi tệ; hơn nữa, sẽ ngày càng khó khăn hơn để ông về nhà. Mộc Lan bảo chồng dừng lại ở Tô Châu gặp em gái và Lập Phu, cố gắng thuyết phục họ đến Thượng Hải một lần nữa.

Trong khi Tôn Á đi vắng, Mộc Lan có thời gian để biết một số tin tức về họ hàng. Cái chết của Tổ Vân khiến bà vô cùng xúc động. Bà nghe về những cuộc phiêu lưu của Thái Vân và Trần Tam và cách họ tham gia du kích ở Tây Bắc. Họ không thể nói gì với bà về gia đình Mận Nhi và A Tuyên và sợ rằng họ có thể gặp rắc rối, vì nhiều người tị nạn đã kể cho họ nghe những câu chuyện kinh hoàng về sự tàn phá vùng nông thôn miền Bắc và sự ngược đãi phụ nữ.

Thuộc tầng lớp thượng lưu, họ hàng của Mộc Lan là những người ít bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi chiến tranh cho đến nay. Nhưng những ngày đó ở Thượng Hải chẳng hề yên bình. Máy bay ném

bom hàng ngày bay trên đầu họ. Dạn từ pháo phòng không thường xuyên rơi xuống nhà cửa và đường phố. Tiếng nổ nghe thấy cả ngày lẫn đêm. Người ta tụ tập ở bến sông để xem các cuộc đấu pháo giữa tàu chiến Nhật và quân Trung Quốc ở Bảo Định, và trên mái nhà để xem bầu trời rực lửa trên Cháp Bắc và Giang Loan. Tồi tệ nhất, những người tị nạn đàn ông, phụ nữ và trẻ em tràn ngập từ các khu vực Cháp Bắc, và lang thang đáng thương trên đường phố. Tuy nhiên, những người từ Bắc Kinh này ngạc nhiên khi thấy những người đàn ông và phụ nữ giàu có vẫn vui chơi ở các rạp hát và vũ trường. Nó giống như đang ở một đất nước hoàn toàn khác. Người dân Bắc Kinh dễ dãi,

cam chịu, thụ động, nhưng giờ đây ít nhất khuôn mặt họ ửng rửng, đầu cúi xuống, và bên trong họ có sự oán hận âm ỉ. Ngược lại, những người Hoa giàu có ở các thương cảng dường như thậm chí còn không biết một cuộc chiến đang diễn ra, theo như những gì có thể thấy từ hành vi của họ. Nhiều người năng nổ trong công tác trại tị nạn, thăm viếng bệnh viện dành cho thương binh, và mang lại sự cứu trợ và an ủi cho các binh sĩ, những người đang thiếu thốn. Nhưng thành phố nói chung thể hiện sự xuất hiện của hai tầng lớp rõ rệt, một lớp hưởng thụ cuộc sống như thường lệ, hạnh phúc khi biết mình được sự bảo vệ của nước ngoài, và lớp kia là thường dân, binh lính chiến

đấu cho đất nước và những người tị nạn nghèo khổ gánh chịu phần khó khăn nhất.

Giờ đây Mộc Lan quan tâm đến chiến tranh không chỉ vì lợi ích cá nhân; bà không thể quên rằng con trai mình đang ở ngoài kia giữa những khẩu pháo gầm rú. Bà nhận được lá thư thứ hai từ cậu, chuyển tiếp từ nhà, nói rằng cậu đang làm việc trong đơn vị vô tuyến ở mặt trận Dương Hồng, và hy vọng rằng cậu có thể gặp cha mẹ trong một kỳ nghỉ phép, hoặc có lẽ bà có thể đến thăm cậu ngoài chiến trường.

Vào ngày thứ ba, Tôn Á trở về an toàn với con gái. Lập Phu và Mộc Hoa cũng đến với toàn bộ gia đình.

Con trai cả của Lập Phu, Hiếu Phu, cũng đang đòi hỏi cha mẹ cho phép ra trận. Khi Tôn Á nói với họ rằng A Đồng, con trai duy nhất của ông, đã tòng quân, điều đó khiến trường hợp của Hiếu Phu trở thành kết quả đã định trước, vì Lập Phu có ba con trai và không thể không đồng ý. Lập Phu và Mộc Hoa quyết định sẽ tự mình cùng con trai và các em trai xuống đây xem liệu có thể để các anh em họ làm việc trong cùng một trung đoàn hay không, điều đó có thể giúp làm dịu bớt phần nào nỗi lo lắng của các bà mẹ. Hiếu Phu, vừa tốt nghiệp Đại học Trung ương ở Nam Kinh, là một người viết rất nhanh. Cậu hơi cận thị và đeo kính, nhưng sẽ hữu ích trong công tác tham mưu để viết báo cáo và thông điệp.

Việc Hiếu Phu sắp ra mặt trận ngay lập tức khiến cuộc họp mặt của họ hàng kém vui hơn bình thường. Không ai nói ra, nhưng bầu không khí căng thẳng khi hai chị em có mặt. Con trai của Đạm Hương nói rằng cậu cũng muốn đi, nhưng chú Tôn Á nói, «Hãy để lại một hạt giống cho gia đình họ Tăng. Hơn nữa, cháu còn quá trẻ.»

Vấn đề bây giờ là làm thế nào để đưa Hiếu Phu đến trung đoàn nơi anh họ của cậu đang ở. Lập Phu mất cả một ngày để sắp xếp.

Ông trở về khách sạn vào buổi tối và nói với họ hàng, “Thật may mắn - tôi phát hiện ra trung đoàn trưởng là một học trò cũ của tôi, nhiều năm trước ở Bắc Kinh. Vợ

ông ấy đang sống ở Tô giới Pháp, và tôi đã đi gặp bà ấy và bà ấy giúp tôi liên lạc với chồng qua điện thoại.”

“Ông ấy có hứa sẽ đặc biệt quan tâm đến con trai chúng ta không?” Mộc Hoa hỏi.

“Ông ấy có. Ông ấy nói sẽ cố gắng hết sức để giữ các anh em họ ở cùng nhau.”

“Ông ấy có biết việc A Đồng tòng quân trong trung đoàn của mình không?” Mộc Lan hỏi.

“Ông ấy nói sẽ tìm hiểu ngay.”

Giờ đây Mộc Hoa bật khóc, khi thấy việc con trai tòng quân đã chắc chắn.

“Tôi sẽ tự đưa nó ra mặt trận,”
Lập Phu nói.

“Tự ra mặt trận sao?” Tôn Á hỏi.

“Vâng. Anh tốt nhất nên đi cùng, nếu muốn gặp A Đồng. Chúng ta phải đi vào tối mai.»

«Tại sao phải vào ban đêm?»
Tôn Á hỏi.

«Bởi vì đó là thời điểm an toàn duy nhất để đi. Trung đoàn trưởng sẽ gửi xe đến đón chúng ta. Dương Hồng khá xa và xe thông thường không được phép đến mặt trận. Một sĩ quan tùy tùng sẽ đi cùng xe và dẫn đường.»

Mộc Lan ngồi thần thờ.

“Lập Phu,” bà đột nhiên nói, “phụ nữ cũng có thể đi chứ?”

“Tôi nghĩ trung đoàn trưởng sẽ cho phép chị, nhưng chị sẽ khó được hoan nghênh.”

“Tôi có nghe nói về những phụ nữ của hội cứu trợ mang đồ ra mặt trận.”

“Điều đó khác. Và họ làm với rủi ro của riêng họ.”

“Tốt nhất em đừng đi. Mạo hiểm tính mạng chẳng ích gì,» Tôn Á nói.

“Nếu con trai tôi không sợ sống ở đó hàng tuần lễ, tại sao tôi phải sợ đi trong một đêm? Sẽ mất bao lâu?”

“Có lẽ cả đêm, đi và về,” Lập Phu trả lời. “Tất nhiên tất cả đèn phải mờ đi và chiếc xe sẽ đi rất chậm.”

“Có nguy hiểm không?” Mộc Lan lại hỏi.

“Chị ở đây với em gái chị đi,” Lập Phu nói. «Hãy nghĩ đến những sinh mạng khác trong tay chị.»

Rồi Mộc Lan không nói gì nữa. Một cảm giác kinh sợ ngự trị trong gia đình, và suốt ngày hôm sau Mộc Hoa vẫn ở trong phòng với con trai, lặng lẽ khóc. Mộc Lan nhờ Tôn Á đặt bốn thùng gỗ cam mang theo cho binh lính.

Họ ăn tối trong im lặng. Mỗi người đều đã đọc tin tức hào hứng của buổi sáng, nhưng không ai

dám đề cập đến nó. Cuộc chiến ở mặt trận

Đó hầu như là ngày đẫm máu nhất kể từ khi chiến tranh bắt đầu. Quân Nhật tuyên bố đã chiếm được Bảo Sơn, nhưng các báo cáo của Trung Quốc cho biết một tiểu đoàn duy nhất tại thành phố ven biển gần Ngô Tùng đó vẫn đang cố thủ, mặc dù hoàn toàn bị cô lập. Hai ngày sau, một người sống sót duy nhất trở về báo cáo rằng toàn bộ tiểu đoàn đã chiến đấu đến người cuối cùng cho đến khi đạn dược của họ cạn kiệt.

Vào lúc mười giờ, một thanh niên mặc quân phục cũ kỹ, nhưng trông rất bảnh bao với chiếc mũ sắt, bước vào khách sạn và thông

báo xe đã sẵn sàng đưa họ đến sở chỉ huy của đại tá. Giờ đây, cảnh tượng khó tránh khỏi đã diễn ra. Giữa những giọt nước mắt, Mộc Lan và Mộc Hoa dành cho Hiếu Phu những lời của người mẹ thật giản dị, nhưng thật khó quên đối với những đứa con. Những lời tạm biệt được lặp đi lặp lại, bởi họ không bao giờ có thể nói hết được.

Cuối cùng, Lập Phu bảo con trai lên xe, và họ cũng lên xe theo sau. Mộc Hoa nhìn sâu vào trong xe, và Hiếu Phu lại một lần nữa đưa tay ra nắm lấy tay mẹ cho đến khi chiếc xe giật mạnh làm họ buông nhau ra.

Người phụ tá ngồi phía trước với tài xế. Ngay khi họ ra khỏi

Nhượng địa để vào vùng ngoại ô lộn xộn, tài xế tắt đèn xe. Không có trăng, nhưng điều đó thật tốt, vì như vậy họ sẽ an toàn trước những đợt ném bom ban đêm.

“Anh nhìn đường thế nào được?” Tôn Á hỏi.

“Chúng tôi biết rõ toàn bộ đường đi. Mắt chúng tôi quen cả rồi. Chúng tôi thích thế. Ban đêm ở tiền tuyến thật đẹp.”

Người phụ tá, một thanh niên sáng sủa, vui vẻ, bắt đầu kể cho họ nghe nhiều câu chuyện.

“Anh không sợ sao?”

“Sợ?” anh ta thốt lên. “Chúng tôi đã chờ đợi nhiều năm để có cơ hội này gặp gỡ những người bạn

ở phía bên kia. Và bây giờ chúng tôi có thể sợ hãi sao? Binh lính của chúng tôi, nếu có gì đó, thì lúc đầu đã quá liều lĩnh. Họ nôn nóng xông lên khỏi chiến hào và không chịu rút lui theo lệnh. Ở ngoài đó có một thứ lầy lán. Chúng tôi chưa bao giờ có cơ hội như thế trước đây. Sự dũng cảm của một người khiến người khác thấy hổ thẹn. Có một chàng trai mười chín tuổi từ nông thôn. Mẹ anh vừa cưới vợ cho anh, một cô gái quê. Anh rời cô dâu mới và ra tiền tuyến. Anh luôn nói, ‘Súng của Nhật bắn 2000 mét, súng của chúng ta bắn 1500 mét. Vậy chúng ta chạy lên phía trước 500 mét là ngang nhau.’ Anh đã làm thế, và hy sinh.”

“Mật khẩu!” Một giọng nói hét lên từ trong bóng tối.

Người phụ tá đáp lại. Một ngọn đèn pin chiếu thẳng vào xe của họ và mặt họ rồi tắt. Một lần nữa, tất cả chìm vào im lặng và bóng tối kỳ quái.

“Chúng ta đi thế nào rồi?”

“Chúng ta sắp đến Đại Tàng rồi,” người phụ tá nói. “Sau Lưu Hồng, các vị sẽ nghe thấy tiếng súng máy, và sau Dương Hồng, các vị sẽ nghe thấy tiếng đại bác. Vượt qua đó là vùng đất không người, nơi họ đã giao chiến suốt cả ngày.”

Sau khi đi qua Đại Tàng, họ nhìn thấy những ánh đèn pha từ các tàu chiến Nhật Bản quay vòng trên bầu

trời và rọi khắp các hướng. Ngoài tiếng ì ầm thấp của động cơ xe, họ chỉ nghe thấy tiếng đẽ kêu thanh bình trên cánh đồng.

“Tôi nghe nói có một số quân Mãn Châu Quốc, chính là người Trung Quốc chúng ta, ở phía địch,” Tôn Á nói.

“Vâng,” người phụ tá đáp, “nhưng không nhiều. Hôm trước có một trận chiến cận chiến. Khi binh lính của chúng tôi đến cách quân địch bốn mươi hoặc năm mươi thước, chúng tôi nghe thấy tiếng hét từ phía bên kia bằng tiếng Trung, ‘Tất cả đều là người Trung Quốc. Đứng lại gần!’ Họ là người Mãn Châu. Họ hét lên. ‘Các anh không được tiến lên, nếu không

chúng tôi sẽ bắn,’ và người của chúng tôi đáp lại, ‘Hả! Các anh có muốn ném mùi súng của chúng tôi không?’ Và một gã cao lớn hét từ phía bên kia, ‘Súng của chúng tao tốt hơn nhiều.’ Chúng tôi thấy hắc bắn, nhưng bắn lên trời. Khoảnh khắc sau, một tên Nhật tiến lên từ phía sau và đâm hắc vào lưng. Một trong những binh sĩ của chúng tôi bóp cò và kết liễu mạng sống của tên Nhật đó ngay lập tức, để trả thù cho đồng bào của chúng ta. Thật khổ cho người Mãn Châu. Họ là người Trung Quốc và họ bị Nhật Bản ép phải giết người Trung Quốc.”

Giờ đây, họ bắt đầu nghe thấy tiếng súng máy lách cách, ngày càng to hơn. Mỗi phút một lần,

họ thấy một ánh chớp bất ngờ ở đường chân trời xa xa, và khoảng mười giây sau, một tiếng nổ ầm ầm vang đến, như sấm từ xa. Những vệt sáng đột nhiên chiếu sáng bầu trời, kèm theo một tiếng huýt sáo có phần du dương rồi sau đó là một tiếng nổ. Một tiếng rít the the bay qua họ trong không khí.

“Đó là gì thế?” Tiểu Phụ hỏi.

“Chỉ là một viên đạn thôi,” người phụ tá cười nói.

«Con có sợ không?» Lập Phu hỏi con trai.

«Không,» Hiếu Phu nói, nhưng không có sự xác tín lớn.

«Con vẫn có thể quay về.»

«Chắc chắn là không.»

«Các vị sẽ thấy một cảnh tượng còn tuyệt vời hơn nữa, khi chúng ta đến Dương Hồng,» người tài xế nói.

Giờ đây, con đường ngoằn ngoèo với những khối đen không thể phân biệt trước mặt họ, và người tài xế chậm lại như ốc sên bò.

«Mật khẩu!»

Người phụ tá lại đưa ra mật khẩu. Một lần nữa, một ngọn đèn pin từ trong bóng tối chiếu vào họ.

«Tiến lên!»

Họ nghe thấy tiếng chân bước nặng nề.

« Binh lính đang lên chiến hào. »

“ Trong bóng tối như thế sao ? ”

“ Ban đêm là thời điểm tốt nhất. ”

Trong bóng tối tĩnh lặng, họ nghe thấy tiếng bước chân người bị bóp nghẹt, nhưng không có tiếng nói nào ở bất cứ đâu.

Hiếu Phụ có mang theo một chiếc đèn pin. Cậu không thể cưỡng lại việc rọi đèn vào hình bóng di chuyển đen sẫm của đội quân. Thật kỳ ảo. Những người lính đội mũ sắt, mặc quân phục, súng trường khoác trên vai, di chuyển trong tuyệt đối im lặng trong bóng tối — những con người nghiêm nghị, quyết tâm tiến về phía trận chiến.

Trước khi cậu có thể nhìn thấy

nhiều hơn, một giọng nói hét lên, “Tắt đèn!” Và rồi chửi thề, “Mẹ mày!”

Hiếu Phụ lập tức tắt đèn.

“Cháu không nên làm thế,” người phụ tá nhận xét nghiêm khắc.

“Nhìn kia, có một thứ đẹp đấy!” người tài xế nói.

Họ nhìn theo hướng tay anh ta chỉ, và thấy trên cao có hai ánh đèn, một đỏ và một vàng. Người phụ tá giải thích rằng đó là tín hiệu cho pháo binh.

Giờ đây, những quả đạn pháo bắt đầu nổ ở khoảng cách gần hơn, mỗi quả được báo trước bởi một tiếng xé gió và đáp xuống với một

tiếng nổ ầm. Mặt đất rung chuyển và chiếc xe của họ cũng rung theo.

Chiếc xe bắt đầu rẽ nhiều khúc quanh và chẳng mấy chốc họ đã đến sở chỉ huy. Người phụ tá dẫn họ vào, và Tôn Á, Lập Phu, và Hiếu Phụ đứng ở cửa.

Đó là một ngôi nhà nhỏ trong làng. Một chiếc giường cắm trại đặt cạnh chiếc điện thoại, và có một ngọn đèn dưới gầm bàn cạnh giường. Các cửa sổ đều đóng kín.

Vị đại tá đang nói chuyện điện thoại.

“Cái gì? Cả trung đoàn mất rồi? Chúng tôi sẽ gửi một trung đoàn khác... Không...? Vâng, thưa chỉ huy.”

Đại tá Lưu đặt ống nghe điện thoại xuống với một tiếng rầm và đứng dậy chào đón các vị khách.

“Tôi đã đợi ngài, ông Không,” ông nói. “Mời ngồi, Thầy Già.”

Lập Phu giới thiệu con trai mình và Tôn Á. “Đến tham gia cùng chúng tôi sao?” vị đại tá nói, nở một nụ cười với Hiếu Phu. Ông sau đó sai người phụ tá đến đơn vị vô tuyến điện để gọi A Đồng.

“Cháu ấy đã làm việc không ngừng nghỉ suốt hai mươi tư giờ qua. Chúng tôi thiếu người,” Đại tá Lưu nói. “E rằng Bảo Sơn đã định mệnh rồi. Quân của chúng ta đã gửi tín hiệu vô tuyến cầu cứu, nhưng họ hoàn toàn bị cô lập. Một tiểu đoàn đã cố thủ ở đó, trong thành

phố, suốt ba ngày. Nhưng không có viện binh nào có thể đến được. Lực lượng cứu viện của chúng ta đã bị tiêu diệt lần thứ ba. Tôi tin rằng tiểu đoàn đơn độc ấy sẽ chiến đấu đến người cuối cùng.” Ông có vẻ xúc động lạ thường, hầu như quên rằng họ là khách.

Chẳng mấy chốc, A Đồng bước vào, chào đại tá. Cậu ấy trông khác hẳn bây giờ khi mặc quân phục. Áo khoác và quần của cậu bị bẩn, nhưng trên khuôn mặt có một vẻ hạnh phúc nghiêm nghị, và một phẩm cách trưởng thành mới toanh trong bước đi.

“Công việc của con thế nào? Con có thích không?” Tôn Á hỏi.

“Chỉ có hai chúng con thay phiên

nhau trực vô tuyến điện thoại,” con trai ông đáp. “Không có thời gian để nghĩ đến chuyện thích hay không thích. Nó quá quan trọng.”

“Cháu có thể đi vệ sinh được không?” Hiếu Phụ đột nhiên hỏi.

A Đồng mỉm cười và nói, “Lúc mới đến, tất cả chúng con đều như thế.”

Trong khi Hiếu Phụ được chỉ ra ngoài, A Đồng chào đại tá và hỏi: “Cháu có thể xin một cốc nước được không?”

Vị đại tá tự tay đi rót nửa cốc nhỏ từ bình thủy nhiệt của ông, và đưa cho A Đồng, người uống từ từ, đến giọt cuối cùng.

“Nước rất quý ở đây,” vị đại tá nhận xét.

“Chúng tôi có thể làm gì để giúp đỡ?” Lập Phu hỏi, rất xúc động. “Chúng tôi có mang theo vài thùng cam.”

“Cam rất tốt. Binh lính của chúng tôi khổ vì khát nhiều hơn là đói. Dân làng ở đây đã giúp đỡ rất nhiều. Nhưng điều tôi không thể chịu được là tình trạng của những người bị thương. Mọi thứ đều không đầy đủ. Thương vong rất nặng. Hãy nói với mọi người gửi cho chúng tôi băng gạc, vải thô, thuốc men, thuốc lá.”

Trong lúc đó, Tôn Á đang nói chuyện riêng với con trai. Hiếu Phụ trở lại và đi đến bên A Đồng,

và Lập Phu cũng đi đến chỗ họ.

“Hai đứa hãy chăm sóc lẫn nhau, dù ốm đau hay khỏe mạnh,” Tôn Á đang nói. “Và đừng quên viết thư cho chúng tôi. Đứa này có thể viết hộ đứa kia, nếu đứa kia quá bận.”

“Cháu có thể học phục vụ trong đơn vị vô tuyến điện nữa không?” Hiếu Phụ hỏi.

Lập Phu quay sang nhìn vị đại tá.

“Dẫn cậu ấy theo,” vị đại tá nói với A Đồng. “Ít nhất cháu ấy có thể giúp trực, nếu một trong hai đứa quá mệt, hoặc ngủ.”

“Cháu sẽ dạy cậu ấy và cậu ấy học rất nhanh,” A Đồng nói. “Nó

không quá khó. George thì béo và buồn ngủ.”

“Đó là ai vậy?”

“Bạn cùng trực của cháu. Một sinh viên đại học năm nhất.”

“Đó là vận may của con đấy,” Lập Phu nói với con trai. “Hãy làm việc và học hỏi từ A Đồng, và hãy đối xử với nhau như anh em... Yêu thương nhau như các mẹ của các con yêu thương nhau...”

Ngay cả Lập Phu cũng không kịp được nữa. Ông dừng lại và lấy khăn tay ra.

“Cháu phải đi bây giờ,” A Đồng nói. “Mười lăm phút của cháu hết rồi. Đêm nay rất bận. George sẽ ngủ gục mất nếu cháu không về.”

Giờ đây, hai người cha cúi xuống hôn trán những đứa con trai của mình.

“Mang theo sáu quả cam, cho hai đứa - và cho George nữa,” vị đại tá nói. “Tôi hiểu là chúng từ mẹ của các cháu.” Mắt A Đồng sáng lên.

Điện thoại lại reo, và vị đại tá lập tức đi đến nó: «Phản công — năm giờ ba mươi. Vâng, thưa chỉ huy!»

Tôn Á và Lập Phu nói lời tạm biệt cuối cùng với các con trai, và dặn chúng hãy đến khách sạn khi có phép, rồi ra đi ngay lập tức, mỗi người đắm chìm trong suy nghĩ của riêng mình. Những con đế — «kim linh» và «thao thao» — vẫn đang

kêu ven đường bài ca thanh bình vĩnh hằng của chúng. Nghe thấy chúng, Tôn Á đột nhiên nhớ đến những trận đấu đẫm máu mà ông đã từng có với các anh trai mình, Bình Nha và Trân Nha, và cảm thấy lạ lùng trở lại. Bầu trời bắt đầu hửng sáng khi họ đến Đại Tàng. Đó là một đêm mà không ai trong hai người họ có thể quên.

Họ đến khách sạn vào khoảng bốn giờ ba mươi sáng. Mộc Lan và Mộc Hoa đã ngồi thức cùng nhau suốt đêm, chờ đợi họ trở về. Lúc này, Mộc Lan đang ngủ gật trên ghế sofa, còn Mộc Hoa thì đang nằm trên giường với nguyên cả quần áo.

Lập Phu và Tôn Á rón rén bước

vào phòng. Như thường lệ, Mộc Hoa là người đầu tiên nghe thấy bước chân của họ, và ngồi dậy. Mộc Lan vẫn đang ngủ. Họ thì thầm nói chuyện với nhau. Họ nghe thấy tiếng Mộc Lan trăn trở trên sofa, và đột nhiên bà thét lên, «A Đồng!»

Tôn Á vội vàng chạy đến đánh thức bà. Bà đã khóc. Bà đã khóc trong giấc mơ. Giờ đây bà ngược lên, ngơ ngác.

“Ôi!” bà thở hỗn hển. “Anh đã về rồi sao. Em mơ thấy - em thấy A Đồng bị giết, lẫn lộn trong bùn, và - Hiếu Phu đang khiêng nó.”

Khi họ an ủi bà, Tôn Á nhìn đồng hồ. Đã mười giờ kém năm.

Họ gọi cà phê và uống trong

khi Tôn Á và Lập Phu kể cho vợ họ nghe câu chuyện về chuyến thăm. Nhưng Mộc Lan lặng lẽ lắng nghe. Lòng bà bối rối.

Lập Phu sai một cậu nhân viên khách sạn đi lấy tất cả các tờ báo buổi sáng và đọc tin tức cho họ nghe, trong khi Mộc Lan buồn ngủ lắng nghe.

“Phản công ở Bảo Sơn. Quân Trung Quốc giành lại được một số đất đã mất. Tiểu đoàn đơn độc thề chiến đấu đến người cuối cùng. Đấu pháo suốt đêm giữa lực lượng Phố Đông của Trung Quốc và các tàu chiến Nhật. Giao tranh liên tục dọc theo bờ sông Hoàng Phố. Ngày chiến đấu ác liệt nhất kể từ 13 tháng 8. Tổng thống Roosevelt

cảnh báo tất cả người Mỹ nên rời khỏi Trung Quốc, theo một bức điện từ Washington. ... Mặt trận chiến tranh ở Hoa Bắc trải dài 200 dặm từ Thiên Tân đến đông bắc Sơn Tây. Nhật Bản được cho là đã có 200.000 quân ở tỉnh Hà Bắc. ... Tổng cộng 61 máy bay Nhật đã bị máy bay Trung Quốc bắn hạ ở Chiết Giang, Giang Tô và An Huy từ ngày 14 tháng 8 đến ngày 1 tháng 9. ...”

Suốt ngày hôm đó, Mộc Lan cảm thấy rất khó chịu và bồn chồn, hy vọng nhận được tin nhắn từ A Đồng để nói với bà rằng giấc mơ của bà là không đúng sự thật. Bà bảo Tôn Á gửi thêm mười thùng cam thông qua Hội Cứu tế Chiến tranh Phụ nữ Trung Quốc, nơi Hương Quý đang làm việc.

Mộc Hoa nói rằng bà và gia đình phải sớm trở về nhà, vì mẹ già của Lập Phu đang ở một mình và Tô Châu thì không an toàn. Bà nói chuyện với Hương Quý trong ngày. Con trai út của Mộc Hoa cùng tuổi với con gái út của Hương Quý, cả hai đều mười một tuổi. Hương Quý không có con trai và rất thích đưa con trai út của Mộc Hoa, và bà đề nghị nhận nhau làm con nuôi. Nhưng Mộc Hoa nói, «Không cần phải trao đổi. Chúng là anh em họ *kupiao*. Hãy coi đó là một lời cầu hôn từ phía chúng tôi. Chị đưa con gái cho tôi làm con dâu.»

Hương Quý mỉm cười đồng ý. Điều này được nói khi cả hai người chồng, A Phi và Lập Phu, đều nghe thấy.

Ngày hôm sau, Mộc Lan cũng dự định trở về Hàng Châu cùng chồng và A Mỹ. Mộc Hoa và Lập Phu sẽ đón tàu đi Tô Châu từ một điểm vượt quá Chenju, và các chị em và anh em rể nói lời tạm biệt. Họ không thể biết rằng họ sẽ không gặp lại nhau trong một thời gian rất dài. Mộc Lan cũng nói lời tạm biệt với Hương Quý và Đạm Hương, tin rằng bà sẽ trở lại Thượng Hải để gặp A Đồng khi nó được nghỉ phép.

Vào lúc bảy giờ rưỡi sáng ngày 8 tháng 9 năm 1937, Mộc Lan cùng Tôn Á và A Mỹ đến Ga Jessfield để đón chuyến tàu của họ. Đó là một ngày sương mù, và tâm trí họ cũng u ám. Mộc Lan không nhận được

thêm tin tức gì từ A Đồng. Đã có một đám đông người khổng lồ đang chờ đợi, với những đồng hành lý lớn. Một số người tị nạn được cho là đã đến nhà ga ngày hôm trước và ngủ ngoài trời, chờ đợi cơ hội lên tàu. Trẻ con nằm trên rương và hòm, và một số nằm bên cạnh con đường dẫn đến sân ga. Cảnh sát Trung Quốc và Khu định cư Quốc tế phối hợp để duy trì trật tự.

May mắn là Tôn Á và Mộc Lan không có nhiều hành lý, và A Mỹ chỉ mang theo hai vali nhỏ từ Nam Kinh vì tàu quá đông. Tôn Á đưa hai đô-la tiền boa cho một người khuân vác, người này hứa sẽ kiếm ít nhất hai chỗ ngồi cho họ.

Đám đông chen lấn và hích

khuyết tay, nhưng cuối cùng họ cũng lên được một toa hạng nhì, ba người chia nhau hai chỗ ngồi. Ngay cả chỗ đứng cũng đã kín. Đối diện họ ngồi một người Trung Quốc giàu có mặc trang phục Tây bằng vải xéc đơ trắng, và một cậu bé mười ba tuổi. Người cha trông khoảng ba mươi lăm tuổi; tóc anh ta bóng mượt và rẽ ngôi giữa, đeo kính và liên tục khịt mũi, tỏ ra rất lịch lãm, điềm tĩnh và hài lòng với bản thân. Cậu bé, gọi anh ta là «Cha», cũng mặc áo khoác và quần đùi Tây.

Một ông lão làm ăn trông nhờn nhọt đang đứng ở lối đi gần đó. Đoàn tàu chuyển bánh, để lại đám đông trên sân ga dường như vẫn đông như trước. Khi toa tàu giật

mạnh đột ngột dừng lại ở Long Hoa, ông lão đu đưa dữ dội và ngã đè vào cậu bé mặc đồ Tây.

“Mày không có mắt à?” người đàn ông kêu lên. Ông lão xin lỗi.

Đoàn tàu lại khởi hành với một cái giạt khác. Ông lão lão đảo, nhưng bằng cách nào đó cố gắng giữ thăng bằng. Rút rè, và như thể hy vọng không bị chú ý, ông bắt đầu ngồi lên tay vịn gần chỗ cậu bé. Người đàn ông mặc đồ Tây nhìn ông, lấy khăn tay ra, và che mũi một cách ghê tởm.

Rồi ông lão lên tiếng. “Xin anh, làm ơn cho tôi mượn một chỗ ngồi? Tôi là người già.”

“Sao không đến sớm? Người

Trung Quốc không biết phép lịch sự.

Giả sử một người ngoại quốc thấy ông ngồi trên tay vịn; họ sẽ trở về nước ngoài và nói người Trung Quốc bẩn thỉu và hỗn loạn.”

Máu Mộc Lan sôi lên.

“Vào những lúc như thế này,” bà nói, rõ ràng là với người thanh niên trẻ, “*Chiang-chiu hsieh*,” nghĩa là “đừng đòi hỏi quá nhiều.”

Mộc Lan đang đeo một cặp kính râm vì mắt bà sưng húp, và người thanh niên trẻ không thể biết bà có đang nhìn mình hay không. Anh ta cầm lên một tờ báo buổi sáng tiếng Anh, và lập tức như được chuyển đến một vùng đất an toàn

và cao vời vợi phía trên loài người hôi hám.

Điều này không báo hiệu một cuộc hành trình có bạn đồng hành vui vẻ. Mộc Lan ngả lưng vào im lặng. Giờ thì ông lão có lẽ có vẻ không hợp lý - tùy vào cách người ta nhìn nhận. Ông có một đứa cháu trai năm hoặc sáu tuổi đang than phiền vì phải đứng. Ông đẩy cậu bé vào một chỗ ngồi cạnh cậu bé mặc đồ Tây.

“Giải thích thế này sao?” người thanh niên đeo kính nói. “Ông không thấy quy định sao? ‘Hai người ngồi mỗi hàng.’”

“Làm ơn,” ông lão cầu xin. “Nó không thể đứng suốt chặng đường được.”

Giờ thì con trai của người thanh niên thực ra không phản đối, nhưng cha nó kéo nó lại gần hơn, để nó không bị ô nhiễm.

“Cái gì thế này?” Mộc Lan nói.
«A Mỹ, con sang bên kia, và để cậu bé sang bên chúng ta.»

Người thanh niên ngẩng lên ngạc nhiên.

«Cảm ơn,» anh ta nói bằng tiếng Anh.

A Mỹ bước sang và ngồi giữa cậu bé và ông lão trên tay vịn của ghế. Cô ra hiệu kín đáo cho mẹ rằng ông lão có mùi. Đứa trẻ của ông lão bước sang ngồi ở phía trong cạnh Tôn Á.

Giờ thì bầu trời bắt đầu tối dần, và có một cơn mưa nhẹ lất phất. Bên ngoài cửa sổ, những cánh đồng xanh và vàng, với hàng dặm hoa cải dầu, vẫn nằm thanh bình và tươi đẹp trong ngày tháng Chín sương mù.

Cơn mưa ngừng khi đoàn tàu vào Ga Tùng Giang. Một lần nữa lại có đám đông ùa quanh đoàn tàu.

Đầu máy đã được tách ra và sắp đến để đẩy đoàn tàu từ phía sau, vì sau này không thể quay đầu được.

Người thanh niên mặc đồ Tây đang ăn một cái sandwich được gói rất sạch sẽ. Anh ta bảo con trai rằng giấy gói đã được khử trùng. Tôn Á lấy xuống một gói táo và bánh ngọt và mở ra.

Thấy đứa trẻ bên cạnh mình rõ ràng đang rất đói, ông đưa cho nó một quả táo. Ai đó hét lên: «Máy bay!»

Người thanh niên vừa cắn vào sandwich thì nghe thấy tiếng này và chiếc sandwich rơi khỏi tay. Ngay lập tức hỗn loạn xảy ra. Mọi người cố gắng ụa ra khỏi đoàn tàu đang đỗ, với hoặc không với hành lý. Một số nhảy xuống qua cửa sổ. Tiếng khóc trẻ con hòa lẫn với tiếng la hét của phụ nữ và tiếng hò hét của đàn ông.

Tiếng vo ve của máy bay trở nên to hơn. Người thanh niên túm lấy con trai, lao khỏi chỗ ngồi, trông rất tái mét, chửi bới và hét lên, “My God!” bằng tiếng Anh. Ông lão

và cháu trai biến mất. Trong nháy mắt, toa tàu gần như trống rỗng, chỉ còn năm sáu người trong đó ngoài gia đình Mộc Lan.

Giờ thì Mộc Lan vốn bản tính nhanh nhẹn, còn Tôn Á vốn bản tính chậm rãi.

“Chúng ta sẽ làm gì đây?” Mộc Lan hét lên.

Với sức mạnh khác thường, bà kéo tấm chắn cửa sổ bên phải lên.

«Sang đây,» bà hét với A Mỹ. «Cúi xuống!» A Mỹ cúi rạp xuống sàn toa tàu.

Bà vừa nói xong thì họ nghe thấy một tiếng «zzzzz ... boom!» Toa tàu suýt nháy khỏi đường ray. Kính, đèn, mảnh vỡ, quạt điện bay

tứ tung. Súng máy tạo ra một âm thanh lách cách quỷ quái trong không trung. Một tiếng hú điên cuồng vang lên từ những người tị nạn bên ngoài. Một người đàn ông ở đầu xa của toa tàu hét lên rằng ông ta bị giết rồi.

Tiếng vo ve của máy bay trở nên nhỏ dần và súng máy ngừng bắn. Chỉ còn nghe thấy tiếng kêu la của con người bên ngoài.

Có một khoảng lặng. May mắn thay, gia đình Mộc Lan đã thoát nạn không hề hấn gì.

«Kéo tấm chăn kia lên!» Mộc Lan nói. «Chúng ta sẽ chết ở đây hay ở ngoài kia - cũng như nhau thôi.»

Tôn Á kéo các tấm chắn lên, và bắt đầu xếp vali lên bên phải và bên trái chỗ ngồi của họ.

«Trốn xuống dưới cho đến khi qua hết,» ông nói. «Nếu một quả bom trúng chúng ta từ trên cao, chúng ta sẽ chết cùng nhau. Nhưng nếu mảnh đạn và đạn súng từ bên ngoài bay vào, chúng ta có cơ hội.»

Chẳng mấy chốc, tiếng la hét bên ngoài lại vang lên, và rồi tiếng vo ve của máy bay quay trở lại.

Tôn Á cúi rạp xuống ở phía lối đi chính giữa, còn A Mỹ và Mộc Lan co rúm gần như nằm sát dưới chỗ ngồi của họ; A Mỹ khóc vì sợ hãi. Họ kéo những chiếc vali qua đầu mình. Một tiếng nổ kinh hoàng vang lên, rung chuyển cả đoàn tàu.

Rõ ràng là toa phía trước hoặc phía sau đã bị trúng. Rồi tiếp theo là tiếng lách cách quỷ quái của súng máy trên không. Những người tị nạn bên ngoài đang bị tàn sát từ trên cao như lợn.

Một quả bom khác trúng. Tôn Á thấy một phần của một cẳng chân người bay qua cửa sổ và hạ xuống lối đi. Bằng cách nào đó nó tựa thẳng đứng vào một chỗ ngồi với máu chảy xuống sàn. Ông nhắm mắt lại, buồn nôn.

Lại một tiếng nổ lớn khác với tiếng kim loại loảng xoảng như thể bồn nước gần đó đã bị trúng.

Sau đó, tiếng vo ve dần dần tắt hẳn, và họ nghe thấy người bên ngoài nói rằng máy bay đã đi rồi.

Với một cảm giác kỳ diệu khó tả về sự may mắn, Tôn Á nói với Mộc Lan, «Chúng đi rồi. Em nằm yên đó. Anh sẽ đi xem xét xung quanh.»

Ông đứng dậy. Một người phụ nữ ở cuối toa tàu, chân đã bị thối bay, đang khóc, «Quan Âm Bồ Tát, Vị cứu thế của những người khổ đau và bất hạnh!»

Ông nhìn ra ngoài cửa sổ. Trong nhà ga và trên cánh đồng, xác người nằm la liệt khắp nơi, và những người bị thương nhẹ đi lang thang, choáng váng, cố gắng tìm gia đình và thu nhặt hành lý.

«Ổn rồi. Chúng ta an toàn rồi,» ông nói, và di chuyển những chiếc vali vốn là tấm chắn bảo vệ của họ.

Mộc Lan đứng dậy cùng A Mỹ. Một vệt ướn lớn trên ống quần phải của bà, nơi đầu A Mỹ đã nằm, ướn sưng hoàn toàn. A Mỹ vẫn còn run rẩy.

“Điều tồi tệ nhất đã qua, và chúng ta may mắn,” Tôn Á nói.

Họ rời toa tàu, mang theo tất cả hành lý.

“Cứu mạng tôi, những người tốt ơi,” tiếng người phụ nữ lại vang lên. “Quan Âm Bồ Tát sẽ ban phước lành cho các vị.”

Tôn Á nói chuyện với người phụ nữ bị thương và hứa sẽ gửi người đến giúp bà.

Bên ngoài, nhà ga như một lò mổ ngoài trời. Cuộc tàn sát học sinh

năm 1926 chỉ là trò trẻ con so với cảnh tượng này. Như các báo đưa tin sau đó, có bốn trăm người chết và ba trăm người bị thương, tất cả đều là dân tị nạn rời khỏi Thượng Hải. Chỉ khoảng năm mươi người thoát nạn không bị thương. Mười một máy bay đã không kích những người tị nạn và mười bảy quả bom đã được thả.

Một xe cứu thương giờ đã đến - quá thiếu so với thảm họa khủng khiếp này. Hai toa ở phía sau đoàn tàu đang cháy, bốc lên những cột khói lười biếng lơ lửng trong bầu trời tháng Chín xám xịt. Tôn Á đã mang sự hỗ trợ đến cho người phụ nữ bị thương trong xe và giúp đưa bà ra xe cứu thương. Nhưng chẳng

còn có thể làm được gì nhiều cho những người bị thương.

Trên con đường quê phía ngoài nhà ga, họ nhìn thấy người thanh niên mặc trang phục ngoại quốc nằm sấp xuống, nửa người chìm trong một cái ao, bộ đồ serge trắng của anh ta lấm đốm nước, máu và bùn.

Sau nhiều khó khăn lo âu, họ đến được Gia Hưng và nghỉ đêm ở đó. Hôm sau họ tiếp tục đi Hàng Châu bằng một chiếc ô tô thuê.

*

Càng suy ngẫm về hiểm nguy họ vừa trải qua, Mộc Lan càng kinh ngạc về sự thoát nạn kỳ diệu của họ. Cô khó có thể tin rằng họ còn

sống và an toàn trong nhà mình. Và ngày sau khi trở về, họ nhận được một bức thư từ A Đồng, làm vui đi rất nhiều nỗi lo lắng gây ra bởi giấc mơ của cô. Từ đó về sau, A Đồng hầu như ngày nào cũng viết thư, và cô sống vì những lá thư từ tiền tuyến gửi về.

Trải nghiệm về chuyến đi tàu này đã thay đổi hoàn toàn những kế hoạch cho tương lai. Cô có lẽ sẽ không thể đi gặp con trai lần nữa, ngay cả khi nó trở về Thượng Hải nghỉ phép. Và nó cũng sẽ không thể đến Hàng Châu.

Tương lai phía trước thế nào cô không biết. Hàng Châu có vẻ tạm thời an toàn. Mặc dù thành phố có bị ném bom từ trên không, nhưng

chỉ nhằm tạo hiệu ứng. Trong khi nhiều cư dân đã bắt đầu di chuyển vào nội địa, cuộc sống thành phố vẫn tiếp diễn như thường lệ. Tôn Á nhờ Tào Trọng và con trai ông đào một hầm trú ẩn dưới lòng đất dưới tòa nhà phía sau.

Đầu tháng Mười, A Phi gửi cho cô một bức thư dài từ A Tuyên, mô tả thảm họa đã xảy đến với Mận Nhi và gia đình chị. Lá thư được gửi cho cả A Phi lẫn Mộc Lan. Khi đọc mô tả về cái chết của Mận Nhi và gia đình chị, cô dừng lại để khóc rồi đọc tiếp và khóc nữa cho đến dòng cuối cùng. Lá thư ướt đẫm nước mắt cô. Cô ngả lưng vào ghế, choáng váng, và lá thư rơi từ tay cô xuống sàn. Tôn Á bước vào và trông thấy cô.

“Sao thế, Người lập dị?” anh kêu lên, hoảng sợ.

Mộc Lan chỉ vào bức thư. Cô không thể nói nên lời. Nhưng cô đứng dậy, bước đi nặng nề, đi vào phòng ngủ và lao mình lên giường khóc nức nở như một kẻ bị đánh gục. Cô nằm đó suốt cả buổi chiều, và dù Tôn Á đến an ủi, cô cũng không thể nguôi ngoai.

Tối hôm đó, lúc nửa đêm, cô tỉnh dậy, thắp đèn, đi đến hộp đồ trang điểm và lấy ra quả đào ngọc mà chị kết nghĩa đã tặng cô tại nhà họ Tăng ở Sơn Đông. Và cô đeo nó sát ngực rồi lại đi ngủ. Hôm sau cô cài thêm một chiếc nơ len màu xanh lam lên tóc để tưởng nhớ Mận Nhi, như một vật tượng niệm.

Và trong nhiều ngày sau đó, cô giữ im lặng, chỉ nói khi bắt buộc.

Ngày 27 tháng Mười, sau bảy mươi sáu ngày kháng cự anh dũng, lấy xương thịt đối đầu với pháo binh và máy bay ưu việt hơn, Quân đội Trung Hoa bắt đầu rút lui, và những người anh em họ ở tiền tuyến đang di chuyển về phía bắc cùng ban tham mưu.

Mộc Hoa đã chuyển gia đình đến Nam Kinh để ở gần chồng. Những trận oanh tạc dồn dập đã khiến Tô Châu không thể ở được và thành phố này lại nằm trong tuyến phòng thủ mới, chắc chắn sẽ phải hứng chịu nhiều bom đạn hơn. Đến ngày 20 tháng Mười một, Chính

Phó Trung Hoa quyết định dời đô lên thượng du Trường Giang và ra lệnh tất cả quan chức không liên quan đến phòng thủ quân sự phải đưa gia đình đến Trùng Khánh, Hán Khẩu và Trường Sa. Việc di tản dân chúng bắt đầu. Một cuộc di cư khổng lồ đang diễn ra ngược dòng sông bằng mọi phương tiện vận chuyển có thể tưởng tượng được, chạy trốn khỏi đoàn quân Nhật đang tiến đến như chưa từng chạy trốn khỏi một cơn dịch tễ tệ nhất. Chưa có dân số nào trong lịch sử thế giới chạy trốn khỏi một đội quân xâm lược như người Trung Hoa chạy trốn khỏi người Nhật. Đó là khởi đầu của một trong những cuộc di cư vĩ đại nhất trong lịch sử thế giới.

Ngày hai mươi ba, Mộc Lan nhận được thư từ em gái nói rằng cô và Lập Phu cùng các con sẽ rời Nam Kinh trong một tuần nữa để đến Trùng Khánh. Mộc Lan nhận ra rằng cô sẽ không gặp họ trong một thời gian dài, và tin tức họ sắp đi vào nội địa khiến cô suy nghĩ. Hàng Châu rồi sẽ ra sao?

Thư từ con trai ở tiền tuyến vẫn gửi về, dù qua những đường vòng. A Mỹ vẫn giữ liên lạc thư từ với cô Cunningham, thông qua một hệ thống thư tín ngoại quốc đặc biệt; và do đó một số thư của A Đồng được gửi nhờ cô Cunningham và chuyển tiếp cho một cô Scranton của Trường Nữ Sinh Liên Hiệp ở Hàng Châu. Bằng cách này, A

Mỹ cũng bắt đầu làm quen với cô Scranton.

Miễn là thư từ vẫn đến, Mộc Lan không thể quyết định chạy vào nội địa. Hàng Châu cung cấp những lộ trình dễ dàng để thoát vào mọi điểm của nội địa. Hơn nữa, bản chất thật sự của Quân đội Nhật Bản vẫn chưa bị phơi bày, và những người bạn truyền giáo ngoại quốc của A Mỹ vẫn nói về niềm tin của họ vào kỷ luật của Quân đội Nhật Bản, và không tin vào những câu chuyện từ Hoa Bắc về tội ác của quân Nhật.

Mộc Lan sống từng ngày, chờ đợi những lá thư từ con trai. Theo như cô có thể thấy, không có cơ hội nào để cô gặp nó cho đến khi chiến tranh kết thúc, hoặc cho đến

khi nó được chuyển vào nội địa. Cô đã cảm thấy mình là một người mẹ mất con, và giờ đây cô bắt đầu hiểu được sự chờ đợi của Trần Ma đối với đứa con trai trở về, với nỗi khát khao dường như mãi mãi là một phần cuộc đời người mẹ.

Khi nghĩ về Trần Ma, cô cũng nghĩ về con trai bà, Trần Tam. Và đối với cô, dường như cuộc sống vẫn luôn như vậy, từ buổi đầu của thế giới, và cô cố gắng rút ra một sự an ủi nào đó từ triết lý Đạo giáo của cha mình.

Bởi giờ đây cô thấy mình trong mùa thu của cuộc đời, trong khi đó là mùa xuân của con trai cô. Bài ca của những chiếc lá mùa thu chứa đựng trong chính nó lời ru của

mùa xuân sắp đến và giai điệu trọn vẹn của mùa hè tiếp theo. Cũng như vậy, hai lực lượng song hành của Đạo thịnh và suy trong sự luân phiên của các chu kỳ lên xuống, đan chéo vào nhau. Theo nghĩa đích thực, mùa hè bắt đầu không phải từ xuân phân, mà là từ đông chí, khi những ngày bắt đầu dài ra và lực âm bắt đầu suy giảm; và mùa đông bắt đầu từ hạ chí, khi những ngày bắt đầu ngắn lại và lực dương bắt đầu suy giảm nhường chỗ cho âm. Cuộc sống con người cũng vậy, diễn ra theo các chu kỳ thanh xuân, trưởng thành và suy tàn. Trần Ma đã qua đi, nhưng Trần Tam đang ở độ trưởng thành trọn vẹn của một người đàn ông. Mạn Nhi cũng đã ra đi, nhưng A Tuyên vẫn tiếp tục sống. Khi Mộc Lan cảm thấy cuộc

đời mình bước vào giai đoạn mùa thu, cô cũng cảm nhận sống động ý thức về sự sống và tuổi trẻ đang vươn lên trong A Đồng.

Và, khi nhìn lại gần năm thập kỷ cuộc đời mình, cô cảm thấy điều này cũng đúng với Trung Hoa. Những chiếc lá già rơi rụng từng chiếc một, và những chồi non mới vươn lên, mạnh mẽ và đầy hi vọng.

Những suy ngẫm này khiến Mộc Lan kiên nhẫn hơn, cam chịu hơn, và khi tháng ngày trôi qua, lòng can đảm của cô trở lại. Chồng cô nhận thấy khuôn mặt cô đã thay đổi, và cô trông dịu dàng hơn, dù cũng buồn hơn và già hơn. Cô đã mất đi nỗi sợ cái chết hay bất cứ điều gì có thể xảy đến với bản thân.

Quân Nhật tiến vào Nam Kinh ngày 13 tháng Mười hai, và vấy lên mình sự ô nhục khiến lương tri thế giới phẫn nộ. Khi họ đã buông thả bản thân đến mức không còn khả năng tiến xa hơn nữa, quân Nhật dừng lại để lấy hơi, trong một khoảng thời gian vài tháng.

Khu vực phía nam Thượng Hải ở phía bắc Vịnh Hàng Châu, đã nằm dưới sự chiếm đóng của họ từ cuối tháng Mười. Có vẻ như việc tiến vào Hàng Châu là hợp lý và dễ dàng, vì Hàng Châu nằm ở mũi phía bắc của tỉnh, chiến lược kiểm soát một mạng lưới đường ô tô cao tốc và một tuyến đường sắt vào nội địa ở phía nam, tây và tây nam.

Mộc Lan vẫn trong trạng thái tâm trí uể oải và cam chịu, không quan tâm lắm đến chuyện gì sẽ xảy ra, thì những tin đồn bắt đầu lan truyền nhanh chóng rằng quân Trung Hoa sắp di tản và bỏ thành phố. Không ai biết nên tin vào đâu cho đến ngày 22 tháng Mười hai, cây cầu thép lớn bắc qua sông Tiền Đường và nhà máy điện mà Hàng Châu từng rất tự hào, bị đánh sập. Quân Trung Hoa rút lui đang thực hiện chính sách «tiêu thổ kháng chiến» của họ, không để lại gì cho quân địch khai thác vì lợi thế của chúng. Cuộc rút lui được thực hiện tốt, và tất cả các con đường và cây cầu quanh thành phố đều bị phá hủy.

Nhưng Hàng Châu, thành phố hồ, một lần nữa được ưu ái như Bắc Kinh đã từng. Sự tàn phá ở đây không giống như những gì đã xảy ra với Tô Châu, Vô Tích và Nam Kinh. Không có trận chiến nào diễn ra ở đây, và không có lý do gì để trông đợi sự tàn phá lớn sau khi quân Nhật chiếm đóng, vì thành phố đã bị bỏ ngỏ không phòng thủ.

Ngày 24 tháng Mười hai, quân Nhật đến! Lính tráng lẻ tẻ đi từng hai, ba người, mệt mỏi và chán chường chiến tranh, lén vào các con phố, không có bất kỳ trật tự hay đề phòng quân sự nào, biết rằng không có binh lính Trung Hoa trong thành phố. Họ trông lơ đãng và đói khát sau những ngày hành quân, và lang thang vô mục đích

để tìm kiếm thức ăn.

Đây là cơ hội lớn để Quân đội Nhật Bản chứng minh kỷ luật và khả năng bảo vệ người vô tội và để người dân tiếp tục cuộc sống bình thường dưới sự cai trị của họ.

Thoạt đầu, người dân không quá sợ hãi quân chiếm đóng. Một Lan trong ngôi nhà của mình trên núi Thành Hoàng, có thể nghe thấy tiếng hát trong tu viện Công giáo La Mã vào buổi sáng Giáng sinh.

Sau đó, những điều xấu xa bắt đầu xảy ra. Những người phụ nữ hoảng sợ bắt đầu tìm kiếm nơi trú ẩn trong các trường học, bệnh viện nước ngoài và tu viện. Hai trong số những khuôn viên truyền giáo lớn nhất vốn định tiếp nhận tối đa

một nghìn phụ nữ và trẻ em tị nạn, giờ buộc phải nhận hai nghìn năm trăm người mỗi nơi. Hành lang, hiên, chân cầu thang, mọi khoảng trống mà một con người thậm chí có thể ngồi lên, đều bị chiếm chỗ.

Một bác sĩ cư trú người Mỹ đã viết, năm tuần sau khi chiếm đóng, “Tôi nghi ngờ liệu có một cửa hàng hay ngôi nhà nào ở bất cứ đâu không bị quấy rầy... Khắp nơi, nỗi kinh hoàng rảo bước qua vùng đất, và những câu chuyện chúng tôi đã bác bỏ trước các bạn Trung Hoa của mình trước khi quân Nhật chiếm đóng giờ chúng tôi chỉ có thể đau buồn thừa nhận rằng không mô tả đầy đủ được những nỗi kinh hoàng thực sự trải nghiệm... giờ đây, năm tuần sau chiếm đóng, người ta khó

có thể đi bất cứ đâu trong thành phố mà không thấy cướp bóc công khai được thực hiện bởi binh lính mà không có bất kỳ nỗ lực can thiệp rõ ràng nào của chính quyền, và thậm chí giờ đây hầu như không nơi nào người phụ nữ được an toàn.”

Đó là câu chuyện đơn điệu gây sốc về lòng tham và dục vọng. Mộc Lan đã đúng: «Tử vận» của người Nhật không thể thay đổi.

Ngon đồi là một điểm cao khổng lồ chế tầm nhìn ra hồ và sông, một số lính gác Nhật ở gần nhà Mộc Lan một cách khó chịu. A Mỹ quen cô Scranton, nhưng trường học của cô ấy khá xa; mặt khác, Tu viện Công giáo ở ngay trong khu vực lân cận của họ trên đồi. Cô Scranton

viết một bức thư cho Bề trên của tu viện, yêu cầu bà tiếp nhận Mộc Lan, con gái và một người hầu gái để trú ẩn.

Vì vậy, ngày 26 tháng Mười hai, Mộc Lan cùng A Mỹ và Cẩm Diệp vào tu viện. Đàn ông không được nhận, và sự chia ly thật khó khăn, nhưng Tôn Á cảm thấy nhẹ nhõm rất nhiều; và, không sợ bất cứ điều gì cho bản thân, anh trở về nhà cùng Tào Trọng và Tiểu Bính.

Sáng ngày 27 tháng Mười hai, A Mỹ ra vườn tu viện đi dạo sau bữa sáng. Mẹ cô đang ở trong nhà nguyện, xem lễ buổi sáng. Buổi sáng sáng sủa, cô gái đi càng lúc càng xa, không ý thức được bất kỳ nguy hiểm nào.

Đột nhiên cô thấy một cái đầu nhìn qua tường khuôn viên từ một cái cây cách khoảng mười lăm bộ. Rõ ràng đó là một tên lính Nhật, vì hấn đội mũ quân đội.

A Mỹ hét lên và bỏ chạy. Tên Nhật nhảy qua tường và bắt đầu đuổi theo cô. Con đường quanh co, và khi cô chạy vòng qua một lối đi, tên lính xuất hiện từ phía bên kia. Hấn suýt bắt được cô, chỉ cách vài bước chân.

A Mỹ chạy bằng tất cả năng lượng từ dòng sữa mẹ, lên các bậc thang vòng qua một bụi cây. Tên Nhật vấp ngã trên các bậc thang, nhưng hấn lại đến gần cô lần nữa.

“Cứu với! Cứu với!” cô kêu lên.

Nhưng người lính Nhật đã chộp lấy cô và đang hôn cô một cách cưỡng bức. Giờ họ đang ở sân trên, gần nhà nguyện nơi các nữ tu đang đọc kinh sáng. Mộc Lan đang quan sát các nghi lễ xa lạ và cử chỉ của Mẹ Bề Trên, trong khi tâm trí cố gắng thu xếp lại những biến cố bất ngờ và rối ren vừa xảy ra trong gia đình và sắp xếp chúng thành một trật tự nào đó. Cô được nuôi dạy tách biệt khỏi việc thờ cúng Phật giáo và những tín ngưỡng Phật giáo phổ thông, mà mẹ cô cũng như hầu hết phụ nữ đều chia sẻ. Nhưng giờ đây, cô bị ấn tượng bởi cách thờ phụng ngoại lai này dành cho một vị thần ngoại quốc, vừa khác biệt, vừa giống với cách thờ cúng của người Trung Quốc. Những sự việc bi thảm của vài

tháng qua đã đưa cô đến gần hơn với Cái Vô Danh Vĩ Đại ấy, mà cha cô gọi là Đạo không thể gọi tên, nhưng bản thân cô chỉ coi là Định Mệnh. Giờ đây, như trước kia, mỗi khi nghĩ về Đạo, cô lại nghĩ về cha mình. Tiếng tụng niệm đặc biệt của các nữ tu và khuôn mặt trắng trong thuần khiết của họ khiến cô xúc động lạ thường. Mắt cô ướm lệ và cô cảm thấy mình đang đối diện với Sự Vĩnh Hằng.

Đột nhiên, cô bị giật mình khỏi cơn mơ mộng sâu xa ấy bởi tiếng kêu cứu của A Mỹ, và cô cũng hét lên. Mẹ Bề Trên ngừng ngay nghi lễ, ra lệnh cho một số nữ tu ra ngoài xem có chuyện gì, rồi tiếp tục cầu nguyện.

Mộc Lan lập tức lao ra ngoài và bốn năm chị em nữ tu đi theo cô. Họ thấy A Mỹ trong vòng tay của tên lính Nhật, giật tóc hăn và đánh hăn một cách vô vọng. Mộc Lan xông vào tên lính và cắn vào cánh tay vẫn đang giữ con gái cô. Buông cô gái ra, tên lính quay lại đâm một cú vào đầu Mộc Lan. Mộc Lan loạng choạng vì cú đánh. A Mỹ, vẫn la hét, cố gánh trả. Nhưng khi thấy những người ngoại quốc da trắng xuất hiện, tên lính Nhật nhanh chóng nhưng bình tĩnh bỏ đi, để lại mẹ con cô ôm nhau khóc lóc, tóc tai rũ rượi.

Các nữ tu tiến lại gần và tìm cách an ủi mẹ con cô, lắm bầm

những âm tiết dịu dàng, ngọt ngào bằng tiếng Pháp mà họ không hiểu. Giờ đây, trong suốt cuộc đời mình, Mộc Lan chưa bao giờ bị đánh bởi đàn ông, đàn bà hay thậm chí một con thú. Phần nộ, sợ hãi và nhục nhã vì cuộc tấn công vào con gái và bản thân mình, vừa khóc cô vừa nguyên rủa: “Lũ yêu tinh lùn tam đảo! Các người sẽ không chết tốt lành đâu!” A Mỹ đang giận dữ lau chỗ trên mặt nơi nó bị hôn, như thể muốn lau sạch cả da thịt đi vậy.

Lúc này, bài cầu nguyện đã vội vã kết thúc, các nữ tu đã ra sân, và Mẹ Bề Trên dẫn tất cả họ vào nhà nguyện một lần nữa. Mẹ Bề Trên là người thấp bé nhưng giọng nói lớn, và bên dưới vẻ ngoài dịu dàng, bà có sức mạnh nội tâm to lớn. Bà

tức giận. Bà ôm A Mỹ vào lòng và nói lời an ủi cô bằng tiếng Trung. Mặc dù nguy hiểm đã qua, A Mỹ lại càng rên rỉ và run rẩy hơn, và môi cô run run như Mận Nhi từng làm. Một nữ tu người Trung Quốc tiến đến và bắt đầu nói chuyện với mẹ con cô bằng tiếng Trung, và dần dần tiếng khóc của A Mỹ lắng xuống.

Chưa đầy mười phút sau, tên lính Nhật đó trở lại với bốn tên khác và lần này đòi gặp Mẹ Bề Trên.

“Các người muốn gì?” Bà Trù phụ quát vào mặt họ.

“Chúng tôi phải lục soát nơi này tìm cộng sản và phụ nữ chống Nhật. Nơi này đầy bọn chúng,” một tên nói.

“Các người không được phép,”
Mẹ Bề Trên trả lời một cách kiên
quyết.

Có ba bốn mươi phụ nữ trong
nhà nguyện nhỏ này và khi thấy
lính Nhật, họ bắt đầu vội vã đi vào
các phòng bên trong. Tên lính Nhật
đã hôn A Mỹ giờ thấy cô và Mộc
Lan và nói: “Họ kia kìa - lũ cộng
sản chống Nhật!” Hắn xắn tay áo
lên, nói: “Con mụ đó cần tao. Đó là
sự xúc phạm đến Hoàng đế Nhật
Bản. Nó phải bị trừng phạt.”

“Các người không được bắt
bà ấy!” Mẹ Bề Trên nói, làm dấu
thánh giá và bắt đầu lẩm bầm lời
cầu nguyện.

Tên lính Nhật tát vào mặt bà.
Nhận ra tình thế vô vọng, Mẹ Bề

Trên liền bỏ đi và không thêm lời nào, gọi bằng tiếng Pháp cho các nữ tu dẫn các phụ nữ Trung Quốc ra cửa sau nhà nguyện và khóa cửa lại, trong khi bản thân bà bước ra cửa trước và khóa nó từ bên ngoài. Vậy là, những tên lính Nhật bị nhốt trong nhà nguyện trước khi chúng kịp nhận ra.

Mẹ Bề Trên gọi điện đến Bệnh viện Truyền giáo Mỹ và yêu cầu giúp đỡ. Vài phút sau, một bác sĩ người Mỹ đến cùng một sĩ quan Nhật tình cờ đang thăm bệnh viện. Mẹ Bề Trên kể lại câu chuyện và dẫn họ vào, giờ có vài nữ tu đi theo. Viên sĩ quan chất vấn binh lính và chúng trả lời bằng tiếng Nhật, trong khi tên lính Nhật đầu tiên lại xắn tay áo lên để chỉ chỗ bị

cẩn. Thật ngạc nhiên, viên sĩ quan tát vào mặt tên lính mà không nói gì, rồi quay sang Mẹ Bề Trên.

“Người phụ nữ đó và con gái cô ta đâu?” hắn nói bằng tiếng Trung tồi. “Tôi muốn gặp họ.”

Mẹ Bề Trên đi vào và dẫn Mộc Lan và A Mỹ ra gặp viên sĩ quan. Hắn bị ấn tượng bởi vẻ đẹp của họ và liếc nhìn tên lính đang tố cáo với ánh mắt nghiêm khắc, hắn rõ ràng đã nói với hắn rằng chúng đang lòng tìm cộng sản.

Cuộc nói chuyện tiếp diễn bằng việc A Mỹ và Mẹ Bề Trên nói tiếng Anh tạm được với bác sĩ người Mỹ, và bác sĩ người Mỹ nhắc lại tiếng Anh cho viên sĩ quan Nhật. A Mỹ kể câu chuyện của mình và người

Mỹ chuyển lời cho viên sĩ quan Nhật. Viên sĩ quan có vẻ là người tốt và hiểu chuyện, nhưng hẳn vẫn cố gắng duy trì phẩm giá của Quân đội Nhật và hẳn hỏi một câu hỏi.

“Viên sĩ quan hỏi các người có phải là cộng sản chống Nhật không,” bác sĩ người Mỹ nói.

“Tôi ghét chúng!” A Mỹ nói, nhưng Mộc Lan nói: «Chúng tôi không phải là cộng sản, nhưng tôi chống Nhật kể từ khi tên lính đó tấn công con gái tôi.»

“Cô đang tức giận,” viên sĩ quan nói thẳng với Mộc Lan.

Mộc Lan hiểu từ “angry” (tức giận) trong tiếng Anh, mặc dù người Nhật nói là “arn-gli”. Giờ

cô nói với bác sĩ người Mỹ, người hoàn toàn hiểu tiếng Trung:

“Ông có thể giải thích với viên sĩ quan rằng đừng mong đợi điều không thể được không? Hẳn buộc tội tôi là đang tức giận, và quả thực tôi đang tức giận. Hãy nói với hẳn đừng có như Vô Diệm.”

“Vô Diệm là ai?” người Mỹ hỏi.

“Bà ấy là người phụ nữ xấu xí nhất Trung Quốc cổ đại. Tên bà là Vô Diệm - tiếng Anh là ‘No Salt’. Người Vô Diệm này đã đến gặp nhà vua và đòi nhà vua cưới bà và yêu bà. Lẽ ra bà ta nên có nhiều tự biết mình hơn.”

Người Mỹ mỉm cười và không nghĩ là khôn ngoan khi dịch lại sự

so sánh đó. Nhưng viên sĩ quan đã nghe thấy từ “No Salt” trong tiếng Anh, và hỏi người Mỹ cô ta đã nói gì về Vô Diệm và người Mỹ chỉ nói: “Cô ấy nói rằng Vô Diệm rất đáng thương. Bà ta xấu xí và không ai yêu.”

Người Mỹ cười và viên sĩ quan cũng cười để tỏ ra rằng hắn đánh giá cao điển tích cổ, mặc dù hắn hoàn toàn không hiểu ý. Hắn nghĩ cô ta muốn nói những phụ nữ xấu xí thì không bị quấy rầy, và hắn viết chữ “Vô Diệm” trên lòng bàn tay để cho Mộc Lan xem. Cô mỉm cười lạnh lùng. Viên sĩ quan cũng để môi mình nở ra một nửa nụ cười. Các nữ tu cảm thấy lạ rằng viên sĩ quan Nhật này lại mỉm cười tử tế với một phụ nữ Trung Quốc.

“Lần này các người đã bắt quả tang chúng,” bác sĩ người Mỹ nói với người Nhật. “Các người từng tuyên bố không tin những câu chuyện này.”

“Chúng tôi đang làm hết sức để duy trì kỷ luật và trật tự,” viên sĩ quan trả lời. “Kỷ luật của chúng tôi ở đây thực sự đáng khâm phục. Ông nên đến xem Nam Kinh, Tô Châu, và Gia Hưng!”

Viên sĩ quan rõ ràng đang cố gắng hết sức, nhưng không thể kiểm soát được những lực lượng vượt quá tầm kiểm soát của hắn. Quay sang các binh lính, hắn ra lệnh cho chúng bằng tiếng Nhật phải ra ngoài, và chúng đi ra bằng cửa nhà nguyện.

“Các người tốt hơn nên sơ tán những phụ nữ này, chuyển họ đi nơi khác. Đây là một nơi hẻo lánh và khó khăn cho chúng tôi trong việc giám sát binh lính của mình,” viên sĩ quan nói khi rời đi.

Sau đó, bác sĩ người Mỹ quyết định cùng Mẹ Bề Trên bỏ tu viện vì vị trí của nó. Các phụ nữ được đưa bằng xe cứu thương đến Bệnh viện Công giáo, và tất cả người tị nạn được sơ tán ngay trong ngày hôm đó.

Mộc Lan và con gái cùng Cẩm Điều trở về nhà gần đó trước buổi trưa, khiến Tôn Á và Tào Trung ngạc nhiên. Trán Mộc Lan vẫn còn sưng nơi bị đánh. Khi họ kể câu

chuyện của mình cho Tôn Á, tất cả đều nói: “Làm sao chúng ta có thể ở lại Hàng Châu được nữa?” và họ đồng ý chạy vào nội địa.

*

Họ bắt đầu chuẩn bị cho cuộc hành trình dài và khó khăn vào vùng nội địa. Tài sản của họ giờ trị giá khoảng một trăm nghìn đô la, nhưng tất cả các cửa hàng của Tôn Á đều chung số phận với những người khác trong thành phố. Chúng đã bị lính Nhật đập phá và cướp bóc, nhân viên đã bỏ chạy, và anh không thể làm gì được. Anh đã chuẩn bị khoảng hai mươi nghìn đô la tiền giấy một tháng trước, và số tiền này họ có thể mang theo trên

hành trình. Tôn Á chia mười nghìn cho mình, vợ và con gái; và họ may nó vào những túi vải nhỏ bên trong áo khoác. Vì gia đình Cẩm Điều sẽ đi cùng họ, mỗi người cũng được cung cấp một trăm đô la được giấu tương tự. Số tiền còn lại Mộc Lan may vào trong một chiếc chăn. Một lần nữa, giống như người cha già của mình, Mộc Lan giấu những đồ cổ và tranh vẽ tốt hơn của họ trong các hộp ở hầm trú ẩn dưới lòng đất, trước đây được đào để phòng không, và cô cũng giấu một số đồ ngọc và ngọc trai trong túi, chăn màn và trên người mình, cũng như trên người con gái. Họ biết rằng họ phải đi bộ một phần hành trình và không biết liệu có thể thuê được phương tiện nào không, và do đó họ không mang nhiều chăn và quần

áo hơn mức có thể mang bởi chồng của Cẩm Điều và con trai cô, Tiểu Bính, giờ đã là một thanh niên khỏe mạnh, cùng tuổi với A Đồng.

Họ sắp xếp với cô Scranton để chuyển thư của họ, và Mộc Lan viết một lá thư cho A Đồng, kể cho cậu nghe những gì đã xảy ra với em gái cậu. “Nhân danh dì Mận Nhi và em gái con,» cô viết đầy phần nộ, «hãy chiến đấu đến khi lũ Nhật này bị đuổi xuống biển!»

Vì cây cầu thép mới, tốn hàng triệu đô la, đã bị đánh sập, họ quyết định chạy về phía đông rồi rẽ nam và vượt sông để đến đường sắt đi Nam Xương. Bình thường họ sẽ chạy về phía tây và bắt đường sắt một quãng ngắn từ thành phố,

nhưng có giao tranh ở phía tây và tây nam, và băng qua vùng nông thôn ở phía đó rất nguy hiểm. Mỗi người tị nạn Trung Quốc đều bị lính gác Nhật lột sạch tiền và vật có giá, với cáo buộc rằng hàng hóa là đồ cướp được và phải trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Và thế là, vào sáng ngày 29 tháng 12, gia đình Mộc Lan từ bỏ nhà cửa và lên đường gia nhập vào hàng triệu người tị nạn tiến vào nội địa Trung Quốc. Có ba nam và ba nữ, tất cả đều trưởng thành. Tào Trung và Tiểu Bính mang hành lý lớn, trong khi Cẩm Điều mang một bọc vải và Tôn Á mang một túi da nhỏ chứa các tài liệu và vật có giá quan trọng nhất. Giờ đây, đôi chân to, không bó của Mộc Lan

tỏ ra hữu ích; và, trong khi A Mỹ mảnh mai, cô cũng có thể đi bộ rất tốt. Cẩm Điều, mặc dù là phụ nữ, nhưng không hề yếu đuối, và Mộc Lan cùng con gái phụ thuộc vào cô rất nhiều. Thực tế, không ai trong số họ biết hành trình sẽ ra sao, vì tình hình liên tục thay đổi.

Chẳng mấy chốc họ đến một con lạch rộng hai mươi feet nơi một cây cầu đã bị đánh sập. Con lạch chỉ sâu khoảng một hoặc hai feet, nhưng Cẩm Điều đề nghị cống Mộc Lan và A Mỹ qua để họ không ướt chân, nhưng chồng cô nói rằng không cần thiết phải làm vậy, và rằng Tiểu Bính sẽ cống chính cô qua con lạch. Vậy là Cẩm Điều được cống bởi con trai, và sau đó Tào Trung và Tiểu Bính cống Mộc

Lan và A Mỹ. Thật lạ là tất cả sự phân biệt chủ tớ đã biến mất. Chỉ còn sức mạnh, trí thông minh và lòng trung thành chung mới được tính. Khi được cõng trên lưng Tào Trung, Mộc Lan gọi sang Cẩm Điều ở bên kia bờ:

“Cẩm Điều, chị nên cảm ơn em!”

“Cảm ơn em thế nào?”

“Vì đã lấy được một người chồng khỏe mạnh như vậy!”

Tôn Á, lúc này đã đứng bờ bên kia, nói: “Người lập dị, cô vẫn còn đùa được sao?”

“Sao không chứ, ông Béo?” cô kêu lên, vui vẻ.

Thế là họ tiếp tục lên đường trong tinh thần phấn chấn. Đó là một ngày nắng đẹp, mặt trời mùa đông khiến cho việc đi bộ trở nên vừa phải, chỉ có điều họ mặc quá nhiều áo, chẳng mấy chốc Mộc Lan và A Mỹ phải cởi áo ngoài ra và cầm trên tay. Phía trước trải ra vùng nông thôn tươi đẹp với những xóm làng khá giả và những lùm tre cao ngất. Trong một lùm tre như thế, nơi họ dừng chân nghỉ ngơi, những cây tre vươn cao đến bốn mươi hoặc năm mươi bộ.

Một lúc sau, họ đến một ngôi làng và vượt qua nó để tới một bến đò. Người lái đò nói với họ rằng cách bến đò hai dặm có một thị trấn, ở đó họ có thể tìm được một loại xe cộ nào đó, nếu may mắn. Họ

tiếp tục đi, và chẳng mấy chốc bắt đầu nhìn thấy những dòng người tị nạn từ phía đông và đông bắc đổ về hợp lại. Ở thị trấn, không có bất kỳ loại xe cộ nào có thể kiếm được dù với giá nào. Xe kéo, ô tô, kiệu, súc vật chở hàng, tất cả đều đã bị quân lính trưng dụng hoặc được những người đã đi trước thuê mất rồi. Tôn Á vẫn hy vọng rằng ngay khi họ đến được đường cái chính dẫn đến núi Thiên Thai thì có thể sẽ tìm được thứ gì đó.

Vì vậy, sau một chút nghỉ ngơi, họ lại lên đường, hòa vào dòng người tị nạn ngày càng đông đúc, tất cả đều kiên nhẫn và vui vẻ bất chấp bi kịch... Đây đó một chiếc xe kéo chở một bà mẹ già hay một người phụ nữ ốm yếu. Hai anh em

đang khiêng mẹ già nằm trên một tấm ván cửa treo trên một cây đòn gánh vắt vai. Những người con cõng mẹ trên lưng, những người cha gánh con nhỏ trong một cái sọt ở một đầu đòn gánh, đầu kia treo vài thứ chăn màn và nồi niêu nhỏ. Một người đàn ông ốm được buộc trên lưng một con trâu nước.

Hàng ngàn đôi chân người lê bước, lê bước, để thoát khỏi những kẻ xâm lược đáng sợ. Thế nhưng trên những khuôn mặt ấy vẫn có sự kiên cường bình thản. Rất ít người nói về quá khứ; tương lai là một khoảng trống; họ chỉ có những suy nghĩ cho những nhu cầu cấp thiết trước mắt — vai họ có mỏi hay không, còn bao nhiêu dặm nữa đến thị trấn kế tiếp, và đêm nay thời

tiết có tốt không. Một khối người làm lũi kiên cường, cả một dân số bị bật gốc khỏi nhà cửa của họ, tiến bước với lòng dũng cảm bất khuất để xây dựng tổ ấm mới ở vùng nội địa Trung Quốc.

Mộc Lan và gia đình cô bị cuốn theo dòng người, tất cả đều đi cùng một hướng. Tôn Á nói rằng ngay khi họ ra đến đường cái chính, anh sẽ tìm cách kiếm một chiếc xe, ngay cả khi phải trả một cái giá cắt cổ. Nhưng trước mắt họ phải tiếp tục đi bộ.

Họ cắm trại qua đêm cùng hàng trăm người khác ngoài trời, đắp mình bằng ít chăn mền và áo khoác.

Đến ngày thứ hai, họ tới một thị trấn nhỏ, nơi may mắn thay Tào Trung trông thấy một chiếc xe cút kít trong sân sau. Tôn Á bước vào hỏi thăm và biết rằng người nông dân vừa đi chuyển về từ Thiên Thai, và anh đã thuyết phục được ông ta nhận một chuyến đi nữa. Và thế là Tào Trung được giảm bớt một phần gánh nặng, còn A Mỹ và mẹ cô có thể thay phiên nhau ngồi ở ghế bên của chiếc xe cút kít. Một năm trước, hay thậm chí một tháng trước, một chuyến đi xe cút kít hẳn đã là thi vị đối với Mộc Lan, nhưng giờ đây cô cảm thấy nó ít là biểu hiện của tinh thần thơ mộng mà hơn là một sự thoải mái thực sự và một sự giải tỏa cho đôi chân mỏi nhừ của cô.

Giờ họ đang tiến gần đến đường cái. Vào buổi chiều, họ thấy bên vệ đường một đứa bé khoảng một tuổi, đang ngồi khóc bên cạnh xác chết của người mẹ, người mà rõ ràng đã chết vì đói khát và phơi sương phơi nắng. Hầu như không trao đổi lời nào với nhau, Tôn Á và Mộc Lan cùng bước đến đứa bé và bế nó lên, đặt lên xe cút kít, và A Mỹ ngồi cùng với nó để nó khỏi rơi xuống.

Đêm đó họ có thể tìm được chỗ trú trong nhà một người nông dân.

Đến ngày thứ ba, 31 tháng 12, họ ra đến đường cái. Họ đã ở gần điểm bắt đầu của dãy núi Thiên Thai, và những đỉnh đá granit thẳng đứng nhô lên đây đó từ những đồng

bằng mà con đường chạy qua. Ở đây, đường cái rộng và thẳng, và những dòng người tị nạn trải dài khắp các đồng bằng mở rộng, men theo đường cái như một Vạn Lý Trường Thành bằng người đang di chuyển, tưởng như bất tận, biến mất ở đường chân trời cùng với con đường vượt qua một sườn núi.

Chưa đi được xa trên đường cái, họ đã đến một nơi có hai vách đá khổng lồ đứng hai bên đường như thể là tàn tích của một cánh cổng được xây bởi một chủng tộc khổng lồ. Rồi họ nghe thấy một tiếng ầm ầm vọng lên từ phía trước ở đằng xa, như tiếng sấm. Thoạt đầu, nó nghe như tiếng gầm của biển khơi xa xăm; rồi trở nên như tiếng nước ủa qua một con đê

vỡ. Tiếng ồn lên xuống theo từng đợt và vang vọng trong thung lũng. Khi nó đến gần hơn, nó trở thành những giọng nói con người, như tiếng xé toạc những tấm lụa khổng lồ trong không trung. Ngạc nhiên và sợ hãi, họ nghĩ nó nghe như một trận chiến cổ xưa hay như một đội quân nổi loạn. Đoàn người tị nạn tách ra khỏi đường khi ở đằng xa một loạt vật thể đen xám ổn định tiến về phía họ. Rồi họ nhận ra đó là những chiếc xe tải quân đội, chất đầy binh lính Trung Quốc, giờ tay cao đáp lại tiếng hoan hô của những người tị nạn.

Làn sóng tiếng gầm vọng về phía họ và vang vọng từ các vách đá. Đây là những đội quân đang tiến ra mặt trận Hàng Châu.

Những chiếc xe tải quân đội đến gần, các binh sĩ đứng thẳng hiên ngang trong những chiếc mũ sắt và vẫy tay với dân chúng; và, được khích động bởi sự chào đón của mọi người, họ bắt đầu hát một bài hành khúc, điệp khúc của nó là:

Chúng ta ra trận,

Chiến đấu vì nhà vì nước!

Không trở về

Cho đến khi non sông được trả lại cho chúng ta!

Nước mắt Mộc Lan bắt đầu rơi, khi mọi người xung quanh cô cùng hòa vào tiếng hoan hô điếc tai. Bài hát dần khuất xa trong khoảng cách và trong tiếng gầm dần lắng xuống từ những người đứng hai

bên đường phía sau. Những người tị nạn gần Mộc Lan đứng nhìn lại và nhiều người vẫn hoan hô còn một số thì khóc.

Sau một giờ, cảnh tượng lại lặp lại khi khoảng năm mươi chiếc xe tải quân đội đi qua. Lần này, vài chiếc máy bay Trung Quốc bay qua đầu họ, hướng về phía bắc. Một lần nữa, những tiếng hoan hô cuồng nhiệt vang lên từ đám đông và vang vọng trong thung lũng. Những đỉnh núi đá granit của Thiên Thai dường như cũng đã cùng họ chấn động từ bên trong, trong một sự đồng tình gần như mang tính con người với điệp khúc của đoàn hợp xướng binh sĩ:

Không trở về

Cho đến khi non sông được trả lại cho chúng ta!

Thế là cả những ngọn núi cũng lên tiếng.

Mộc Lan cảm thấy một sự giải phóng bất chợt, sâu sắc và không thể diễn tả bằng lời. Cô đã từng cảm thấy sự giải phóng như vậy một lần trước đây, vào đêm trung thu đó khoảng ba mươi năm trước, khi cô khám phá ra mình yêu Lục Phu. Nhưng trong sự giải phóng đầu tiên ấy, cô đã tìm thấy chính mình, cá tính cá nhân của mình, trong khi ở sự giải phóng hiện tại này, cô đã đánh mất chính mình. Và chính vì sự giải phóng mới mẻ này mà cô bắt đầu làm nhiều việc khi họ tiếp tục lên đường.

Khoảng một giờ, họ bắt gặp hai đứa trẻ mồ côi, một bé gái mười bốn tuổi và em trai chín tuổi của nó, đang xin ăn. Mộc Lan lập tức nghĩ đến bản thân mình khi còn là một đứa trẻ bị lạc.

“Cha mẹ các cháu đâu?” Mộc Lan hỏi.

“Họ đã chết rồi,” cô bé trả lời.

“Các cháu từ đâu đến?”

“Từ Tùng Giang. Tất cả nhà cửa và đường phố đều bị ném bom và đốt cháy. Chúng cháu cố gắng không rời đi. Nhưng trong cả thị trấn chỉ còn năm ông lão và mấy con chó, và họ không thể giúp chúng cháu. Làm ơn, dì tốt bụng ơi, em trai cháu đói quá.”

“Và các cháu đã đi bộ cả quãng đường từ Tùng Giang sao?”

“Vâng. Chúng cháu đã ăn xin dọc đường.”

Đứa trẻ nhỏ hơn rõ ràng đã từng là một cậu bé cứng cáp, nhưng giờ cậu trông thần thờ và bơ vơ và dường như hoàn toàn dựa vào chị gái.

“Chúng ta hãy mang các cháu đi,” Mộc Lan nói.

“Sao mà được chứ?” Tôn Á hỏi.

“Trên xe cút kít,” Mộc Lan nói.

“Dì tốt bụng ời,” cô bé nói, “chúng cháu có thể đi bộ; ít nhất cháu có thể. Nhưng xin hãy cho chúng cháu chút gì ăn.”

“Đến đây và ngồi lên xe cút kít đi,” Tôn Á nói. Chị em họ ngạc nhiên và cùng ngồi lên xe cút kít với đứa bé.

“Thái thái,” người đàn ông đẩy xe nói, “bà là người tốt bụng. Nhưng nếu cứ tiếp tục như thế này, chính bà sẽ không thể ngồi xe nữa đâu.”

“Không sao,” Mộc Lan đáp. “Đây là những đứa cuối cùng chúng tôi sẽ nhận mang theo. Người lớn chúng tôi đều có thể đi bộ.”

“Thưa bà,” người đàn ông kêu lên, “tôi nghĩ tôi sẽ đi vào vùng nội địa và làm đầy tớ cho bà.”

Cô bé từ Tùng Giang thực sự đã mệt, và cả cô và em trai đều trông

như đói lả. Cẩm Điền lấy ra vài cái bánh mì mạch mà họ đã mua ở làng trước và đưa cho họ, và chị em họ ăn mà không nói một lời, như chỉ có những người đói ăn mới ăn như vậy.

Khi mặt trời sắp lặn, họ đến một con suối, và khi họ đang băng qua cầu, họ nhìn thấy một người phụ nữ nằm trên bờ bên dưới, với chồng và bốn hoặc năm đứa con quanh bà.

“Dừng lại!” Mộc Lan kêu lên.

“Lại có chuyện gì thế, Người lập dị?” Tôn Á hỏi.

“Người phụ nữ đó đang sinh con!” Cô chạy lại về phía bờ sông. Người đàn ông đẩy xe dừng lại kinh ngạc.

“Đây lại là ý thích mới nào của cô vậy? Lại một đứa trẻ nữa sao?”
Tôn Á kêu theo cô.

“Tôi chỉ đang tỉnh táo thôi,”
Mộc Lan đáp khi cô chạy xuống bờ.

Người phụ nữ đang nằm trên mặt đất trần, và đứa bé sơ sinh ở bên cạnh bà trên một mảnh vải xanh. Người chồng đang cố lau máu khỏi người đứa bé bằng một chiếc khăn cũ, nhưng dây rốn vẫn chưa được cắt. Người đàn bà nông dân chính là bà đỡ của chính mình và đang nói với chồng: “Đắp nó lại trước đã, và để cái nhau và dây rốn ra ngoài. Tôi chỉ cần nghỉ một lát nữa rồi sẽ lo liệu nó sau.”

Giờ thì Mộc Lan và Cẩm Điền đã đến gần, còn Tôn Á và A Mỹ đang

đứng cách đó một khoảng. Người chồng ngược nhìn họ với vẻ ngơ ngác.

“Để tôi giúp,” Mộc Lan nói.

“Sao chúng tôi dám phiền?” người chồng đáp. Người phụ nữ mở mắt và thấy Mộc Lan, người đang mặc một chiếc áo khoác ngoài đắt tiền, và bà nói: “Dì tốt bụng ơi, tôi sẽ ổn thôi sau một lúc. Chúng tôi không dám làm phiền bà với việc dờ dáy này. Nhưng nếu bà có thể cho đưa bé chút quần áo, tôi sẽ cảm ơn bà. Chúng tôi đã không chuẩn bị cho việc này.”

Giờ thì Cẩm Điền biết rõ bà chủ của mình, nên khi nghe thế cô chạy lên bờ và lấy ra một chiếc áo lót sạch sẽ để quần cho đứa trẻ.

“Mang kéo cho tôi,” Mộc Lan nói với cô.

“Đừng dùng kéo,” người mẹ nói. “Không tốt cho đứa trẻ đâu. Đưa tôi một cái bát.”

Người chồng lấy ra một cái bát ăn cơm.

“Đập vỡ nó,” người phụ nữ nói. Người chồng đập vỡ cái bát. Mộc Lan không hiểu lắm và hỏi: “Để làm gì vậy?”

“Tôi sẽ cắt dây rốn bằng mảnh bát vỡ mới.”

“Để tôi làm cho bà,” Mộc Lan nói, “bà cứ nằm xuống nghỉ đi.”

Mộc Lan giờ chọn một mảnh sành vỡ có cạnh sắc và sạch, cúi

xuống và thực hiện thao tác cắt dây rốn cho đứa trẻ sơ sinh, buộc phần dây còn lại thành một nút và cẩn thận bọc rốn bằng một chiếc khăn mà Cẩm Điền mang đến. Người chồng ném nhau thai xuống dòng suối, và Mộc Lan cũng ra suối rửa tay, trong khi người đàn ông đứng bên, không biết làm sao để cảm ơn người phụ nữ tốt bụng vô danh trước mặt mình.

Nhưng người mẹ nói: “Thái thái, bà là người nhân hậu. Tôi sẽ tặng đứa bé này cho bà, nếu bà nhận. Chúng tôi có quá nhiều miệng ăn và đang chạy loạn trong cảnh khốn khó. Nó là con trai, như bà thấy đấy.”

Cầm Điền nhìn Mộc Lan và Mộc Lan nhìn Cầm Điền; và cả hai cùng cúi xuống nhìn đứa bé.

“Hãy nhận nó đi,” Cầm Điền nói. “Tôi sẽ chăm sóc nó.”

Mộc Lan quay sang người mẹ và nói: “Bà thực lòng muốn thế sao? Nó là một đứa trẻ đẹp đấy.”

Người phụ nữ gằng gượng ngồi dậy và bế lấy con, Mộc Lan trao đứa bé cho bà, và bà nhận lấy và ôm nó thật chặt một lúc, rồi cô ấy ngược lên nhìn Mộc Lan một cách dũng cảm và nói: “Dì tốt bụng ơ, nếu dì nhận nuôi đứa con trai của cháu, cháu biết đó là phúc phận của nó. Dì chắc hẳn có nhiều tiền. Còn nếu cháu mang theo nó trên đường, cháu không biết nó có sống

được không. Chúng cháu thậm chí còn không có đủ ăn trên đường đi.”

Tôn Á, đang quan sát, thấy Mộc Lan quỳ xuống đất và đưa tay ra đón đứa bé. Người mẹ áp mặt con vào má mình, rồi trong nước mắt, trao đứa bé cho Mộc Lan với một nụ cười. Người cha không nói gì, còn anh chị em của đứa bé thì đến xem em trai mới của mình sớm được vị phu nhân giàu có nhận nuôi như thế nào.

Và Mộc Lan đứng dậy, mở khuy áo khoác, ôm đứa bé vào lòng để giữ ấm cho nó rồi đi lên bờ. Tôn Á đi xuống và hỏi cha mẹ đứa bé vài câu về việc họ từ đâu đến.

“Nói cho họ địa chỉ của chúng ta đi,” Mộc Lan gọi từ trên bờ.

“Địa chỉ nào?”

“Địa chỉ tiệm trà của chúng ta ở Hàng Châu,” vợ ông nói. “Nói rằng chúng ta sẽ trở về khi chiến tranh kết thúc.”

Rồi bà sai Cẩm Điều mang mười đồng xuống cho gia đình dưới bờ và họ tiếp tục lên đường. Người đàn ông đẩy xe càng thấy buồn cười hơn và nói, “Giờ thì bà đã nhặt được bốn đứa trẻ trong hai ngày rồi. Cứ đà này bà sớm có một trăm đứa thôi.”

“Đây chắc chắn là đứa cuối cùng rồi,” Mộc Lan đáp.

“Nếu cả Trung Quốc đều như

bà,” người đẩy xe nói, “bọn Nhật chẳng làm gì được chúng ta đâu. Chuyển đi trước của tôi, tôi đã thấy ba cảnh sinh nở như vậy bên đường. Chúng có thể giết một triệu, chúng ta vẫn còn bốn trăm bốn mươi chín triệu, và ngày nào cũng có thêm trẻ con được sinh ra!”

Cẩm Điều và A Mỹ giờ thay nhau bế đứa bé, đôi khi được ngồi xe nhưng thường là đi bộ, vì chiếc xe cút kít đã phải chở đứa bé một tuổi, cậu bé chín tuổi và hành lý rồi. Mộc Lan nghĩ về những lời người đàn ông vừa nói, và bà nói với Tôn Á, “Anh có nhớ chúng ta đã nói với A Đồng không? Dòng máu Trung Hoa phải mãi mãi tiếp tục, dù là của gia đình chúng ta hay của những gia đình khác!”

Đứa bé khóc. Mộc Lan có một bộ đồ sơ cứu, bà lấy một ít bông sạch và pha một ít đường với nước rồi để đứa bé mút từ bông ra.

Đêm đó, đêm Giao thừa, họ dừng chân tại một ngôi chùa dưới chân núi Thiên Thai. Vùng quê nơi đây là một trong những vùng đẹp nhất Chiết Giang, ít được khách du lịch biết đến cho đến khi con đường cao tốc được khai thông. Ở đường chân trời xa xa, họ thấy những đỉnh núi đá hoa cương lởm chởm đột ngột vươn lên, cao vút vào bầu trời, một phần bị mây che khuất.

Ngôi chùa gần như chật ních người tị nạn. Tuy nhiên, vị trụ trì biết được họ từ tiệm trà nổi tiếng

ở Hàng Châu và nói rằng ông đã biết cha của họ, lão ông Diêu; ông rất niềm nở và, dù nơi này đã chật cứng, vẫn dành cho họ một căn phòng trong sân trong của mình.

Mộc Lan xin một ít mật ong, nói rằng bà cần cho đứa bé. Nhà sư đưa cho bà ba chai, vì mật ong là đặc sản địa phương ở đây. Cẩm Điều đề nghị ngủ cùng đứa bé đêm đó, nhưng Mộc Lan có một cảm giác kỳ lạ và nói, “Không, để ta giữ nó đêm nay. Con ngủ với đứa nhỏ và trông nom chị em chúng.”

“Tiểu Hiệp, đêm nay chính em cần một giấc ngủ ngon,” Tôn Á nói. “Ngày mai còn hành trình phía trước.”

“Hãy để đây là ý thích cuối cùng của em,” Mộc Lan đáp. “Sau lần này em sẽ để Cẩm Điều ngủ cùng nó.”

Và ban đêm, khi đưa bé khóc, Mộc Lan nhúng một miếng bông vào mật ong và lau lên ngực mình để làm chúng ngọt ngào, rồi bà cho đưa bé bú và nó bú rồi ngủ thiếp đi. Mộc Lan cảm thấy một niềm vui sướng tinh tế trong việc này, cảm thấy rằng ngay cả khi cho đưa trẻ này bú, bà cũng đang làm điều gì đó không phải cho một cá nhân, mà là điều gì đó vĩnh cửu cho Trung Quốc, để duy trì sự sống của dân tộc Trung Hoa. Và giờ đây, đưa bé đối với bà là biểu tượng của sự bất tử của chủng tộc, hơn cả những con vật bằng ngọc và hổ phách của bà từng có.

Đó là buổi sáng năm mới, năm 1938. Tôn Á đề nghị họ nên nghỉ ngơi một chút trong ngày này, và vị sư già cũng khuyên họ ở lại. Và thế là họ có một buổi sáng yên tĩnh trong chùa.

Mộc Lan lại nghĩ về cuộc chạy trốn khỏi quân Nghĩa Hòa Đoàn và quân ngoại quốc khi bà còn là một đứa trẻ và về toàn bộ quá khứ của mình. Biết bao sự kiện đã xảy ra giữa lúc đó và bây giờ! Thân nhân của bà tán tác khắp nơi: Lập Phu và Mộc Hoa ở phía trước họ nghìn dặm, tận Tứ Xuyên xa xôi; Trần Tam và Hoàn Nhi và Thái Vân ở Sơn Tây; em trai bà A Phi và Hương Quý cùng Kim Á và Ánh Hương ở

Thượng Hải. Và Mẫn Nhung đã chết - mặc dù bằng cách nào đó bà cảm thấy rằng qua cuộc chiến này, linh hồn của Mẫn Nhung vẫn ở bên bà. Bà sẽ chẳng tiếc gì để được sống lại cuộc đời mình với tất cả họ một lần nữa! Trên hết, bà nghĩ về con trai A Đồng của mình, trong quân ngũ cùng với con trai của chị họ là Hiếu Phú, và bà tưởng tượng họ giống như những người lính dũng cảm tươi cười mà bà đã thấy trên những chiếc xe tải chạy ngang qua họ, đang đi hiến dâng mạng sống để con cháu họ có thể là những người tự do. Thật là một câu chuyện sử thi mà những con người Trung Quốc này đang trải qua, và bà là một trong số họ!

Và trong ngày này, khi họ nghỉ ngơi trong chùa, bà bắt đầu kể cho A Mỹ nghe câu chuyện về cuộc chạy trốn đầu tiên của chính mình, rồi về Tích Nhân và Ngân Bình, Hồng Ngọc, A Mạn, Tố Vân và Mận Nhi, những người giờ đã trở thành người xưa. Trên hết, A Mỹ thích nghe Mộc Lan kể về ông ngoại của mình, lão ông Diêu, người mà linh hồn dường như vẫn dẫn dắt và định hình cuộc sống của họ.

Và qua việc kể chuyện, đôi khi được Cẩm Điều hỗ trợ và chỉnh sửa, Tôn Á, Mộc Lan và A Mỹ có được một cảm nhận kỳ lạ về thời gian, như một dòng sông mãi chảy, hùng vĩ, không thể đổi thay. Và dường như với họ, câu chuyện của chính họ chỉ là một khoảnh khắc

trong Bắc Kinh cổ kính vĩnh hằng, một câu chuyện được viết ra bởi ngón tay của chính Thời Gian.

Vào khoảng trưa, họ nghe thấy bên ngoài ngôi chùa tiếng sóng người sấm rền một lần nữa cuộn về phía họ. Mộc Lan bật dậy.

“Đi thôi, chúng ta hãy gia nhập cùng họ!” bà kêu lên. “Chúng ta phải tiếp tục đi với họ. Anh có ổn không, Mập?”

“Chân anh vẫn còn đau, Tiểu Hiệp, nhưng chúng ta sẽ đi,” Tôn Á nói. “Chúng ta phải đến được đường sắt càng sớm càng tốt.”

“Còn bao xa nữa?” Mộc Lan hỏi.

“Có lẽ bốn hoặc năm ngày nữa,” chồng bà đáp. “E rằng sẽ khó kiếm

được một chiếc xe. Nhưng ngay cả khi có xe thì để làm gì? Em sẽ sớm chất đầy nó bằng trẻ mồ côi thôi!”

Ông mỉm cười và đứng dậy, gọi cậu bé chín tuổi đi cùng mình. Cẩm Điều bế đứa bé một tuổi, còn A Mỹ thì bế đứa bé sơ sinh quấn trong áo khoác của mình. Cô bé mười bốn tuổi đi bộ cùng họ. Họ đến chào tạm biệt và gửi lời cảm ơn chân thành đến vị sư già, và ông cùng họ ra đến cổng.

“Sao các vị phải đi sớm thế vào ngày đầu năm?” ông niềm nở hỏi.

“Chúng tôi phải cố gắng đến đường sắt sớm,” Tôn Á đáp.

“Các vị định đi sâu vào nội địa bao xa nữa?” vị sư già lại hỏi.

“Chúng tôi cũng chưa biết nữa. Có lẽ đến Trùng Khánh - để thăm em gái tôi,” Mộc Lan đáp, và lòng bà ấm áp khi nghĩ rằng ở đó bà sẽ gặp cả Lập Phu. Rồi bà nói thêm với nhà sư, “Có lẽ từ đó tất cả chúng tôi sẽ cùng nhau tiếp tục đi.”

Vị sư già đứng ở cổng và nhìn họ đi xuống dốc. Chỉ một khoảng cách ngắn phía trước là đường cao tốc. Tiếng ồn sấm rền của vô vàn giọng nói cuộn đến gần hơn.

“Đi nhanh nào và gặp họ đi!” nhà sư nghe thấy Mộc Lan kêu lên. Ông thấy bà bế đứa bé từ con gái mình và vội vã đi xuống.

Phía dưới ngôi chùa, hàng vạn người đàn ông, đàn bà và trẻ em đang di chuyển ngang qua vùng quê

tươi đẹp trong buổi sáng năm mới rực rỡ ấy, reo hò cổ vũ khi những chiếc xe tải quân đội đi qua. Bài ca của những người lính lại vang lên:

Chẳng trở về

Cho đến khi non sông trả lại ta!

Mộc Lan, khi đến gần họ, bị cuốn theo một cảm xúc mới mẻ kỳ lạ. Một cảm giác hạnh phúc, một cảm giác vinh quang, bà nghĩ đó là như vậy. Bà xúc động như chưa từng có, như người ta chỉ có thể xúc động khi hòa mình vào một phong trào lớn. Bà nhớ mình đã từng cảm thấy sự xúc động nội tâm tương tự khi chứng kiến đám tang Tôn Trung Sơn; nó giống như thế này nhưng không mãnh liệt bằng, không làm rung chuyển thể xác và tâm hồn bà

như thế này. Không chỉ có những người lính, mà còn cả đoàn người di chuyển vĩ đại này mà bà là một phần trong đó. Bà có một cảm nhận về dân tộc mình mà trước đây bà chưa từng có sống động đến thế, về một dân tộc được đoàn kết bởi một lòng trung thành chung, và dù đang chạy trốn một kẻ thù chung, vẫn là một dân tộc mà sự kiên nhẫn và sức mạnh tựa Vạn Lý Trường Thành, và bền bỉ như thế. Bà đã nghe về cuộc di tản của toàn bộ người dân ở Hoa Bắc và Trung Nguyên, và làm thế nào bốn mươi triệu anh chị em ‘cùng một bọc’ của bà đang hành quân về phía tây trong cuộc di cư vĩ đại nhất trong lịch sử thế giới, để xây dựng một quốc gia mới hiện đại ở vùng hậu phương rộng lớn của Trung Quốc.

Bà cảm thấy bốn mươi triệu con người ấy đang chuyển động trong một nhịp điệu cơ bản. Giữa những thiếu thốn khốn cùng và đau khổ của dân tị nạn, bà chưa nghe thấy ai nói lời nào chống lại chính Phó vì chính sách kháng Nhật. Tất cả những người này, bà nhìn thấy, đều thích chiến tranh hơn là nô lệ, như Mẫn Nhung, dù đó là một cuộc chiến đã phá hủy nhà cửa, giết chết thân nhân của họ, và chẳng để lại gì cho họ ngoài những vật dụng cá nhân tối thiểu, bát đĩa của họ. Đó là sự chiến thắng của tinh thần con người. Không có thảm họa nào lớn đến mức tinh thần không thể vươn lên trên nó và, từ chính tầm vóc của nó, biến nó thành điều gì đó lớn lao và vinh quang.

Và khi cảnh tượng thay đổi đối với Mộc Lan, điều gì đó bên trong bà cũng thay đổi. Bà đánh mất mọi ý thức về không gian và phương hướng, thậm chí đánh mất cả ý thức về căn tính cá nhân của mình, và cảm thấy mình đã trở thành một người trong đại chúng nhân dân. Bà đã thường mong ước được thuộc về tầng lớp bình dân; giờ đây bà thực sự là một trong số họ. Sự chế ngự cái tôi mà cha bà đã đạt được chỉ bằng sự chiêm nghiệm thuần túy, giờ đây bà đạt được thông qua tiếp xúc con người với đoàn người vĩ đại gồm đàn ông, đàn bà và trẻ con này. Nơi ẩn dật thâm mỹ mà bà đã tạo cho mình ở Hàng Châu trên đỉnh núi Thành Hoàng giờ đây đối với bà dường như vô nghĩa, không thỏa mãn, không chân thực. Trong

khối người tị nạn đang di chuyển này, giờ đây chẳng còn giàu nghèo. Chiến tranh và sự tàn phá của nó đã san bằng tất cả. Bà đã thấy một phụ nữ giàu có đề nghị bán áo khoác lông của mình với vài đồng để mua thức ăn. Bà chợt nghĩ về chàng thanh niên mặc đồ Tây trên chuyến tàu Tùng Giang, và bà biết rằng dòng người này càng chảy sâu vào nội địa, tinh thần kháng chiến của Trung Quốc sẽ càng mạnh mẽ. Vì nhân dân chân chính của Trung Quốc bám rễ vào mảnh đất mà họ yêu quý. Bà bước vào vị trí của mình giữa họ.

Ở đường chân trời xa xa, những đỉnh núi chạm mây của Thiên Thai Sơn vươn lên, linh thiêng trong thần thoại Đạo giáo, nơi thuộc về

linh hồn của lão ông Diêu. Trước ngôi chùa, vị sư già vẫn đứng ở cổng. Một lúc, ông có thể phân biệt được bóng dáng của Mộc Lan và Tôn Á cùng con gái họ, và những đứa trẻ đi cùng. Rồi dần dần họ trở nên không thể phân biệt được với những người khác và biến mất trong cột bụi người đang tiến về Thánh Sơn - và lục địa nội địa rộng lớn phía xa kia.

HẾT

